

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2022

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

(v/v Mời chào giá Vật tư y tế, Hóa chất năm 2022-2023)

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp

Để phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện, bệnh viện Bình Dân sẽ mua sắm các Vật tư y tế - Hóa chất (theo danh mục đính kèm). Kính mời các đơn vị đang ký hợp đồng cung cấp hàng hóa với Bệnh viện và các đơn vị khác quan tâm, có khả năng cung cấp các mặt hàng phù hợp vui lòng gửi báo giá và hợp đồng tương tự theo mẫu đính kèm (Biểu 01 – Mẫu báo giá, Biểu 02 – Mẫu thông tin kết quả trúng thầu).

Đề nghị Quý công ty gửi File Excel Biểu 01, Biểu 02 và bản Scan tài liệu kèm theo đến địa chỉ mail p.vttbyt.bvbd@gmail.com. Đồng thời gửi bản giấy Biểu 01, Biểu 02 có đóng dấu và tài liệu kèm theo về địa chỉ: Phòng Vật tư thiết bị y tế Bệnh viện Bình Dân. Địa chỉ: Số 371, Đường Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Tài liệu kèm theo bao gồm:

- Hợp đồng tương tự đã trúng thầu tại các đơn vị khác còn hiệu lực trong vòng 12 tháng có chứng thực hoặc sao y của công ty.
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có)

Điện thoại liên hệ : 0283 832 7714 (Ds. Nguyễn Đức Nghĩa – Phòng Vật tư - Thiết bị y tế)

Thời gian nhận báo giá: từ ngày 13/7/2022 đến 16 giờ 00 ngày 21/7/2022

Trân trọng ./.

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu: VTTBYT

K.T. GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN BÌNH DÂN
NGUYỄN NGỌC CHÂU

Tên công ty:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mail:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 01

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Bình Dân

Stt	Tên Vật tư y tế - Hóa chất	Tên thương mại của hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Mã hiệu	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Phân nhóm (TT 14)	Phân nhóm theo Quyết định 5086/BYT ngày 04/11/2021)	Đơn giá báo giá (đã bao gồm VAT)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	AAA	A	A									
2	BBB	B	B									
3	CCC	C	C									
4									
n									
...									

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Cấu hình, tính năng kỹ thuật theo Catalog hoặc Tài liệu Kỹ thuật của Nhà sản xuất

Tên công ty:
 Địa chỉ:
 Số điện thoại:
 Mail:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 02

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2022

BẢNG THÔNG TIN TRÚNG THẦU VẬT TƯ Y TẾ - HÓA CHẤT

Kính gửi: Bệnh viện Bình Dân

Stt	Stt theo bảng báo giá	Tên Vật tư y tế - Hóa chất	Tên thương mại của hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Mã hiệu	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Phân nhóm (TT 14)	Thông tin kết quả trúng thầu trong vòng 12 tháng trước							
											Tên thương mại của hàng hóa	Số QĐ và ngày ban hành QĐ	Số HĐ và ngày HĐ	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Tên đơn vị mua sắm	Số lượng trúng thầu	Đơn giá trúng thầu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	AAA	A	A	A	A	A	A	A	A	Thông tin kết quả trúng thầu gần nhất A(1)							
											Thông tin kết quả trúng thầu gần nhất A(2)							
2	BBB	B	B	B	B	B	B	B	B	Thông tin kết quả trúng thầu gần nhất B(1)							
											Thông tin kết quả trúng thầu gần nhất B(2)							
3	CCC	C	C	C	C	C	C	C	C	Thông tin kết quả trúng thầu gần nhất C(1)							
											Thông tin kết quả trúng thầu gần nhất C(2)							
4																	
...																	
n																	

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: - Thông tin kết quả trúng thầu không lấy kết quả của Bệnh viện Bình Dân.

- Thông tin kết quả trúng thầu thứ tự ưu tiên hình thức đấu thầu rộng rãi, mua sắm trực tiếp.

- Thông tin kết quả trúng thầu lấy thứ tự ưu tiên địa bàn TP.HCM, địa bàn khác.

- Quý công ty gửi lại cho Bệnh viện: Thông báo trúng thầu hoặc thư chấp thuận + Hợp đồng (đóng dấu sao y công ty) theo số Quyết định và ngày ban hành Quyết định đã cung cấp

DANH MỤC
ĐÍNH KÈM CÔNG VĂN MỜI CHÀO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ - HÓA CHẤT NĂM 2022 - 2023

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nhóm 1. Bông, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương				
1.1 Bông				
1	Gòn chích phi 1,5cm	Nguyên liệu: Bông xơ tự nhiên 100%, trắng mịn. Qui cách: phi 1,5cm.	Kg	
2	Gòn không thấm nước	Bông không hút nước được chế từ lông của hạt cây bông, không loại mỡ. Bông y tế (chưa tiệt trùng)- nguyên liệu 100% sợi Bông. Sợi mảnh, mềm, trơn, được chải kỹ, có độ đàn hồi cao và không còn quá nhiều nút, Không mùi.	Kg	
3	Gòn rửa (3 x 3)cm	Nguyên liệu: Bông xơ tự nhiên 100%, trắng mịn, tốc độ thấm hút ≤ 8s Qui cách: 3x3cm.	Kg	
4	Gòn se phi 2,5cm	Nguyên liệu: Bông xơ tự nhiên 100%, trắng mịn. Qui cách: phi 2,5cm.	Kg	
5	Bông tam cộn 8*10 cm.	Kích thước 8*10cm. Bông tam cộn 4 lớp vỏ trùng.	Miếng	
1.2 Dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương				
6	Cồn 70 độ	Dung dịch Ethanol 70%, dung dịch dùng ngoài.	Lít	
7	Cồn 90 độ	Dung dịch Ethanol 90%, dung dịch dùng ngoài	Chai/1 lít	
8	Cồn tuyệt đối 99,5%	Dung dịch Ethanol 99,5%	Chai/1lít	
9	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ Didecyldimethyl ammonium chloride + Chlorhexidine digluconate.	Dung dịch khử trùng dụng cụ Didecyldimethyl ammonium chloride + Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt. Chất tẩy rửa mức độ cao, pH trung tính tương thích với nhiều chất liệu dụng cụ. Công thức hiệu quả với nước cứng. Giảm hình thành màng sinh học biofilm. Phổ diệt khuẩn, diệt nấm, diệt vi khuẩn lao chỉ từ 15 phút; diệt virus HIV-1, HBV, HCV trong 5 phút. Nồng độ sử dụng 0,5%.	Can/ 5 lít	
10	Dung dịch rửa tay phẫu thuật thủ thuật chứa Chlorhexidine gluconate 4% - Can/5 lít	• Dung dịch rửa tay diệt khuẩn: Chlorhexidine gluconate 4% Diệt khuẩn, nấm, hiệu quả trên virus, vi khuẩn đa kháng MRSA, ESBL, Acinetobacter baumannii...	Can/5 lít	
11	Dung dịch rửa tay phẫu thuật thủ thuật chứa Chlorhexidine gluconate 4% - Chai 500ml	Dung dịch rửa tay diệt khuẩn: Chlorhexidine Gluconate 4%. Diệt khuẩn, nấm, hiệu quả trên virus, vi khuẩn đa kháng MRSA, ESBL, Acinetobacter baumannii...	Chai/500ml	
12	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh Chlorhexidine gluconate 0,5%, Alpha-terpineol 0,5%	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh Chlorhexidine gluconate 0,5%, Alpha-terpineol 0,5%	Chai/500ml	
13	Dung dịch rửa tay thủ thuật Chlorhexidine gluconate 2% - Can/5 lít	Dung dịch rửa tay thủ thuật thường quy Chlorhexidine gluconate 2%.	Can/5 lít	

STT	Tên hàng hóa mới đầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chi chú
14	Dung dịch rửa tay thu thuật Chlorhexidine gluconate 2% - Chai/500ml	Dung dịch rửa tay thu thuật thường quy Chlorhexidine gluconate 2%.	Chai/500ml	
15	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh dạng gel Ethanol + Propanol-2-ol (mg/g).	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh dạng gel Ethanol + Propanol-2-ol (mg/g). Không chứa chất gây dị ứng da và có phổ diệt khuẩn rộng: diệt khuẩn, diệt nấm, diệt virus, diệt vi khuẩn lao.	Chai/ 500ml	
16	Dung dịch tẩy rửa dung cụ 5% Protease subtilisin Enzyme + Enzymatic Detergent, PH trung tính.	Dung dịch tẩy rửa dung cụ 5% Protease subtilisin Enzyme+Enzymatic Detergent, hiệu quả trong 1 phút, PH trung tính, không gây ăn mòn dung cụ, hoặc tương đương	Can/ 5 lít	
17	Dung dịch tẩy rửa dung cụ hỗn hợp 5 enzyme: Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase + chất hoạt động bề mặt.	• Dung dịch tẩy rửa da enzyme hiệu quả với mọi chất bẩn. Tẩy rửa dung cụ nội khoa, ngoại khoa và các dung cụ y tế khác bằng cách ngâm, bồn rửa siêu âm hoặc máy rửa dung cụ. • Hiệu quả sau 1 phút với máy rửa dung cụ. • Hiệu quả với mọi loại nước (nước mềm hoặc nước chưa xử lý). • Công thức không chứa chất bay hơi, pH trung tính ở nồng độ sử dụng. Nồng độ sử dụng: 0,1-0,5%.	Can/ 5 lít	
18	Oxy già 10 thể tích (3%)	Nước oxy già 10 thể tích (3%)	Chai/1 lít	
19	Viên nén khử khuẩn dạng sulfat nhanh trong nước 50% Sodium Dichloroisocyanurate 2,5g.	Khử khuẩn tường, sàn, giường bệnh... và các bề mặt nhiễm khuẩn, ngâm rửa và khử khuẩn dung cụ y tế, hàn chế vết lấy lát tất cả các vi sinh vật bao gồm: HIV, Hepatitis B, Herpes viruses, virus, virus khuẩn lao. An toàn, thuận tiện và chính xác (pha chế chính xác nồng độ cần khử nhiễm). • Ít kích ứng và ít gây độc. • Viên nén gọn nhẹ và kinh tế.	Viên	
20	Dung dịch bao vớ da 100% silicon.	Dung dịch xịt bao vớ vùng da nhạy cảm, kích ứng như vùng cùm cùt, vùng quanh hậu môn nhân tạo, vùng da rạn, móng hoặc cò tồn tương, 100% silicon không có alcohol thích hợp sử dụng ngay cả khi có vết thương.	Chai	
21	Dung dịch bôi trơn, bảo dưỡng, chống ăn mòn dung cụ.	Dung dịch bôi trơn, bảo dưỡng, chống ăn mòn dung cụ: Petroleum hydrocarbons, ester acid béo, chất hoạt động bề mặt, chất kháng khuẩn.	Can/ 4 lít	
22	Dung dịch chống đông màu trên dung cụ sau phẫu thuật.	Thành phần: Corrosion inhibitors, Surfactant. - pH tương đương 7,8 - Gel bám vào dung cụ để duy trì độ ẩm, chống đông màu trên dung cụ phẫu thuật lên đến 72 giờ trong quá trình vận chuyển. - Gel tương thích với hầu hết dung cụ phẫu thuật.	Chai/ 650ml	
23	Dung dịch dung tẩy rửa, xử lý các mang bầm Biofilm trên dung cụ inox.	Dung dịch dung tẩy rửa, xử lý các mang bầm Biofilm trên dung cụ inox: Trichloroamine 8%, Ethoxylated alcohol 5%.	Chai/ 750ml	
24	Dung dịch dung tẩy rửa, xử lý oxi hóa, gỉ sét trên dung cụ inox.	Dung dịch dung tẩy rửa, xử lý oxi hóa, gỉ sét trên dung cụ inox: Glycolic acid 8%, Ethoxylated Alcohol 5%.	Chai/ 750ml	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
25	Dung dịch khử khuẩn bề mặt.	Dung dịch khử khuẩn bề mặt Didecyl dimethyl ammonium Chloride + Polyhexamethylene biguanide Chlorhydrate. Không màu, không mùi. Phổ diệt khuẩn, diệt lao, hiệu quả trên virus chỉ từ 15 phút. Tương thích với hầu hết chất liệu bề mặt và thiết bị.	Chai/1 Lit	
26	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ mức độ cao.	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao có Hydrogen peroxide 2% đã hoạt hóa (tương đương Hydrogen peroxide 7.5%), pH 2.2 - 2.7. - Không cần pha loãng, Không tạo bọt, không mùi hăng, không gây ăn mòn, tương thích nhiều loại vật liệu, có kèm que thử, khử khuẩn mức độ cao dụng cụ nội soi và dụng cụ không chịu nhiệt. - Diệt khuẩn, nấm, virus và Mycobacteria trong 8 phút. Diệt bào tử trong 6 giờ. - Tái sử dụng trong 21 ngày.	Can/ 5 lít	
27	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ mức độ trung bình.	Dung dịch làm sạch, khử khuẩn dụng cụ y tế, chứa Cocopropylene Diamine, sử dụng được cho bề mặt siêu âm.	Can/ 5 lít	
28	Dung dịch phun khử khuẩn bề mặt có mùi.	Dung dịch phun khử khuẩn bề mặt có mùi: Hydrogen Peroxide, Silver. Nồng độ phun 1ml/1m3. Thời gian đợi sau phun: 30 phút.	Chai/1 Lit	
29	Dung dịch phun khử khuẩn bề mặt không mùi.	Dung dịch phun khử khuẩn bề mặt không mùi: Hydrogen Peroxide, Silver. Nồng độ phun 1ml/1m3. Thời gian đợi sau phun: 30 phút.	Chai/1 Lit	
30	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh (Ethanol + n-propanol)	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh (Ethanol + n-propanol).	Chai/ 1000ml	
31	Dung dịch rửa vết thương.	Dung dịch Betaine 0,1% và Polyhexanide 0,1% được sử dụng để làm sạch, làm ẩm và phòng ngừa nhiễm khuẩn trong những vết thương cấp tính và mạn tính, không gây ức chế mô hạt, không gây độc tế bào.	Chai 350ml	
32	Dung dịch sát khuẩn da nhanh, dạng xịt.	Dung dịch sát trùng da nhanh, chứa 1% kl/kl povidone iodine, 50% kl/kl isopropyl alcohol, dạng chai xịt 250ml.	Chai 250ml	
33	Dung dịch sát khuẩn dùng tắm cho bệnh nhân trước và sau phẫu thuật.	Dung dịch sát khuẩn Chlorhexidine 4% dùng tắm cho bệnh nhân trước và sau phẫu thuật, ngăn ngừa MRSA/MDRO. Chai 30ml.	Chai 30ml	
34	Dung dịch sát khuẩn tay Can/10L	Dung dịch sát khuẩn tay Ethanol 96%, Glycerin, Methyl Hydroxybenzoat, Propyl Hydroxybenzoat, Hương hoa hồng, nước tinh khiết. Can/10 lít	Can/10 lit	
35	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ nội soi.	Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ: Thành phần: - Citric acid, Triethanolamine, Ethanolamine, Ethylated cocount oil alkyl amine, Glycerine. - N,N-Dimethyloctadecylamine oxide. - Subtilisins (proteolytic enzymes). - pH: 7,25 – 7,75.	Can/ 4 lit	

STT	Tên hàng hóa một đầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
36	Dùng dịch tẩy rửa dùng cụ sử dụng được cho máy rửa khử khuẩn, máy rửa dùng cụ ống nội soi và máy rửa dùng cụ robot (Da Vinci), Sử dụng được cho máy rửa khử khuẩn, máy rửa dùng cụ ống nội soi và máy rửa dùng cụ robot (Da Vinci). Thành phần: - Sodiummono (2-ethylhexyl) sulphate - Không chứa phốtphat và silica. - Tương thích với máy rửa Belimed. - Dung dịch chứa: chất hoạt động bề mặt anionic, chất hoạt động bề mặt không ion, polycarboxylates, phosphonates, enzymes, chất ức chế ăn mòn, tá dược. - Hoặc trong dung:	Can/ 10 lít		
37	Gel sát khuẩn, làm sạch và cân bằng âm vết thương.	Thành phần Betaine 0,1% và Polyhexanide 0,1% glycerin và hydroxyethyl cetylolozơ dùng gel được sử dụng để làm sạch, làm ấm và phòng ngừa nhiễm khuẩn trong vết thương cấp tính và mạn tính, không gây ức chế mô lành, không gây độc tế bào.	Chai 30 ml	
38	Hóa chất rửa qua lọc thân nhân tạo.	Hóa chất rửa qua lọc thân nhân tạo thành phần : Hydrogen Peroxide 26,53%, Acetic Acid 7,83%, Peracetic Acid 5,0%.	Can/ 5 lít	
Nhóm 2. Bảng, gác, vật liệu cầm máu, điều trị các vết thương				
2.2. Bảng dính				
39	Bảng keo lụa có lõi (2,5cm x 5m) ±10%	Vải lụa, keo oxyd kẽm không dùng dung môi, dính tốt, không gây dị ứng, dễ bóc ngang dọc.	Cuộn	
40	Bảng keo thun (10cm x 4,5m) ±10%	Bảng thun màu trắng, cotton 100%, keo Zinc oxide không dùng dung môi, lực dính tốt, co giãn tốt.	Cuộn	
41	Bảng keo trong y tế (2,5cm x 9,14m) ±10%	Bảng keo trong y tế (2,5cm x 9,14m) ±10%	Cuộn	
42	Bảng keo ca nhàn (6cm x 2cm) ±10%.	Kích thước (6 cm x 2cm) ±10%. Bảng: vải Viscose và Polyamide co giãn. Gác: Viscose có tơ màng trên cùng bằng Polyethylene không gây dính.	Miếng	
43	Bảng keo cuộn co giãn (10cm x 10m) ±10%.	- Làm từ vải không đàn dãn, co giãn rất tốt - Lớp keo thân thiện với da, không gây dị ứng, không dễ lột vết bám dính. - Cầu trúc có những lỗ nhỏ đan xen giúp thoáng khí và hơi nước. - Kích thước: (10cm x 10m) ±10%.	Cuộn	
44	Bảng keo trong vô trùng không thấm nước (6cm x 7cm) ±10%.	Bảng keo có dính trong suốt (6cm x 7cm) ±10%, chất liệu PU không thấm nước.	Miếng	
2.3. Gác, bảng gác điều trị các vết tổn thương				
45	Gác dệt xếp 11cm x 15cm	Nguyên liệu: Gác 100% cotton, thấm hút, tăng mịn, tốc độ thấm hút ≤ 8s Qui cách: 11cm x 15cm /mét.	Miếng	
46	Bảng gác vô trùng có dính kim luôn (60x70) mm ±10%	Thành phần: giấy lót phụ silicon, film polyurethane, keo acrylate, kích thước (6cm x 7cm) ±10%.	Miếng	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
47	Băng keo có gạc vô trùng (100x70)mm ±10%	Băng keo có gạc vô trùng (100x70)mm ±10%: Băng vải không dệt, co giãn, thông thoáng, Keo Acrylic không dị ứng, Gạc thấm hút mạnh với màng PE không gây dính vết thương, tiết trùng.	Miếng	
48	Băng keo có gạc vô trùng (150x70)mm ±10%	Băng keo có gạc vô trùng (150x70)mm ±10%: Băng vải không dệt, co giãn, thông thoáng, Keo Acrylic không dị ứng, Gạc thấm hút mạnh với màng PE không gây dính vết thương, tiết trùng.	Miếng	
49	Băng keo có gạc vô trùng (70x50)mm ±10%	Băng keo có gạc vô trùng (70x50)mm ±10%: Băng vải không dệt, co giãn, thông thoáng, Keo Acrylic không dị ứng, Gạc thấm hút mạnh với màng PE không gây dính vết thương, tiết trùng.	Miếng	
50	Băng keo y tế co giãn 75mmx4,5m	Băng thun co giãn và tự dính, độ ép vừa đủ nên không gây chèn ép sau khi băng Thành phần : Spandex yarn, Copolymer cao su TH, Sợi Polyester, Resin Hydrocarbonated Kích thước : 7,5cm x 4,5m	Cuộn	
51	Gạc 11cm x 13cm x 24 lớp có cân quang.	Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút ≤ 8s, hàm lượng chất béo ≤ 0,4% KL. Qui cách: 11cm x 13cm x 24 lớp, có cân quang.	Miếng	
52	Gạc bao gồm 10cm x 25cm, gồm dày 1cm.	Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút ≤ 8s. Bông xơ tự nhiên 100%. Qui cách: Gạc bao gồm 10cm x 25cm.	Miếng	
53	Gạc bao gồm 8cm x 17cm, gồm dày 1cm	Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút ≤ 8s. Bông xơ tự nhiên 100%. Qui cách: Gạc bao gồm 8cm x 17cm, gồm dày 1cm.	Miếng	
54	Gạc bao gồm 8cm x 8cm, gồm dày 1cm.	Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút ≤ 8s. Bông xơ tự nhiên 100%. Qui cách: Gạc bao gồm 8cm x 8cm, trọng lượng: 2,8g±0,1 /miếng, 280g±/-10g/gói, gồm dày 1cm.	Miếng	
55	Gạc cân quang 9cm x 9cm x 15 lớp.	Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn. Kích thước: 9cm x 9cm x 15 lớp.	Miếng	
56	Gạc cân quang 11cm x 13cm x 24 lớp	Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn. Kích thước: 11cm x 13cm x 24 lớp.	Miếng	
57	Gạc dẫn lưu 1cm x 200cm 4 lớp	Thành phần của vải không dệt gồm polyester chiếm khoảng 70% và viscose chiếm khoảng 30%, không mùi, đã tiết trùng.	Cuộn	
58	Gạc mèche 2cm x 30cm x 6 lớp có cân quang, tiết khuẩn.	Thành phần của vải không dệt gồm polyester chiếm khoảng 70% và viscose chiếm khoảng 30%, không mùi, tiết trùng.	Cái	dang sử dụng loại Gạc MECHE 2cm x 30cm (tiết trùng) mã gốc VTYTGACME0002
59	Gạc miếng 4cm x 4cm x 16 lớp	Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút ≤ 8s. Qui cách: 4x4cmx16 lớp.	Miếng	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
60	Gạc miêng 6cm x 6cm x 12 lớp.	Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút ≤ 8s Qui cách: 6cm x 6cm x 12 lớp.	Miếng	
61	Gạc miêng 8cm x 12cm x 18 lớp.	Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút ≤ 8s Qui cách: 8cm x 12cm x 18 lớp.	Miếng	
62	Gạc miêng 8cm x 12cm x 18 lớp tiết trùng, có can quang.	Gạc miêng 8cm x 12cm x 18 lớp, tiết trùng, có can quang; Nguyên liệu Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn.	Miếng	
63	Gạc miêng 9cm x 16cm x 10 lớp	Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút ≤ 8s Qui cách: 9cm x 16cm x 10 lớp.	Miếng	
64	Gạc miêng 9cm x 9cm x 15 lớp.	Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút ≤ 8s. Qui cách: 9cm x 9cm x 15 lớp.	Miếng	
65	Gạc phẫu thuật có can quang tiết trùng 40cm x 70cm 2 lớp.	Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút ≤ 8s Qui cách: 40cm x 70cm x 2 lớp, can quang.	Miếng	
66	Gạc y tế khổ 0,8m.	Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn.	Mét	
67	Khăn lau sắt khuẩn chứa 1- propanol, Didecylidimethylammonium chloride	Khăn lau sắt khuẩn chứa 1- propanol, Didecylidimethylammonium chloride	Gói/100 miếng	
68	Màng phẫu thuật y tế vô trùng 28cm x 41cm	Màng phẫu thuật y tế vô trùng 28cm x 41cm	Miếng	
69	Miếng dán sắt khuẩn chứa Chlorhexidine Gluconate.	Miếng dán sắt khuẩn chứa Chlorhexidine Gluconate 86,8 - 92mg, đường kính 2,5cm. Phòng thich Chlorhexidine trong vòng 7 ngày, thấm hút dịch gấp 8 lần trọng lượng của miếng.	Miếng	
70	Bột cầm máu tự tiêu Polysaccharide 1g (kèm với bơm dài 10cm).	2.4 Vật liệu cầm máu, điều trị các vết tổn thương		
		- Là bột polysaccharide có nguồn gốc hoàn toàn từ thực vật, trong thich sinh học, không gây sốt. - Có tính ưa nước rất mạnh, Sau 90s đầu tiên: hấp thụ nước đến 2.5ml/0.05g - Bột có độ bám dính màng liên kết gần 30grams - Dùng trong các phẫu thuật: Tai mũi họng, Tim mạch, Mạch máu, Tiết niệu, Thận kinh, Cột sống, Phụ khoa và Phẫu thuật chung - Không bị sưng nề mô sau phẫu thuật, không hình thành bầm tím. Nhanh chóng bị phân hủy bởi amylase và glucoamylase, Tiêu biến hoàn toàn sau 48 giờ.	Gói	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
71	Bột cầm máu tự tiêu Polysacharide 3g (kèm vòi bơm dài 10cm)	- Là bột polysacharide có nguồn gốc hoàn toàn từ thực vật, tương thích sinh học, không gây sốt. - Có tính ưa nước rất mạnh, Sau 90s đầu tiên: hấp thụ nước đến 2.5ml/0.05g - Bột có độ bám dính màng liên kết gần 30grams - Dùng trong các phẫu thuật: Tai mũi họng, Tim mạch, Mạch máu, Tiết niệu, Thần kinh, Cột sống, Phụ khoa và Phẫu thuật chung - Không bị sưng nề mô sau phẫu thuật, không hình thành bám dính. Nhanh chóng bị phân hủy bởi amylase và glucoamylase, Tiêu biến hoàn toàn sau 48 giờ	Gói	
72	Vật liệu cầm máu tự tiêu, có tính kháng khuẩn, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp, kích thước 10cm x 20 cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu, có tính kháng khuẩn, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp, kích thước 10cm x 20 cm	Miếng	
73	Keo cầm máu không phụ thuộc vào cơ chế cầm máu của cơ thể.	- Keo cầm máu là hỗn hợp bao gồm mạng lưới các hạt gelatin và thrombin liên kết với nhau, 2 thành phần này đóng vai trò quan trọng, đem lại hiệu quả cầm máu độc lập, không phụ thuộc vào cơ chế cầm máu của cơ thể. - Hoặc tương đương.	Bộ	
74	Keo dán da 2-octyl cyanoacrylate dùng ngoài cơ thể.	Keo dán da 2-octyl cyanoacrylate, dùng ngoài cơ thể. Ống 0,5ml.	Ống 0,5ml	
75	Keo dán sinh học bịt kín lỗ hở chân chi khâu.	- Keo dán phẫu thuật Coseal bao gồm 2 polyethylene glycol tổng hợp (PEGs), sau khi hòa trộn, Cosealpolymer hóa thành hydrogel bám dính với các mô và vật liệu cấy ghép tổng hợp, giúp bịt kín lỗ hở chân chi khâu, ngăn ngừa chảy máu hậu phẫu và chống dính ở các vùng có nguy cơ hình thành kết dính sau phẫu thuật. - Hoặc tương đương.	Bộ	
76	Sáp cầm máu xương 2.5g.	Sáp cầm máu xương 2.5g (sáp ong trắng + Vaseline)	Miếng	
77	Vật liệu cầm máu bằng collagen tự tiêu 5cm x 8cm.	Vật liệu cầm máu bằng collagen tự tiêu 5cm x 8cm.	Miếng	
78	Vật liệu cầm máu bằng gelatin dạng bột xốp màu trắng, tự tan 7cm x 5cm x 1cm.	Vật liệu cầm máu bằng gelatin dạng bột xốp tiết trùng, tự tan 7cmx5cmx1cm.	Miếng	
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và các vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh				
3.1 Bơm tiêm				
79	Bộ bơm tiêm thuốc cân quang 2 nòng dùng cho máy Medrad Stellant (hoặc tương đương).	Ống bơm thuốc cân quang 2 nòng/200ml dùng cho máy Medrad Stellant. Chịu áp lực cao 400psi, luer lock. Nạp thuốc bằng ống hút nhanh. Chất liệu Polyethylene Terephthalate an toàn, không DEHP Bộ đóng gói gồm 2 bơm tiêm đường kính trong 4,75cm, 1 ống hút, 1 dây nối chữ T chống xoắn dài 150cm, luer lock Đồng bộ với máy Medrad Stellant, có dấu chỉ phát hiện nhanh ống bơm đã được nạp thuốc. Tiết khuẩn.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thay	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chỉ chú
80	Bộ bơm tiêm thuốc can quang 150ml dùng cho máy Medrad Mark V Provis, 4,05cm, dài 23,14cm, 1 ống hút Dòng bộ với máy Medrad Mark không DEHP. Bộ đồng gói gồm 1 bơm tiêm dùng kính trong thuốc bằng ống hút nhanh. Chất liệu Polycarbonate an toàn. Medrad Mark V Provis. Chịu áp lực cao 350psi, luer lock. Nạp thuốc 1 nòng hoặc 2 nòng. Chịu áp lực 300psi, luer lock. Nạp thuốc bằng ống hút nhanh. Chất liệu Eastman PET MN052 an toàn, không DEHP. Bộ đồng gói gồm 1 bơm tiêm có nắp dây, dùng kính trong 4,68cm, dài 18,68cm và 1 ống hút Dòng bộ với máy Saliert, có đầu chỉ phát hiện nhanh ống bơm đã được nạp thuốc. Tiệt khuẩn. - Hoặc tương đương.	Cái		
81	Bộ bơm tiêm thuốc can quang 190ml dùng cho máy Saliert.	- Ống bơm thuốc can quang 1 nòng 190ml dùng cho máy Saliert 1 nòng hoặc 2 nòng. Chịu áp lực 300psi, luer lock. Nạp thuốc bằng ống hút nhanh. Chất liệu Eastman PET MN052 an toàn, không DEHP. Bộ đồng gói gồm 1 bơm tiêm có nắp dây, dùng kính trong 4,68cm, dài 18,68cm và 1 ống hút Dòng bộ với máy Saliert, có đầu chỉ phát hiện nhanh ống bơm đã được nạp thuốc. Tiệt khuẩn. - Hoặc tương đương.	Bộ	
82	Bộ bơm tiêm thuốc can từ 2 nòng Solaris EP, 65/115 dùng cho máy Medrad Spectris Solaris EP.	- Ống bơm thuốc can từ 2 nòng dùng cho máy Medrad Spectris Solaris EP. Chịu áp lực cao 350psi, luer lock. Nạp thuốc bằng spike. Chất liệu Polyethylene Terephthalate an toàn, không DEHP Bộ đồng gói gồm 1 bơm tiêm can từ 65ml dùng kính trong 2,7cm, 1 bơm tiêm nước muối 15ml dùng kính trong 3,6cm, 2 spike, 1 dây nối chỉ T chống xoắn dài 150cm, luer lock Dòng bộ với máy Medrad Spectris Solaris EP, có đầu chỉ phát hiện nhanh ống bơm đã được nạp thuốc. Tiệt khuẩn. - Hoặc tương đương.	Bộ	
83	Bơm tiêm 50 ml đầu xoắn (dùng cho máy bơm tiêm điện)	*- Bơm tiêm dùng cho máy bơm tiêm điện, dạng đầu xoắn/dầu khỏa. - Bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen (PP), trong suốt, vạch chia thể tích rõ ràng, dễ đọc. Phòng làm bằng cao su tổng hợp đặc biệt độ đàn hồi tốt, bám khi ti truyền rõ ri thuốc. - Sản phẩm không PVC, không Latex, không gây độc không phản ứng với thuốc. - Tiệt trùng.	Cái	
84	Bơm tiêm áp lực có đầu xoắn luer lock dùng tích 10ml	Bơm tiêm áp lực có dung tích 10ml, có đầu luer lock. Vật liệu làm bằng Polycarbonate chịu áp lực tốt.	Cái	
85	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần loại 100UI + kim 30G x 1/2"	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 1ml, gắn kim 30Gx1/2" (kim sắc bên, không bị oxi hóa). Sản phẩm đóng gói trong dam bao vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt.	Cái	
86	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 10cc + Kim 23G; 25Gx1"	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 10ml, gắn kim 25Gx1" (kim sắc bên, không bị oxi hóa). Sản phẩm đóng gói trong túi riêng dam bao vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt.	Cái	
87	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1cc + Kim 26Gx1/2"; 25Gx5/8"	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 1ml, gắn kim 26Gx1/2", 25Gx5/8" (kim sắc bên, không bị oxi hóa). Sản phẩm đóng gói trong túi riêng dam bao vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
88	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 20cc + Kim 23G; 25Gx1"	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 20ml, gắn kim 23G;25G x 1" (kim sắc bén, không bị oxy hóa). Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt.	Cái	
89	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 3cc + Kim 23G; 25Gx1"	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 3ml, gắn kim 25Gx1", 23Gx1", 25Gx5/8" (kim sắc bén, không bị oxy hóa). Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt.	Cái	
90	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 50cc đầu lớn	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 50ml, đầu lớn lắp vừa dây cho ăn. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt.	Cái	
91	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 50cc đầu nhỏ	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 50ml, đầu nhỏ lắp vừa kim tiêm. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt.	Cái	
92	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 5cc + Kim 23G; 25Gx1"	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 5ml, gắn kim 25Gx1", 23Gx1", 25Gx5/8" (kim sắc bén, không bị oxy hóa). Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt.	Cái	
3.2 Kim tiêm				
93	Kim chích cầm máu, chích xơ 22G, sử dụng 1 lần	Dùng chích cầm máu, chích xơ qua nội soi. Chiều dài 230 cm, đường kính 2.3 mm, chiều dài kim 5 mm, đường kính kim 0.7 mm, chùng loại 22G	Cái	
94	Kim gấp góc các số G20, G22 sử dụng cho buồng tiêm truyền cây dưới da	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cây dưới da, các cỡ - Chất liệu: kim bằng thép không gỉ, dây nối bằng polyurethane, không latex, không PVC, không DEHP - Kích cỡ: 20G (đường kính kim 0,7mm), 22G (đường kính kim 0,9mm), chiều dài kim 15mm, chiều dài dây nối 25 cm - Cấu tạo: Kim gấp góc có để cố định không màu nối với dây nối, có khóa kẹp - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái	Cây	
95	Kim lấy máu đầu ngón tay Lancet	Kim lấy máu đầu ngón tay Lancet	Cái	
96	Kim luồn tĩnh mạch (không cánh không cửa) các số: 14G - 24G	Kim luồn tĩnh mạch (không cánh không cửa) các số: 14G - 24G. Catheter làm bằng Polyurethane (PU). Catheter đường kính ngoài, Đầu kim cắt xiên 3 mặt vát chữ V, phủ silicone, thành kim siêu mỏng. Buồng chứa máu làm từ polypropylene trong suốt để nhìn thấy máu vọt ra.	Cái	
97	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa các số 18G, 20G, 22G, 24G	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa các số 18G, 20G, 22G, 24G: Catheter làm bằng Polyurethane (PU) mềm dẻo, Đầu kim cắt xiên 3 mặt vát, phủ silicone. Thân kim trong suốt để nhìn thấy máu chảy ngược.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thêm	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chi chú
98	Kim tiêm vô trùng sử dụng một lần các số 18G, 20G, 22G, 23G, 25G, 26G	Đề kim được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP, cơ kim 18G, 20G, 22G, 23G, 25G, 26G (kim sắc bén, không bị oxy hóa). Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sỏi.	Cái	
99	Nút chặn kim luôn luôn Luer lock	Nút chặn kim luôn luôn Luer lock, chất liệu ABS, đóng gói tiệt trùng từng cái.	Cái	
3.3. Kim chọc dò, sinh thiết và các loại kim khác				
100	Dây sinh thiết dà dày và dài tráng có vỏ bọc, dài các cỡ sử dụng 1 lần.	Kềm sinh thiết cho dà dày và dài tráng, đường kính thân kềm 2,3 mm, chiều dài làm việc 1600, 2000 mm, có vỏ bọc, góc mở đầu kềm sinh thiết 105 độ, đầu kềm sinh thiết thiết kế dạng 4 cạnh, sử dụng cho kênh sinh thiết $\geq 2,8$ mm, sử dụng 1 lần.	Cái	
101	Kim chọc thận nhân tạo các cỡ 16G, 17G.	Kim kích cỡ 16G, 17G sắc nhọn, không gỉ sét. Có mắt trên kim. Ông dẫn làm bằng nhựa sử dụng được trong lĩnh vực y tế. Có cánh xoay được,	Cây	
102	Kim chọc hút nang giả tủy trong nội soi siêu âm các cỡ.	Kim chọc hút nang giả tủy dùng cho chọc u, nang trong nội soi siêu âm bao gồm: - Dụng cụ chọc hút dịch nang giả tủy, giải áp áp xe nang giả tủy. - Kim dầu vùi, dưới kim cài chốt lấy mô lõi - Tay cầm Ergonomic, vòng điều chỉnh chiều dài kim - Stylet recoil tự uốn cong khi rút khỏi kim, ông hút áp lực âm, bề mặt chặm hút thi hình ảnh tốt, trong thiết kế với tất cả các ống nội soi siêu âm. - Thân kim dạng vòng quản giảm ma sát, mềm mại. - Chiều dài kim tự điều chỉnh 0-8cm, đường kính kim 25-22-20-19 G, kênh làm việc 2, 2,4 và 3,7mm	Cái	
103	Kim đốt sóng cao tần RFA đơn cực các cỡ trong thiết kế cao tần RFA Cooltip hoặc tương đương	Kim đốt sóng cao tần RFA đơn cực các cỡ trong thiết kế với máy đốt cao tần RFA Cooltip hoặc tương đương	Cái	
104	Kim gây tê tủy sống các số 18G/20G/22G/25G/27G x 3 1/2"	Kích cỡ: 18G/20G/22G/25G/27G x 3 1/2" Chất liệu: bằng nhựa Polypropylene (PP), đầu kim với 3 mắt vùi sắc bén; chווít kim trong suốt có láng kính pha lê phân quang giúp nhận biết nhanh và dễ dàng khi dịch nào tủy chảy ra.	Cái	
105	Kim sinh thiết Autocut-V dùng kèm theo súng sinh thiết các cỡ hoặc tương đương (Nhà thầu chịu trách nhiệm đặt Súng Bard Magnum hoặc tương đương để bệnh viện sử dụng miễn phí, số lượng máy theo yêu cầu thực tế của Bệnh viện)	* Sinh thiết mô mềm, đặc biệt là với tuyến tiền liệt, vú và thận. * Thiết kế không gỉ và nhựa ABS. * Chiều dài: 10-30cm. * Dây đủ kích cỡ: 12 - 20G. * Chiều dài mô cắt 15mm và 22mm. * Tương thích với súng Bard Magnum hoặc tương đương, dễ thao tác, có thể điều chỉnh độ sâu kim. (Nhà thầu chịu trách nhiệm đặt Súng Bard Magnum hoặc tương đương để bệnh viện sử dụng miễn phí, số lượng máy theo yêu cầu thực tế của Bệnh viện).	Cái	
106	Ông thông đốt sóng cao tần RF điều trị suy tĩnh mạch hiển lớn CR45I.	Điện cực điều trị gắn tĩnh mạch hiển đường kính 6-18mm. Kích cỡ: đường kính kim 0,5mm, chiều dài kim 50mm, chiều dài ông thông 1190mm. Chất liệu: kim loại, lớp PTFE phủ ngoài.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
107	Bộ gây tê ngoài màng cứng.	Kim đầu cong 18G dài 3 ¼" Có bơm giảm kháng lực giúp xác định khoang màng cứng. Catheter hai lớp chất liệu: polyamid và polyurethan, thiết kế đầu catheter thuôn nhỏ dần, có 6 lỗ thoát thuốc và 3 đường cân quang ngấm. Đầu nối catheter dạng nắp bật. Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2 micron, có miếng dán cố định bộ lọc. Bơm tiêm 20ml, bơm tiêm 3ml và kim tiêm đi kèm.	Bộ	
10	Catheter động mạch đùi/quay 20G	Dụng cụ mở đường động mạch 20G chất liệu thép không rỉ, thiết kế dùng cho kỹ thuật seldinger, đường kính kim 21G, dài 25mm và 51mm, dễ dàng đưa guide wire có đường kính tối đa lên đến 0,021/250mm và 400mm hoặc trong đường.	Cái	
108	Catheter tĩnh mạch đùi 2 nòng dùng trong lọc máu các cỡ.	Catheter dùng lọc máu, chạy thận 2 nòng 12Fr bao gồm : 1. Catheter Polyurethan 12Fr dài 16cm hoặc 20cm loại thẳng. 2. Dây dẫn đường Nitinol đầu J 3. Cây nong 10Fr x 15cm và 11.5Fr x 20cm 4. Bơm tiêm 5ml 5. Kim Y dẫn đường 18G 6. Dao mổ	Cái	
109	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng 7F, chiều dài 20cm, G16/18/18, 20cm, kim dẫn chữ V	Catheter tĩnh mạch trung tâm có Polyhexanide kháng khuẩn, đường kính ngoài 7F, chiều dài 20cm, 3 nòng, kích cỡ nòng G16/18/18, theo phương pháp Seldinger.	Cái	
110	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng phủ thuốc chống nhiễm trùng.	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng phủ Prime-S được làm từ chất nền polymer tráng ion bạc kháng khuẩn an toàn, dùng để tiêu diệt hoặc ức chế sự phát triển của vi khuẩn, 7Fr x 15cm/20cm, kích cỡ nòng G16/18/18.	Cái	
111	Dây sinh thiết nóng đại tràng, dùng nhiều lần.	Dây sinh thiết nóng đại tràng, dùng nhiều lần: Đường kính 2,4mm hoặc 2.8mm, dài 230cm.	Cái	
112	Kim chọc dò đường mật 16G.	Kim chọc dò đường mật - Chất liệu: PTFE (Polytetrafluoroethylene) - Kích thước: 16G - Chiều dài: 160mm - Đường kính ngoài: 1,7mm - Đóng gói tiệt khuẩn	Cái	
113	Kim chọc động mạch quay 20G, đường kính 0,95mm, dài 50mm.	Thiết kế theo kỹ thuật Seldinger. Đường kính 0.95mm, dài 50mm. Được đóng gói riêng lẻ và vô trùng.	Cây	
114	Kim chọc hút siêu âm các cỡ.	Kim chọc hút siêu âm các cỡ bao gồm: - Kim đầu vát core trap, đuôi kim cắt chéo - Tay cầm Ergonomic, vòng điều chỉnh chiều dài kim - Stylet recoil tự uốn cong khi rút khỏi kim, ống hút áp lực âm, tương thích với tất cả các ống nội soi siêu âm. - Thân kim dạng vòng xoắn - Chiều dài kim tự điều chỉnh 0-8cm, đường kính kim các cỡ, kênh làm việc 2, 2,4 và 3,7mm.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
115	Kim đồng mạch dài 18G, đường kính 1,3mm, dài 70mm.	Thiết kế theo kỹ thuật Seidinger. Đường kính 1,3mm, dài 70mm. Dễ dàng đưa Guide Wire đường kính 0,038"/0,97 mm. Được đóng gói riêng lẻ và vô trùng	Cây	
116	Kim gây tê đậm rời thân kim, mặt vật 30 độ, các cỡ, tích hợp dây nối bơm thuốc.	Kim gây tê đậm rời thân kim, mặt vật 30 độ, các cỡ, tích hợp dây dẫn điện và dây nối bơm thuốc	Cái	
117	Kim gây tê đậm rời thân kim, mặt vật 30 độ, các cỡ, tời da hóa độ cân âm	Kim gây tê đậm rời thân kim, mặt vật 30 độ, các cỡ, tời da hóa độ cân âm	Cái	
118	Kim sinh thiết bán tự động (kèm kim dẫn đường) các cỡ	Kim sinh thiết bán tự động, chiều dài 10-25cm, đường kính 14-20G, chiều dài mỏ cắt 15mm và 22mm, có kèm kim dẫn đường.	Cái	
119	Kim sinh thiết bán tự động (kèm kim dẫn đường) các cỡ.	- Hệ thống sinh thiết sử dụng một lần bán tự động, dùng sinh thiết các mô mềm như tuyến tiền liệt, thận, gan và các khối u mô mềm. - Có thể chọn hai độ sâu thâm nhập khác nhau 10 mm hoặc 20 mm - Stylet làm bằng thép không gỉ. Đầu kim mà diện mạo nhân 30 độ, mặt vật 15 độ, đảm bảo sự tối ưu khi cắt mẫu mô và ngăn chặn sự dịch chuyển mô. - Trục thân ống cannula có vạch chia độ để dàng xác định độ sâu thâm nhập. - Kích thước: các cỡ. - Vô trùng. - Hoặc tương đương.	Cái	
120	Kim sinh thiết mô mềm	* Sinh thiết mô mềm, đặc biệt là với tuyến tiền liệt, vú và thận. * Thép không gỉ và nhựa. * Dây dẫn kích cỡ: 12 - 20G. * Chiều dài mỏ cắt 15mm và 22mm. * Sử dụng với súng sinh thiết, dễ thao tác, có thể điều chỉnh độ sâu kim	Cái	
121	Kim sinh thiết siêu âm FNB, FNA dùng cho lấy sinh thiết u trong nội soi siêu âm 22G.	Kim sinh thiết lấy mô FNB, FNA dùng cho lấy sinh thiết u trong nội soi siêu âm bao gồm: - Kim đầu vật core trap, dưới kim cắt chèo - Tay cầm Ergonomic, vòng điều chỉnh chiều dài kim - Stylet recoil từ uồng cong khi rút khỏi kim, ống hút áp lực âm, tương thích với tất cả các ống nội soi siêu âm. - Thân kim dạng vòng xoắn - Chiều dài kim từ điều chỉnh 0-8cm, đường kính kim 22G, kênh làm việc 2, 2,4 và 3,7mm	Cái	
3.5 Dây truyền, dây dẫn				
122	Bộ dây dẫn dùng cho máy K924 (hoặc tương đương).	Túi nước ăn theo máy K924 chất liệu polyethylen trong suốt không thấm nước, không chứa DEHP, tương thích với máy cho ăn K924.	Cái	
123	Bộ dây và túi truyền dịch dùng cho máy PCA giảm đau các cỡ (Nhà thầu chịu trách nhiệm đặt máy, số lượng máy theo yêu cầu thực tế của Bệnh viện).	Bộ dây và túi truyền dịch dùng cho máy PCA giảm đau các cỡ. Có 02 công nạp thuốc hoặc tương đương. (Nhà thầu chịu trách nhiệm đặt máy, số lượng máy theo yêu cầu thực tế của Bệnh viện).	Bộ	
124	Dây dẫn dịch bu máy Dialog HDF online	Dây dẫn dịch bu máy Dialog HDF một chiều, tiết trùng.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
125	Khóa 3 ngã có dây 25cm	Khoá 3 ngã, dây dài đến 25cm. Chất liệu tốt, dây mềm, Dây có Luer Lock tạo kết nối chắc chắn. Chống nứt gãy và chịu áp lực cao. Dây nối và khóa vận bằng trơn láng không bị rít , khớp với dây truyền dịch.	Cái	
126	Khóa ba ngã không dây	Chất liệu bằng nhựa polycarbonate tại thân chống nứt gãy rò rỉ, khóa vận (bằng PVC) trơn láng không bị rít, xoay 360 độ dễ dàng, chịu áp lực cao >2 bar, đóng gói vô trùng từng cái.	Cái	
127	Dây nối bơm tiêm tự động 140cm.	Dây nối bơm tiêm điện với khóa kết nối Luer lock. Khóa bảo vệ: cap connector. Ống chống xoắn. Độ dài của dây nối là 140cm. Sản phẩm tiệt trùng.	Cái	
128	Dây truyền dịch 20giot/ml	Chất liệu: Dây dẫn được làm bằng nhựa PVC nguyên sinh chiều dài ≥ 1.5 mét, Bộ điều khiển chính giọt và kim xuyên qua chai được làm từ nhựa ABS, không DEHP, Gắn kim các loại . Bầu nhỏ giọt có màng lọc dịch và van khí có màng lọc khí, thể tích $\geq 8,5$ ml. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt.	Sợi	
129	Dây truyền dịch 20giot/ml Có chức năng đuổi khí tự động và khóa dịch tự động, đầu khóa Luer lock	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dây 180cm - Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4.1 mm - Có chức năng đuổi khí tự động và khóa dịch tự động - Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí - Đầu khóa vận xoắn Luer Lock - Không có chất phụ gia DEHP - Cửa chích thuốc an toàn (ngăn tai nạn do kim đâm vào tay điều dưỡng. 	Sợi	
130	Dây truyền dịch tránh ánh sáng dùng vô hóa chất điều trị ung thư.	Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm. Màng lọc dịch 0.2 μ m để lọc hóa chất ung thư. Chất liệu Polyurethane. Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4.1 mm.	Sợi	
131	Dây truyền máu	<ul style="list-style-type: none"> - Có chức năng đuổi khí tự động - Chất liệu: nhựa y tế Dây dài 180cm, không có chất phụ gia DEHP - Kích thước màng lọc 200μm - Đầu khóa Spin Lock - Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4.1 mm 	Cái	
132	Khóa 3 ngã có dây 100cm	Khoá 3 ngã, dây dài đến 100cm. Chất liệu tốt, dây mềm, Dây có Luer Lock tạo kết nối chắc chắn. Chống nứt gãy và chịu áp lực cao. Dây nối và khóa vận bằng trơn láng không bị rít , khớp với dây truyền dịch.	Cái	
133	Ống thông oxy các số	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có 04 cặp lỗ nằm đối xứng hai bên thành ống, một đầu được gắn với co nối, đầu còn lại được bo tròn không gây tổn thương cho bệnh nhân. Được tiệt trùng.	Cái	
3.6 Găng tay				

STT	Tên hàng hóa mới thêm	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
134	Găng phẫu thuật tiệt trùng chất liệu băng latex số 7.0	Găng chống chọi, chất liệu băng latex cao cấp mỏng hơn 20% cùng loại, sử dụng 3 công nghệ: công nghệ rửa găng loại trừ lớn dư protein và hòa chất trên cao su, ở cổ găng tay không cần phải cuộn bên nhưng vẫn ôm khít, dài bên khi kéo giãn, công nghệ tằm các lỗ hồng siêu vi làm hiện lực và đồng nhất các lớp găng; bề mặt găng làm bằng công nghệ micro-texture tại lòng bàn tay và đầu ngón tay tạo độ nhám ma sát.	Dôi	
135	Găng tay hút đàm tiệt trùng.	Chất liệu bằng nhựa Polymer, đóng gói tiệt trùng từng cái. Thuận tiện khi đeo vào thao tác hút đàm cho bệnh nhân	Cái	
136	Găng y tế có tay dài size S, M (găng san)	Găng sản các cỡ. Găng y tế sản dài 50mm, Chiều rộng bàn tay size 7: 90 ± 5mm, Size 7 1/2: 95 ± 5mm, Size 8: 100 ± 5mm. Bề dày găng Min 0,18mm. Bề dày viền găng 1,5mm ± 0,5mm. Trọng lượng găng size 7: 60g/ đôi ± 0,5g, size 7 1/2: 65g/ 1 đôi ± 0,5g, size 8: 70g/ đôi ± 0,5g. Lực kéo đứt cao su: Min 21 N/mm2, Độ đàn dai khi kéo đứt: Min 680%.	Dôi	
137	Găng khám bệnh không bột các cỡ (loại cao su thiên nhiên).	Găng khám bệnh không bột các cỡ (loại cao su thiên nhiên).	Dôi	
138	Găng khám bệnh có bột các cỡ	Găng khám bệnh có bột các cỡ (cao su thiên nhiên dùng trong y tế).	Dôi	
139	Găng phẫu thuật Latex tiệt trùng có bột các cỡ	Găng phẫu thuật Latex tiệt trùng có bột các cỡ	Dôi	
3.7 Túi, lọ và vật tư bao gói khác				
140	Bình hút dịch vết thương 30ml có dây và troca	Bình hút dịch vết thương 30ml, bình hút dạng nếp gấp, mềm dẻo thao tác; dây hút có lỗ hút xếp theo vị trí xoắn ốc	Bình	
141	Bộ túi hậu môn nhân tạo hai mảnh có đế.	Bộ túi hậu môn nhân tạo hai mảnh Nexima 3S dung tích 643ml - 784ml, chất liệu polyethylene microfber có tích hợp khóa cuộn, xả khí, màu trong; Đế dán túi hậu môn nhân tạo hai mảnh skin-tech hydrocolloide vòng 45-80mm chống loét, dạng phẳng, dính vì 3 vị trí dán túi thích hợp sử dụng nhiều lần với dạng vải không dệt chất liệu ti đinh, rãnh thoát khí tránh phồng túi.	Bộ	
142	Bình thông phổi Siphonac đôi hoặc trong dung	Bình thông phổi Siphonac đôi hoặc trong dung	Cái	
143	Túi chứa dẫn lưu dịch 800ml, có thể kết nối với ống dẫn lưu mắt ra da.	Túi chứa dẫn lưu dịch 800ml, chất liệu bằng PVC, có thể kết nối với ống dẫn lưu mắt ra da, đóng gói tiệt trùng.	Cái	
144	Túi dẫn lưu niệu chống loét	Túi dẫn lưu niệu chống loét kèm đế, loại xa, có thể kết nối túi đung.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
145	Túi ép tiệt trùng loại đẹp 10cm x 200m.	Kích thước: 10cm x 200m Chất liệu: Giấy y tế, không mùi, không độc và nhựa chịu nhiệt 121 -140°C, có độ bền cơ học cao, đảm bảo vi khuẩn không xâm nhập sau 1 lần tiệt trùng. Có chất chỉ thị: Chỉ thị chuyển màu rõ ràng, thích hợp cho các qui trình tiệt trùng bằng khí EO; băng hơi nước.(Nhà thầu hỗ trợ đặt máy cắt, ép khi có kết quả trùng thấu)	Cuộn	
146	Túi ép tiệt trùng loại đẹp 15cm x 200m.	Kích thước: 15cm x 200m Chất liệu: Giấy y tế, không mùi, không độc và nhựa chịu nhiệt 121 -140°C, có độ bền cơ học cao, đảm bảo vi khuẩn không xâm nhập sau 1 lần tiệt trùng. Có chất chỉ thị: Chỉ thị chuyển màu rõ ràng, thích hợp cho các qui trình tiệt trùng bằng khí EO; băng hơi nước.(Nhà thầu hỗ trợ đặt máy cắt, ép khi có kết quả trùng thấu)	Cuộn	
147	Túi ép tiệt trùng loại đẹp 20cm x 200m.	Kích thước: 20cm x 200m Chất liệu: Giấy y tế, không mùi, không độc và nhựa chịu nhiệt 121 -140°C, có độ bền cơ học cao, đảm bảo vi khuẩn không xâm nhập sau 1 lần tiệt trùng. Có chất chỉ thị: Chỉ thị chuyển màu rõ ràng, thích hợp cho các qui trình tiệt trùng bằng khí EO; băng hơi nước.(Nhà thầu hỗ trợ đặt máy cắt, ép khi có kết quả trùng thấu)	Cuộn	
148	Túi ép tiệt trùng loại đẹp 25cm x 200m.	Kích thước: 25cm x 200m Chất liệu: Giấy y tế, không mùi, không độc và nhựa chịu nhiệt 121 -140°C, có độ bền cơ học cao, đảm bảo vi khuẩn không xâm nhập sau 1 lần tiệt trùng. Có chất chỉ thị: Chỉ thị chuyển màu rõ ràng, thích hợp cho các qui trình tiệt trùng bằng khí EO; băng hơi nước.(Nhà thầu hỗ trợ đặt máy cắt, ép khi có kết quả trùng thấu)	Cuộn	
149	Túi ép tiệt trùng loại đẹp 30cm x 200m.	Kích thước: 30cm x 200m Chất liệu: Giấy y tế, không mùi, không độc và nhựa chịu nhiệt 121 -140°C, có độ bền cơ học cao, đảm bảo vi khuẩn không xâm nhập sau 1 lần tiệt trùng. Có chất chỉ thị: Chỉ thị chuyển màu rõ ràng, thích hợp cho các qui trình tiệt trùng bằng khí EO; băng hơi nước.(Nhà thầu hỗ trợ đặt máy cắt, ép khi có kết quả trùng thấu)	cuộn	
150	Túi ép tiệt trùng loại đẹp 35cm x 200m.	Kích thước: 35cm x 200m Chất liệu: Giấy y tế, không mùi, không độc và nhựa chịu nhiệt 121 -140°C, có độ bền cơ học cao, đảm bảo vi khuẩn không xâm nhập sau 1 lần tiệt trùng. Có chất chỉ thị: Chỉ thị chuyển màu rõ ràng, thích hợp cho các qui trình tiệt trùng bằng khí EO; băng hơi nước.(Nhà thầu hỗ trợ đặt máy cắt, ép khi có kết quả trùng thấu)	cuộn	
151	Túi ép tiệt trùng loại đẹp 40cm x 200m	Kích thước: 40cm x 200m Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc và nhựa chịu nhiệt 121 -140oC. Có chất chỉ thị: Chỉ thị chuyển màu rõ ràng, thích hợp cho các qui trình tiệt trùng bằng khí EO; băng hơi nước.(Nhà thầu hỗ trợ đặt máy cắt, ép khi có kết quả trùng thấu)	Cuộn	

STT	Tên hàng hóa môi trường	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
152	Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 30cm x 100m.	Kích thước: 30cmx100m Chất liệu: Giấy y tế, không mùi, không độc và nhựa chịu nhiệt 121 - 140°C, có độ bền cơ học cao, đảm bảo vì khuẩn không xâm nhập sau 1 lần tiệt trùng. Có chất chỉ thị: Chỉ thị chuyên màu rõ ràng, thích hợp cho các qui trình tiệt trùng bằng khí EO; băng hơi nước. (Nhà thầu hỗ trợ đặt máy cắt, ép khi có kết quả trung (hầu)	Cuộn	
153	Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 150mm x 70m	Cấu tạo bằng 100% sợi polyethylene, thuộc chủng loại Tyvek Tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sierad. Có chỉ thị hóa học chuyên màu trên túi giúp đánh giá sự tiếp xúc với Hydrogenperoxide. Rộng: 150 mm, dài: 70 m	Cuộn	
154	Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 200mm x 70m	Cấu tạo bằng 100% sợi polyethylene, thuộc chủng loại Tyvek Tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sierad. Có chỉ thị hóa học chuyên màu trên túi giúp đánh giá sự tiếp xúc với Hydrogenperoxide. Rộng: 200 mm, dài: 70 m	Cuộn	
155	Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 250mm x 70m	Cấu tạo bằng 100% sợi polyethylene, thuộc chủng loại Tyvek Tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sierad. Có chỉ thị hóa học chuyên màu trên túi giúp đánh giá sự tiếp xúc với Hydrogenperoxide. Rộng: 250 mm, dài: 70 m	Cuộn	
156	Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 350mm x 70m	Cấu tạo bằng 100% sợi polyethylene, thuộc chủng loại Tyvek Tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sierad. Có chỉ thị hóa học chuyên màu trên túi giúp đánh giá sự tiếp xúc với Hydrogenperoxide. Rộng: 350 mm, dài: 70 m	Cuộn	
157	Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 420mm x 70m hoặc tương đương.	Cấu tạo bằng 100% sợi polyethylene, thuộc chủng loại Tyvek Tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sierad. Có chỉ thị hóa học chuyên màu trên túi giúp đánh giá sự tiếp xúc với Hydrogenperoxide. Rộng: 420 mm, dài: 70 m	Cuộn	
158	Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 75mm x 70m	Cấu tạo bằng 100% sợi polyethylene, thuộc chủng loại Tyvek Tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sierad. Có chỉ thị hóa học chuyên màu trên túi giúp đánh giá sự tiếp xúc với Hydrogenperoxide. Rộng: 75 mm, dài: 70 m	Cuộn	
3.7 Túi, lọ và vật tư bao gói khác	159 Túi nuôi ăn 1000ml loại thường	Túi nhựa 1.000ml có chia vạch, mỗi vạch 100ml, có nắp, phần dưới có co nối xuyên vào bầu chứa thực ăn để nhỏ giọt vào đáy dẫn có con lăn điều chỉnh giọt như dây truyền dịch.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
160	Bình chứa dịch 450ml, kiểu lò xo nén sử dụng kèm ống dẫn lưu.	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm, kiểu lò xo nén, dạng dẹt -Có van một chiều chống trào ngược, chống nhiễm khuẩn, cho phép dẫn lưu song song từ hai phía của vết mổ, duy trì áp lực hút ở mức thấp -Thể tích 450ml.	Bộ	
161	Bộ bình ống dẫn lưu Silicone dùng trong phẫu thuật các loại.	Bộ bình ống dẫn lưu gồm dây dẫn và bóng hút bằng Silicone dùng dẫn lưu các vết thương kín. Dung tích buồng chứa 100ml; 200ml; 400ml. Kích thước ống 10Fr; 12Fr; 14Fr; 16Fr; 19Fr; 24Fr.	Bộ	
162	Túi chứa nước tiểu 2000ml có dây treo.	Dung tích: 2.000 ml. Có quai treo, vạch chia dung tích, nút xả loại nhấn không tuột, không bị rỉ nước. Tiệt trùng.	Cái	
163	Túi đựng nước tiểu 2000ml (loại định lượng chi tiết).	Chất liệu: nhựa tổng hợp. Sản phẩm không chứa latex Gồm 1 cột đo chia vạch chính xác từng 1ml, khoang hình hộp đo từng 5ml tăng dần lên ; dây nối khoang với túi chứa 2000ml có điểm lấy mẫu nước tiểu không cần kim, có 2 van 1 chiều chống trào ngược nước tiểu, trên túi có màng lọc khuẩn, cung cấp móc và dây treo bộ đo nước tiểu.	Cái	
164	Túi đựng nước tiểu sử dụng kèm vòi để.	Túi 2 ngăn có van chống trào ngược. Khóa vòi xoay, có biểu thị hình giọt nước. Chất liệu: Hydrocolloid.	Cái	
165	Túi hậu môn nhân tạo chống loét.	Túi hậu môn nhân tạo chống loét loại xả, kèm đế . Mỗi túi đi kèm thanh kẹp mềm.	Cái	
166	Túi hậu môn tạm 2 mảnh không đế.	Túi chứa phân sử dụng với đế, có bộ lọc khí và khóa cuộn. Chất liệu: Hydrocolloid.	Cái	
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
4.1 Ống thông				
167	Dây oxy 2 nhánh size người lớn, trẻ em	Dây oxy 2 nhánh size người lớn, trẻ em: Chất liệu bằng nhựa PVC không chứa DEHP chiều dài dây dẫn chính 2m, không gây kích ứng. Đóng gói tiệt trùng từng cái.	Cái	
168	Ống thông niệu quản có lỗ các số 6 Fr-7 Fr, dài 70 cm	Ống thông niệu quản đầu thẳng, có lỗ, dài 70 cm, các cỡ số 6 Fr, số 7 Fr	Cái	
169	Ống thông phế quản right, left các số.	* 2 nòng right, left, thân phủ silicon trơn dễ luồn và an toàn, các số 28, 32, 35, 37, 39 đóng gói có 4 dây hút đàm chuyên phế quản đi kèm.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thay	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chi chú
170	Ông thông tiếu 2 nhánh (Foley), có bóng các số (12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28)	Ông thông tiếu 2 nhánh có bóng hãm 30cc các số (12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28); Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ Silicone giảm kích tưng, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt. Đầu ống dây giúp giảm nguy cơ xẹp khi bơm rửa. Tầng silicone trong lòng ống. Bông chèn chắc chắn và cần đối. Valve bơm bóng có lò xo đảm bảo độ ổn định ca khi bơm và xả.	Cái	
171	Ông thông tiếu 3 nhánh (Foley), có bóng các số (18, 20, 22, 24)	Ông thông tiếu 3 nhánh có bóng hãm 30cc các số (18, 20, 22, 24); Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ Silicone giảm kích tưng, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt. Đầu ống dây giúp giảm nguy cơ xẹp khi bơm rửa. Tầng silicone trong lòng ống. Bông chèn chắc chắn và cần đối. Valve bơm bóng có lò xo đảm bảo độ ổn định ca khi bơm và xả.	Cái	
172	Sonde Blackemore hoặc tương đương	Sonde Blackemore 3 nhánh với 2 nhánh bên có nắp dây.	Cái	
173	Airway các số (0, 1, 2, 3, 4).	Chất liệu PVC y tế, dùng kích cỡ theo yêu cầu, độ cong thích hợp. Tron láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da. Tiết trùng, Đông gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất.	Cái	
174	Canulae động mạch đầu công các cỡ 20 Fr; 22 Fr với co nối 3/8 (0,95cm).	Canulae động mạch đầu công các cỡ được gắn liền với thân của canulae có thể uốn cong để dùng sử dụng cỡ 20 Fr; 22 F với co nối 3/8 (0,95cm).	Cái	
175	Canulae động mạch đầu là các cỡ 18Fr; 20Fr, một mảnh, thân của ống có kế thừa canulae ống mỏng thon dài, một mảnh, thân của ống có khả năng chống xoắn.	Canulae động mạch đầu là 18 Fr, 20Fr, dài 30,5 cm với thiết kế thừa canulae ống mỏng thon dài, một mảnh, thân của ống có khả năng chống xoắn.	Cái	
176	Canulae động mạch mũi thẳng các cỡ 18Fr; 20Fr với co nối 1/4-3/8.	Canulae động mạch mũi thẳng 18Fr; 20Fr với co nối 1/4 -3/8 dài 17,8 cm.	Cái	
177	Canulae động mạch vành cỡ 14Fr (4,7mm) với thiết kế thân kép Canulae động mạch vành cỡ 14 Fr (4,7 mm) với thiết kế thân kép không ri để uốn cong trong quá trình sử dụng.	Canulae động mạch vành cỡ 14 Fr (4,7 mm) với thiết kế thân kép không ri để uốn cong trong quá trình sử dụng.	Cái	
178	Canulae hút tim trái có thông khí cỡ 16Fr với đầu có 20 lỗ thông	Canulae hút tim trái có thông khí cỡ 16 Fr với đầu có 20 lỗ thông dài 40,6 cm.	Cái	
179	Canulae tĩnh mạch 1 tầng mũi công dầu kim loại xiên góc cỡ lỗ thông và thân chống xoắn các cỡ, co nối 1/4 và 3/8.	Canulae tĩnh mạch 1 tầng mũi công dầu kim loại xiên góc cỡ lỗ thông và thân chống xoắn các cỡ, co nối 1/4 và 3/8 dài 35,6 cm.	Cái	
180	Canulae tĩnh mạch 2 tầng, đầu nối cỡ 1/2, thân được thiết kế chống xoắn các	Canulae tĩnh mạch 2 tầng số 32/40 Fr (10,7/13,3 mm), co nối 1/2, dài 38,1 cm, thân được thiết kế chống xoắn.	Cái	
181	Canulae tĩnh mạch đầu thẳng các cỡ 32Fr; 34Fr; 36Fr dài 12-15in (30,5-38,1 cm) đầu vát, thân của ống mong gắn liền với thân vát nhọn.	Canulae tĩnh mạch đầu thẳng 32Fr; 34Fr; 36Fr dài 12-15in (30,5-38,1 cm) đầu vát, thân của ống mong gắn liền với thân vát nhọn.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
182	Cannulae truyền dung dịch liệt tim ngược dòng 15 Fr (5.0 mm).	Cannulae truyền dung dịch liệt tim ngược dòng 15 Fr (5.0 mm) chất liệu silicone, có bóng dễ dàng sử dụng, mỗi cannulae đều có guidewire stylet đi kèm.	Cái	
183	Canule trực tràng.	Canule trực tràng Chất liệu PVC y tế.	Cái	
184	Khai khí đạo 1 nòng (Ống mở khí quản) các số 6.0 - 9.0.	Khai khí đạo 1 nòng (Ống mở khí quản) các số 6.0 - 9.0. Chất liệu PVC y tế.	Cái	
185	Ống cai máy thở chữ T.	Ống cai máy thở chữ T, có cổng hút đàm. có đầu nối với dây oxy. Chất liệu nhựa PVC y tế hoặc tương đương.	Cái	
186	Ống thông dạ dày có nắp đậy các số	Chất liệu nhựa y tế tốt dẻo, độ cong thích hợp. Trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy. Tiệt trùng bằng khí E.O, Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất	Cái	
187	Ống thông hậu môn (Rectal) các số	Chất liệu polyurethane, không DEHP, đầu ống bo tròn; có dây cân quang dài ≥ 40 cm, đóng gói tiệt trùng từng cái.	Cái	
188	Ống thông nội khí quản có bóng các số.	Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng, không dễ gãy vỡ, không kích ứng da. Đầu ống nhẵn, mềm mại, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. Bóng mềm, không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm. Đóng gói riêng. Tiệt trùng.	Cái	
189	Ống thông nội khí quản có lỗ hút đàm trên bóng các số.	Ống bằng PVC không chứa latex có độ nhạy cảm nhiệt cao phù hợp với đường cong khí quản; mũi đầu ống bo tròn lại có dây cân quang trên thân ống cong hình U luôn mũi, có chia vạch, trên thân có 2 vạch gắn bóng giúp định vị điểm dừng an toàn; loại bóng tròn (bóng HVLP - dung tích lớn, áp lực thấp), cố định tốt ống NKQ trong khí quản; đóng gói tiệt trùng từng cái.	Cái	
190	Ống thông Nội khí quản lò xo có bóng các số.	Không chứa latex, độ cong phù hợp với đường cong khí quản; lớp lò xo bên trong mảnh nhưng dẻo dễ uốn; đầu ống được bo lại; thân ống có chia vạch, có 2 vạch gắn bóng; bóng HVLP (high volume, low pressure), đóng gói tiệt trùng từng cái.	Cái	
191	Ống thông tiểu 2 nhánh (Foley), có bóng các số (8,10)	Ống thông tiểu 2 nhánh có bóng hãm 3cc các số (8,10): Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ Silicone. Tráng silicone trong lòng ống. Valve bơm bóng có lò xo.	Cái	
192	Ống thông tiểu Foley silicone 2 nhánh có bóng các số.	Ống thông tiểu Foley 2 nhánh, chất liệu 100% silicone, có bóng các số (08Fr- 24Fr). Có thêm nút chặn silicone.	Cái	
193	Ống thông tiểu Foley silicone 3 nhánh có bóng các số.	Ống thông tiểu Foley 3 nhánh, chất liệu 100% silicone, có bóng các số (12Fr-26Fr).	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
194	Ông thông tiêu Nclaton các số.	Ông thông tiêu Nclaton các số 8, 10, 12, 14. Dây có chiều dài 40cm. Cao su thiên nhiên, 1 nhánh, phụ silicon, tròn đều. Đầu nhỏ với 2 lỗ thông bom - hút dịch. Tròn láng không gây lóng thưng, không gây kích ứng da, không để vôi, dẹt gãy. Tiết trùng.	Cái	
4.2 Ông dẫn lưu, ống hút				
195	Bộ hút đàm kim 2 nòng.	Ông hút đàm kim có 2 công. Một công xúc rửa và một công truyên thuốc. Chiều dài ống dây là 54cm. Chất liệu PVC y tế cao cấp không gây kích ứng cho người sử dụng. Có đầu kết nối với máy hút đàm, van hút thao tác dễ dàng	Bộ	
196	Dây dẫn lưu Penrose tiết trùng.	Chất liệu cao su tự nhiên Latex. Tiết trùng.	Sợi	
197	Dây hút đàm các số (6, 8, 10, 12, 14, 16)	Dây hút đàm các số (6, 8, 10, 12, 14, 16): Chất liệu nhựa PVC y tế không chứa DEHP, độ dài dây dẫn 500mm hoặc tương đương, tròn láng, không sần sùi hoặc dập nứt, đầu dây được bọc tròn, không có cạnh sắc, có van kiểm soát. Đồng gói tiết trùng từng cái. hoặc tương đương	Cái	
198	Ông dẫn lưu lòng ngực các cỡ.	- Nguyên liệu PVC y tế - Các cỡ, có vách rõ ràng để sử dụng - Bầu ống mũi dẹt, có co nối đi kèm.	Cái	
199	Ông dẫn lưu vết mổ Silicon loại xé rách, tròn hoặc dẹt, các cỡ.	Ông dẫn lưu vết mổ, chất liệu silicon, có xé rách, tròn hoặc dẹt. Loại tròn dài 60cm, loại dẹt dài 102cm/125cm.	Cái	
200	Ông nhựa PE 8mm	Chất liệu: nhựa PVC, Ông dây dẹt, thành ống dày dần. Kích thước: Ø 8 mm.	Méi	
201	Ông nội hút dịch số 28	Chất liệu nhựa PVC y tế hoặc tương đương. Bề ngoài dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẹt dai đàn hồi, chịu áp lực cao. Không chứa DEHP, dài 2m đường kính ngoài ống: 7,7; 9,9; 10,6mm, đường kính trong ống: 5; 6,3; 7 mm, có 2 đầu nối tương thích với máy hút dịch tại Bệnh viện.	Cái	
202	Ông thông dẫn lưu (Pezzer) các số.	Ông thông dẫn lưu (Pezzer) các số 22; 24. Chất liệu bằng cao su tự nhiên, không có độc tính, không gây sốt, kích ứng khi đặt dẫn lưu trong cơ thể. Tiết khuẩn.	Cái	
203	Ông thông mắt loại mềm (T catheter) các số.	Ông thông mắt loại mềm (T catheter) các số 14, 16, 18. Chất liệu cao su tự nhiên Latex, thông dạng chữ T, đầu ống bo tròn để luôn.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
204	Ống thông phổi các số.	Ống thông phổi các số 16; 20; 24; 28; 32. Chất liệu: nhựa PVC trung tính (mềm hơn khi vào cơ thể người, không gây kích ứng, dài 38 – 40 cm trên thân có khắc vạch 5 – 10 – 15 cm.	Cái	
4.3 Ống nối, dây nối, chạc nối				
205	Bộ dây chạy thận nhân tạo cho máy thận online HDF 5008S	Bộ dây lọc máu cho máy Online HDF bao gồm Dây động mạch, dây tĩnh mạch và safeline, chất liệu tương hợp tốt với máu và phản ứng độc tế bào thấp, không có DEHP.	Bộ	
206	Bộ dây chạy thận nhân tạo có Transducer	Chất liệu nhựa y tế PVC mềm, cỡ 8 bao gồm 2 Transducer.	Bộ	
207	Bộ dây lọc máu liên tục cho máy Omni	Bộ dây lọc máu và màng lọc máu liên tục diện tích 1.6m ² dùng cho máy Omni	Bộ	
208	Ống nối nội khí quản với dây máy thở (Catheter mount).	Chất liệu nhựa PVC y tế hoặc tương đương, đường kính 22mm. Đầu nối 15mm. Có nối cong. Lỗ hút đầu ống. Ống có thể cơ giãn, có thể kéo dài để phù hợp yêu cầu của thầy thuốc. Đầu ống tiêu chuẩn phù hợp với tất cả các loại ống nội khí quản và dây máy thở, có lỗ hút dịch giúp chăm sóc hút đờm rãi cho bệnh nhân mà không phải ngắt ống nội khí quản, có lỗ lấy mẫu khí để đo nồng độ khí khi cần thiết. Ống nhựa trong giúp dễ quan sát tình trạng bệnh nhân. Sản phẩm vô trùng, chỉ dùng một lần.	Cái	
209	Bộ dây dẫn máu tuần hoàn cơ thể dùng cho bộ tim phổi nhân tạo các cỡ.	Bộ dây dùng cho bộ tim phổi nhân tạo phù hợp với thiết bị hiện có của bệnh viện, chất liệu silicone và nhựa PVC y khoa, được tiệt trùng (Kèm bản vẽ).	Bộ	
210	Bộ Manifold 3 cửa không dây.	Chịu áp lực tối đa 500 PSI, xoay 360 độ, chất liệu polycarbonate, đầu kết nối dạng male fluer.	Cái	
211	Bộ phận chuyển tiếp (Transfer set).	Bộ chuyển tiếp (Transfer set) kết nối giữa Catheter và túi dịch lọc.	Cái	
212	Bóng gây mê các cỡ.	Chất liệu: bằng cao su. Sử dụng cho một bệnh nhân tránh nguy cơ lây nhiễm chéo.	Cái	
213	Bóng giúp thở người lớn (gồm bóng bóp, dây, mask thở, túi khí).	Chất liệu gồm 1 bóng bóp + mask + dây nối oxy + túi chứa khí 1.000ml	Bộ	
214	Cơ nối Y 1/2 x 3/8 x 3/8.	- Có cấu trúc bằng tinh thể carbonate trong suốt - Là loại 3 nhánh chữ Y cỡ 1/2 x 3/8 x 3/8	Cái	
215	Cơ nối Y 1/4 x 1/4 x 1/4.	- Có cấu trúc bằng tinh thể carbonate trong suốt - Là loại 3 nhánh chữ Y cỡ: 1/4 x 1/4 x 1/4 có khóa, hoặc không khóa.	Cái	
216	Cơ nối Y 3/8 x 3/8 x 1/4 có khóa.	- Có cấu trúc bằng tinh thể carbonate trong suốt - Là loại 3 nhánh chữ Y cỡ 3/8 x 3/8 x 1/4 có khóa.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới đầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
217	Dầu nối cho ống thông lọc màng bụng hàng Titanium.	Dầu nối cho ống thông lọc màng bụng, kết nối giữa bộ chuyển tiếp và catheter.	Cái	
218	Dây máy gây mê co giãn người lớn/ trẻ em.	Loại co giãn dùng một lần, gồm hạt đoạn: chiều dài tối đa khi giãn ra là 1,62m và chiều dài tối thiểu là 0,35m, đường kính 22mm. Ngõ kết nối cuối ống: 22mm (Người lớn), 15mm (trẻ em). Ngõ kết nối tới bên nhân kiểu chữ U cộng với khớp nối công 90 độ có công Luer và nắp dây.	Bộ	
219	Dây nối với ban điện cực trung tính	Chất liệu nhựa dẻo. Loại điện cực sử dụng nhiều lần với dây nối của điện cực tương thích với máy cắt đối Force 8 / 8C.	Dây	
220	Ông nối bom nước dùng trong máy đo niệu động học.	Ông nối bom nước dùng trong máy đo niệu động học.	Cái	
221	Ông nối thẳng (có hoặc không có khóa) 3/16 x 1/4.	- Có cấu trúc bằng tinh thể carbonate trong suốt - Là loại co thẳng cỡ 3/16x1/4 không khóa	Cái	
222	Ông nối thẳng đầu xoắn 1/4 x 1/4 có khóa.	- Có cấu trúc bằng tinh thể carbonate trong suốt - Là loại co thẳng cỡ 1/4 x 1/4 có khóa.	Cái	
223	Ông nối thẳng đầu xoắn 1/4 x male có khóa.	- Có cấu trúc bằng tinh thể carbonate trong suốt - Là loại co thẳng cỡ 1/4 x male có khóa.	Cái	
4.4 Catheter				
224	Catheter Ông áp lực bằng quang 2 ông 8Fr dùng cho máy đo niệu động học.	Catheter 2 đường dùng trong máy đo niệu động học. Đường kính Ông 8Fr. Nguyên liệu PVC hoặc Polyurethane.	Cái	
225	Ông thông dẫn đường mạch máu ngoài biên đầu thẳng và đối bên các cỡ làm bằng thép không gỉ phủ lớp polymer và PTFE dài 45cm/100cm.	Ông thông dẫn đường mạch máu ngoài biên đầu thẳng và đối bên các cỡ Ông thông dẫn đường mạch máu ngoài biên đầu thẳng và đối bên các cỡ - Công nghệ cường lực chống gãy gấp lòng ông: thân làm bằng chất liệu PTFE, bên ngoài quấn sợi thép không gỉ cường lực, - Tương thích với ống phủ polymer - Có loại thẳng và đối bên crossover, Đầu tip có marker can quang - Có valve cầm máu và stopcock 3 cửa, các cỡ - Kích thước 4Fr, 5Fr, 6Fr dài 45-100 cm.	Cái	
226	Vi ông thông can thiệp mạch máu các cỡ, kèm vi dây dẫn đường.	Vi ông thông can thiệp mạch máu kích cỡ 2,4F-2,8F-2,9F (Cỡ 3 loại đầu tip: thẳng, công 45 độ, công có (hình nga); kèm vi dây dẫn đường.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
227	Catheter lấy máu đông Fogarty từ số 2 đến số 7	Chất liệu PVC y tế, vô trùng, chia vạch trên thân ống, bóng làm từ nhựa latex, độ uốn dẻo phù hợp, vật liệu Mandrin thép không gỉ, có kèm khóa luer.	Cái	
228	Catheter Mahurkar (Catheter đường hầm) các cỡ.	- Catheter Mahurkar (Catheter đường hầm) các cỡ: Catheter nguyên liệu Carbothane, Guide wire Nitinol đầu J. - Hoặc tương đương.	Cái	
229	Catheter Ống đo áp lực bằng quang 2 đường 6Fr dùng cho máy đo niệu động học.	Catheter 2 đường dùng trong máy đo niệu động học. Đường kính: 6Fr. Nguyên liệu Pebax.	Cái	
230	Catheter Ống đo áp lực bằng quang 3 đường 7Fr dùng cho máy đo niệu động học.	Catheter 3 đường dùng trong máy đo niệu động học Đường kính ống 7Fr Nguyên liệu PVC hoặc Polyurethane.	Cái	
231	Catheter Ống đo áp lực bằng quang 3 đường 9Fr dùng cho máy đo niệu động học.	Catheter 3 đường dùng trong máy đo niệu động học Đường kính ống 9Fr Nguyên liệu Pebax.	Cái	
232	Nắp đóng bộ chuyển tiếp.	Nắp đóng bộ chuyển tiếp, nắp bằng nhựa chứa povidon-iod được sử dụng để bảo vệ đầu khóa nối của bộ chuyển tiếp.	Cái	
233	Ống thông (Catheter) lọc màng bụng đầu cong.	Catheter (Ống thông) đầu cong dùng thăm phân phúc mạc cho người lớn, dài 63cm, 2 nút chặn (cuff) để vô dịch ổ bụng.	Cái	
234	Ống thông (Catheter) truyền dung dịch trị liệu vào mạch máu ngoại biên cỡ 4F, 5F	Ống thông (Catheter) truyền dung dịch trị liệu vào mạch máu ngoại biên cỡ 4F, 5F. Chiều dài 45, 90, 135cm. Chiều dài của phần mang lỗ thoát dịch, xoắn nghiêng: 5,10,20,30,40,50 cm, kèm dụng cụ bơm.	Cái	
235	Ống thông can thiệp Laucher hoặc tương đương	Ống thông can thiệp Laucher hoặc tương đương	Cái	
236	Ống thông chẩn đoán loại ái nước các cỡ.	Ống thông chẩn đoán các cỡ được phủ lớp polymer ái nước. Chất liệu: cấu tạo bằng vật liệu mềm dẻo. Có khả năng lỏng êm ái vào trong các mạch máu ngoài ngoèo.	Cái	
237	Ống thông chẩn đoán mạch máu đa chức năng các cỡ.	Ống thông chẩn đoán mạch vành đa chức năng các cỡ: - Chất liệu Nylon Pebax giúp bề mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, chống gây gấp tốt, thành ống mỏng, Có đường viền bên (thép không gỉ) giúp thân ống thông giữ được hình dạng tốt, dễ lái. - Tương thích với guide wire 0.035"/0.038" - Chịu áp lực 1200 PSI.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thêm	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chi chú
238	Catheter chần đoán ngoại biên các cỡ - Chất liệu Nylon bên trong nhẵn. - Có đường viền bên. - Tương thích guide wire 0,035"; 0,038". - Có lỗ hoặc không có lỗ bên	Cái		
239	Ông thông dạ dày các cỡ	Ông thông dạ dày các cỡ (6, 8, 10, 12, 14, 16, 18). Chất liệu nhựa y tế. Dạ có chiều dài ≥ 120 cm, có cần quang suốt chiều dài ông. Dầm bao vỏ khuôn. Không qua cứng hoặc quá mềm, có chia vách. Ông trơn láng, không sản sinh hay dập nứt.	Cái	
240	Ông thông mũi mắt dầu công và các phụ kiện để đặt các cỡ.	Dùng dẫn lưu đường mắt qua ngã mũi, đường kính các cỡ, dầu công, dầu thành, có điểm cần quang Tương thích dây dẫn .025 ; .035. Kết nối nội luer lock	Bộ	
Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật				
5.2 Chỉ khâu				
241	Chỉ cố định mạch máu màu đỏ, không kim 1,5mmx45cm (hoặc tương đương)	Chỉ năng đỡ mô bằng silicone, 2 sợi dài 45cm, rộng 1,5mm, màu đỏ (hoặc tương đương)	Tệp	
242	Chỉ cố định mạch máu màu vàng, không kim 1,5mmx45cm (hoặc tương đương)	Chỉ năng đỡ mô bằng silicone, 2 sợi dài 45cm, rộng 1,5mm, màu vàng (hoặc tương đương)	Tệp	
243	Chỉ cố định mạch máu màu xanh, không kim 2,5mmx75cm (hoặc tương đương)	Chỉ năng đỡ mô bằng silicone, dài 75cm, rộng 2,5mm, màu xanh (hoặc tương đương)	Tệp	
244	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 26 mm.	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 26 mm.	Tệp	
245	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 24 mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 24 mm	Tệp	
246	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 18 mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 18 mm	Tệp	
247	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 16 mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 16 mm	Tệp	
248	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide số 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 13 mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide số 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 13 mm	Tệp	
249	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylen số 0, 100cm, kim tròn, thân to 1/2C, dài 30 mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylen số 0, 100cm, kim tròn, thân to 1/2C, dài 30 mm	Tệp	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
250	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene có phụ gia polyethylene glycol số 2/0, chi dài 90cm, 2 kim, kim tròn đầu nhọn 26mm, 1/2 vòng tròn.	Chi không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene có phụ gia polyethylene glycol chống xước chỉ, số 2/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 1/2C dài 26mm, kim Suralloy	Tép	
251	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 2/0, chi dài 75cm, 2 kim thẳng dài 70mm	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 2/0, chi dài 75cm, 2 kim thẳng dài 70mm	Tép	
252	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 2/0, chi dài 90cm, 2 kim, kim tròn đầu cắt 26mm 1/2 vòng tròn.	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 2/0, chi dài 90cm, 2 kim, kim tròn đầu cắt 26mm 1/2 vòng tròn.	Tép	
253	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 3/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 26mm 1/2 vòng tròn.	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 3/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 26mm 1/2 vòng tròn.	Tép	
254	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 4/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 22mm 1/2 vòng tròn.	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 4/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 22mm 1/2 vòng tròn.	Tép	
255	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 5/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 12mm 1/2 vòng tròn.	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 5/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 12mm 1/2 vòng tròn.	Tép	
256	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 6/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 10mm 3/8 vòng tròn.	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 6/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 10mm 3/8 vòng tròn.	Tép	
257	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 7/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 10mm 3/8 vòng tròn.	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 7/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 10mm 3/8 vòng tròn.	Tép	
258	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 8/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt, dài 9.3mm 3/8 vòng tròn.	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 8/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt, dài 9.3mm 3/8 vòng tròn.	Tép	
259	Chi không tan tự nhiên đa sợi bền số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm.	Chi không tan tự nhiên đa sợi bền số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm.	Tép	
260	Chi không tan tự nhiên đa sợi bền số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm.	Chi không tan tự nhiên đa sợi bền số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm.	Tép	
261	Chi không tan tự nhiên đa sợi bền số 2/0, không kim, 12 sợi x 75 cm.	Chi không tan tự nhiên đa sợi bền số 2/0, không kim, 12 sợi x 75 cm.	Tép	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chỉ chú
262	Chi không lan tự nhiên da sợi bền số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm.	Chi không lan tự nhiên da sợi bền số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm.	Tép	
263	Chi không lan tự nhiên da sợi bền số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm.	Chi không lan tự nhiên da sợi bền số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm.	Tép	
264	Chi không lan tự nhiên da sợi bền số 3/0, không kim, 12 sợi x 75 cm	Chi không lan tự nhiên da sợi bền số 3/0, không kim, 12 sợi x 75 cm	Tép	
265	Chi phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone, dạng không hạt nùi có hàng neo xoắn, các neo cách nhau 1mm. Cỡ chỉ số 2/0 dài 30 cm, 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt - 1 kim tròn đầu CT-1 dài 36mm 1/2 vòng tròn (hoặc tương đương)	Chi phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone, dạng không hạt nùi có hàng neo xoắn, các neo cách nhau 1mm. Cỡ chỉ số 2/0 dài 30 cm, 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt - 1 kim tròn đầu CT-1 dài 36mm 1/2 vòng tròn hoặc tương đương	Tép	
266	Chi tan sinh học đơn sợi Chromic Catgut số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm.	Chi tan sinh học đơn sợi Chromic Catgut số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm.	Tép	
267	Chi tan sinh học đơn sợi Chromic Catgut số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm.	Chi tan sinh học đơn sợi Chromic Catgut số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm.	Tép	
268	Chi tan sinh học đơn sợi Chromic Catgut số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm.	Chi tan sinh học đơn sợi Chromic Catgut số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm.	Tép	
269	Chi tan sinh học đơn sợi Chromic Catgut số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn, 26 mm.	Chi tan sinh học đơn sợi Chromic Catgut số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn, 26 mm.	Tép	
270	Chi tan tổng hợp da sợi Polyglactin 910, có chất kháng khuẩn số 910, có chất kháng khuẩn số 3/0 dài 70cm, kim tròn đầu dài 26 mm 1/2 vòng tròn.	Chi tan tổng hợp da sợi Polyglactin 910, có chất kháng khuẩn số 3/0 dài 70cm, kim tròn đầu dài 26 mm 1/2 vòng tròn (hoặc tương đương).	Tép	
271	Chi tan tổng hợp da sợi Polyglactin 910, có chất kháng khuẩn số 4/0 dài 70cm, kim tròn 22 mm 1/2 vòng tròn.	Chi tan tổng hợp da sợi Polyglactin 910, có chất kháng khuẩn số 4/0 dài 70cm, kim tròn 22 mm 1/2 vòng tròn (hoặc tương đương).	Tép	
272	Chi tan tổng hợp da sợi Polyglactin 910, số 1 dài 100cm, 1 đầu tu khâu gan BP-5 dài 65mm 3/8 vòng tròn.	Chi tan tổng hợp da sợi Polyglactin 910 số 1 dài 100cm, 1 đầu tu khâu gan BP-5 dài 65mm 3/8 vòng tròn (hoặc tương đương).	Tép	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
273	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 1/0, dài 90cm, kim tròn 40 mm, 1/2C.	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 1/0, dài 90cm, kim tròn 40 mm, 1/2C (hoặc tương đương).	Tép	
274	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 2/0, dài 75cm, kim tròn 26 mm, 1/2 vòng tròn.	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 2/0, dài 75cm, kim tròn 26 mm, 1/2 vòng tròn (hoặc tương đương).	Tép	
275	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 3/0, dài 75cm, kim tròn 26 mm, 1/2 vòng tròn.	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 3/0, dài 75cm, kim tròn 26 mm, 1/2 vòng tròn. (hoặc tương đương).	Tép	
276	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 4.0, dài 75cm, kim tròn 20mm.	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 4.0, dài 75cm, kim tròn 20mm (hoặc tương đương).	Tép	
277	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glycomer (glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate) có gai số 2/0, dài 15cm, kim tròn 1/2C 27mm bao phủ Silicon.	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glycomer (glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate) có gai số 2/0, dài 15cm, kim tròn 1/2C 27mm bao phủ Silicon.	Tép	
278	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glycomer (glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate) có gai số 3/0, dài 15cm, kim tròn 1/2C, 26mm bao phủ Silicon.	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glycomer (glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate) có gai số 3/0, dài 15cm, kim tròn 1/2C, 26mm bao phủ Silicon.	Tép	
279	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glycomer (glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate) có gai số 3/0, dài 30cm, kim tròn 1/2C 26mm bao phủ Silicon.	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glycomer (glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate) có gai số 3/0, dài 30cm, kim tròn 1/2C 26mm bao phủ Silicon.	Tép	
280	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số (3/0), dài 70cm, 2 kim tròn 26mm, 1/2 vòng tròn.	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (Glycolic + Caprolacton + Trimethylene) số (3/0), dài 70cm, 2 kim tròn 26mm, 1/2 vòng tròn phủ silicone (hoặc tương đương).	Tép	
281	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số (4/0), dài 70cm, kim tròn 22mm, 1/2 vòng tròn.	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (Glycolic + Caprolacton + Trimethylene) số (4/0), dài 70cm, kim tròn 22mm, 1/2 vòng tròn phủ silicone (hoặc tương đương).	Tép	
282	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số (5/0), dài 70cm, kim tròn 17mm, 1/2 vòng tròn.	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (Glycolic + Caprolacton + Trimethylene) số (5/0), dài 70cm, kim tròn 17mm, 1/2 vòng tròn phủ silicone (hoặc tương đương).	Tép	
283	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số (6/0), dài 70cm, kim tròn 13mm, 3/8 vòng tròn.	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (Glycolic + Caprolacton + Trimethylene) số (6/0), dài 70cm, kim tròn 13mm, 3/8 vòng tròn phủ silicone (hoặc tương đương).	Tép	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chi chú
284	Chi tan lỏng hợp đơn sợi Polydioxanone số 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2 vòng tròn	Chi tan lỏng hợp đơn sợi Polydioxanone số 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn Taper Point Plus SH dài 26mm 1/2 vòng tròn	Tép	
285	Chi tan lỏng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu hình thoi dài 20mm, 1/2 vòng tròn	Chi tan lỏng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu hình thoi Atrialoc SH-2 plus dài 20mm 1/2 vòng tròn	Tép	
286	Chi tan lỏng hợp đơn sợi Polydioxanone số 5/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 17mm 1/2 vòng tròn.	Chi tan lỏng hợp đơn sợi Polydioxanone số 5/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn Taper Point Plus RB-1 dài 17mm 1/2 vòng tròn	Tép	
287	Chi thép Stainless Steel Wire số 5 bằng thép không gỉ 316L, dài 45cm, kim tròn dài 48mm 1/2 vòng tròn, thép 4 sợi đồng (hoặc tương đương)	Chi thép Stainless Steel Wire số 5 bằng thép không gỉ 316L, dài 45cm, kim tròn đầu dài 48mm 1/2 vòng tròn, thép 4 sợi đồng, (hoặc tương đương)	Tép	
288	Chi điện cực da sợi số 2/0 bằng thép không gỉ phủ bằng blue không gỉ phủ bằng blue polyethylene dài 60cm, 2 kim: một kim tròn đầu tam giác dài 60cm, 2 kim: một kim tròn đầu tam giác dài 17mm 1/2C và một kim thẳng đầu tam giác 60mm.	Chi điện cực da sợi số 2/0 bằng thép không gỉ phủ bằng blue polyethylene dài 60cm, 2 kim: một kim tròn đầu tam giác dài 17mm 1/2C và một kim thẳng đầu tam giác 60mm.	Tép	
289	Chi điện cực da sợi số 2/0 bằng thép không gỉ phủ bằng blue không gỉ phủ bằng blue polyethylene dài 60cm, 2 kim: một kim tròn đầu tam giác dài 60cm, 2 kim: một kim tròn đầu tam giác dài 17mm 1/2C và một kim thẳng đầu tam giác 90mm.	Chi điện cực da sợi số 2/0 bằng thép không gỉ phủ bằng blue polyethylene dài 60cm, 2 kim: một kim tròn đầu tam giác dài 17mm 1/2C và một kim thẳng đầu tam giác 90mm.	Tép	
290	Chi không tan đơn sợi phức hợp polypropylene số 5/0, dài 75cm, 2 kim tròn 13mm 1/2 vòng tròn.	Chi không tan đơn sợi phức hợp polypropylene số 5/0, dài 75cm, 2 kim tròn 13mm 1/2 vòng tròn.	Tép	
291	Chi không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene 4/0 dài 90cm, 2 kim tròn 22mm 1/2 vòng tròn.	Chi không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene 4/0 dài 90cm, 2 kim tròn 22mm 1/2 vòng tròn.	Tép	
292	Chi không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene 5/0 dài 90cm, 2 kim tròn 17mm 1/2 vòng tròn	Chi không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene 5/0 dài 90cm, 2 kim tròn 17mm 1/2 vòng tròn.	Tép	
293	Chi không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene 6/0 dài 75cm, 2 kim tròn 10mm 3/8 vòng tròn.	Chi không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene 6/0 dài 75cm, 2 kim tròn 10mm 3/8 vòng tròn.	Tép	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
294	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene 7/0 dài 75cm, 2 kim tròn 10mm, 3/8 vòng tròn.	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene 7/0 dài 75cm, 2 kim tròn 10mm, 3/8 vòng tròn.	Tép	
295	Chỉ không tan sợi bện tổng hợp Polyester số 2/0, 5 sợi xanh 5 sợi trắng, dài 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn 1/2C dài 20mm, có miếng đệm 7x3x1.5mm.	Chỉ không tan sợi bện tổng hợp Polyester số 2/0, 5 sợi xanh 5 sợi trắng, dài 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn 1/2C dài 20mm, có miếng đệm 7x3x1.5mm.	Tép	
296	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi Polyester số 2/0, dài 75cm, 2 kim đen tròn 22mm 1/2 vòng tròn. Có miếng đệm.	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi Polyester số 2/0, tép 8 sợi, áo bao silicone, dài 75cm, 2 kim đen tròn 22mm 1/2 vòng tròn. Có miếng đệm PTFE.	Tép	
297	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 10/0, dài 15 cm, kim tròn 3/8 C, 5 mm, đầu kim micro phủ silicone.	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 10/0, dài 15 cm, kim tròn 3/8 C, 5 mm, đầu kim micro phủ silicone.	Tép	
298	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 11/0, dài 10 cm, kim tròn 3/8 C, 3 mm, đầu kim micro phủ silicone.	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 11/0, dài 10 cm, kim tròn 3/8 C, 3 mm, đầu kim micro phủ silicone.	Tép	
299	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 9/0, dài 15 cm, kim tròn 3/8 C, 3 mm, đầu kim micro phủ silicone.	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 9/0, dài 15 cm, kim tròn 3/8 C, 3 mm, đầu kim micro phủ silicone.	Tép	
300	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene có phụ gia polyethylene glycol số 6/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 3/8C dài 9mm.	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene có phụ gia, polyethylene glycol số 6/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 3/8C dài 9mm.	Tép	
301	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 5/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn, dài 17mm 1/2 vòng tròn.	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 5/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn, dài 17mm 1/2 vòng tròn.	Tép	
302	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 7/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 3/8C dài 8mm.	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 7/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 3/8C dài 8mm.	Tép	
303	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 8/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu nhọn, dài 6mm 3/8 vòng tròn.	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 8/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu nhọn, dài 6mm 3/8 vòng tròn.	Tép	
304	Chỉ không tan tổng hợp polyester phủ silicon sợi bện số 3/0, dài 75cm, 1 kim tròn 3/8C dài 20mm.	Chỉ không tan tổng hợp polyester phủ silicon sợi bện số 3/0, dài 75cm, 1 kim tròn 3/8C dài 20mm.	Tép	

STT	Tên hàng hóa mới đầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
305	Chi không tan tổng hợp polyester phủ silicon sợi bền số 3/0, dài 75cm, 2 kim tròn 3/8C, 20mm.	Chi không tan tổng hợp polyester phủ silicon sợi bền số 3/0, dài 75cm, 2 kim tròn 3/8C, 20mm.	Tép	
306	Chi không tan tổng hợp polyester phủ silicon sợi bền số 4/0, dài 75cm, 1 kim tròn 3/8C, 16mm.	Chi không tan tổng hợp polyester phủ silicon sợi bền số 4/0, dài 75cm, 1 kim tròn 3/8C, 16mm.	Tép	
307	Chi không tan tổng hợp sợi bền polyester bao bằng silicon 2/0, kim 1/2 C 25mm, lớp 10 sợi: 5 sợi xanh, 5 sợi trắng, 5 sợi trắng, pledegel 3x7	Chi không tan tổng hợp sợi bền polyester bao bằng silicon 2/0, kim 1/2 C 25mm, lớp 10 sợi: 5 sợi xanh, 5 sợi trắng, 5 sợi trắng, pledegel 3x7	Sợi	
308	Chi không tan tổng hợp sợi bền polyester bao bằng silicon số 2/0, dài 90cm, kim tròn đầu cắt 3/8C 20mm, lớp 10: sợi 5 xanh, pledegel.	Chi không tan tổng hợp sợi bền polyester bao bằng silicon số 2/0, dài 90cm, kim tròn đầu cắt 3/8C 20mm, lớp 10: sợi 5 xanh, pledegel.	Sợi	
309	Chi phẫu thuật đơn sợi không tiêu polyamide 6,6 treated số 5/0, 2 kim tròn đầu cắt 3/8C 13mm.	Chi phẫu thuật đơn sợi không tiêu polyamide 6,6 treated số 5/0, dài 80cm, 2 kim tròn đầu cắt 3/8C 13mm.	Tép	
310	PGA-PCL (Polyglycolic Acid-Polycaprolactone), dạng không thật nút có 2 hàng neo xoắn nhau, các neo xoắn đối xứng ngược chiều nhau, các neo cách nhau 1mm. Cỡ chỉ số 3/0 không màu dài 16x16 vòng tròn hoặc tương đương	Chi phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi PGA-PCL (Polyglycolic Acid-Polycaprolactone), dạng không thật nút có 2 hàng neo xoắn đối xứng ngược chiều nhau, các neo cách nhau 1mm. Cỡ chỉ số 3/0 không màu dài 16x16 cm, 2 kim-1 dài 17mm 3/8 vòng tròn hoặc tương đương	Tép	
311	PGA-PCL (Polyglycolic Acid-Polycaprolactone), dạng không thật nút có 2 hàng neo xoắn, các neo xoắn, các neo cách nhau 1mm. Cỡ chỉ số 3/0 dài 20 cm không màu, 1 đầu vòng lư khóa linh hoạt - 1 đầu vòng tròn hoặc tương đương	Chi phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi PGA-PCL (Polyglycolic Acid-Polycaprolactone), dạng không thật nút có 2 hàng neo xoắn, các neo cách nhau 1mm. Cỡ chỉ số 3/0 dài 20 cm không màu, 1 đầu vòng lư khóa linh hoạt - 1 đầu vòng tròn hoặc tương đương	Tép	
312	Chi tan sinh học đơn sợi Chromic Catgut số 5/0, dài 75 cm, kim tròn 3/8C, dài 13 mm.	Chi tan sinh học đơn sợi Chromic Catgut số 5/0, dài 75 cm, kim tròn 3/8C, dài 13 mm.	Tép	
313	Chi tan tổng hợp da sợi Polyglycolic acid số 1, dài 90cm, kim tròn 1/2C, 40mm.	Thành phần: Polyglycolic acid bao ngoài bằng epsilon-Caprolactone và Calcium Stearate số 1, dài 90cm, kim tròn 1/2C, 40mm.	Tép	
314	Chi tan tổng hợp da sợi Polyglycolic acid số 2/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C, 26mm.	Thành phần: Polyglycolic acid bao ngoài bằng epsilon-Caprolactone và Calcium Stearate 2/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C, 26mm.	Tép	
315	Chi tan tổng hợp da sợi Polyglycolic acid số 3/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C, 26mm.	Thành phần: Polyglycolic acid bao ngoài bằng epsilon-Caprolactone và Calcium Stearate 3/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C, 26mm.	Tép	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
316	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid số 4/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C, 18mm.	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglycolic acid bao ngoài bằng epsilon-caprolactone và calcium stearate số 4/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C, 18mm.	Tép	
317	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi PDS II số 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn Taper Point Plus SH dài 26mm 1/2 vòng tròn hoặc tương đương.	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi PDS II số 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn Taper Point Plus SH dài 26mm 1/2 vòng tròn.	Tép	
318	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi PDS II số 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn Taper Point Plus RB-1 dài 17 mm 1/2 vòng tròn.	- Chỉ tan tổng hợp đơn sợi PDS II số 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn Taper Point Plus RB-1 dài 17 mm 1/2 vòng tròn. - Hoặc tương đương.	Tép	
319	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi PDS II số 4/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu hình thoi Atraloc SH-2 plus dài 20mm 1/2 vòng tròn.	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi PDS II số 4/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu hình thoi Atraloc SH-2 plus dài 20mm 1/2 vòng tròn.	Tép	
320	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi PDS II số 5/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn Taper Point Plus RB-1 dài 17mm 1/2 vòng tròn hoặc tương đương.	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi PDS II số 5/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn Taper Point Plus RB-1 dài 17mm 1/2 vòng tròn.	Tép	
321	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn dài 17mm, 1/2 vòng tròn	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn RB-1 dài 17 mm 1/2 vòng tròn hoặc tương đương.	Tép	
322	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polyglecaprone (glycolide và epsilon-caprolactone) số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, 40 mm.	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polyglecaprone (glycolide và epsilon-caprolactone) số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, 40 mm.	Tép	
323	Chỉ thép điện cực không gỉ đa sợi bền số 3/0, dài 60cm, 1 kim thân tròn đầu nhọn 1/2C 17mm, 1 kim thẳng 88mm.	Chỉ thép điện cực không gỉ đa sợi bền số 3/0, dài 60cm, 1 kim thân tròn đầu nhọn 1/2C 17mm, 1 kim thẳng 88mm.	Tép	
324	Chỉ thép điện cực số 3/0, dài 60cm, 02 kim tròn phủ silicone 17mm 1/2 vòng tròn, kim phủ silicone.	Chỉ thép điện cực số 3/0, đóng gói 01 tép 2 sợi, dài 60cm, 02 kim tròn phủ silicone 17mm 1/2 vòng tròn, kim phủ silicone.	Tép	
325	Chỉ thép không gỉ đóng xương ức số 5 dài 45cm, kim tròn đầu cắt phủ silicone 48mm 1/2 vòng tròn.	Chỉ thép không gỉ đóng xương ức số 5 dài 45cm, kim tròn đầu cắt phủ silicone 48mm 1/2 vòng tròn.	Tép	
326	Chỉ thép số 3 dài 45cm, kim 3 Faces 1/2C 40mm, tép 5 sợi.	Chỉ thép số 3 dài 45cm, kim 3 Faces 1/2C 40mm, tép 5 sợi.	Sợi	
5.3 Dao phẫu thuật				
327	Dao chọc mở đường dẫn lưu nang giả tụy, dao kim, vòng tán nhiệt đặt 2 stent cùng lúc.	Ống thông mở đường dẫn lưu nang giả tụy đầu kim, vòng tán nhiệt đặt 2 stent cùng lúc bao gồm: - Catheter đầu tiên 5 Fr mở đường bằng đầu kim đốt điện có đánh dấu cân quang - Tích hợp vòng tán nhiệt đốt điện dẫn đường catheter 10Fr đặt 2 stent cùng lúc. - Đường kính ngoài 10Fr, Đường kính trong 5Fr, Chiều dài ngoài 165cm, chiều dài trong 190cm, Tương thích kênh ống soi 3,7mm.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thêm	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
328	Dao lưỡi cưa đường kính cán 5mm, lưỡi cưa 3mm, dài 14cm/25cm/35cm.	Dao hàn mạch lưỡi cưa công, hàm dao rộng 3mm, đường kính cán 5mm, chiều dài cán 14cm/25cm/35cm, kết hợp với máy phát chính GEN11 (máy cắt cầm tay kết hợp công nghệ siêu âm và công nghệ hàn mạch tương đương).	Cái	
329	Dao siêu âm 5mm, dài 23cm, kết hợp với dây dao HP054, công nghệ thich ứng mô ATT.	Dao siêu âm với Công nghệ thich ứng mô, đường kính cán 5mm, chiều dài cán 23cm, kết hợp với dây dao Harmonic HP054	Cái	
330	Dao siêu âm 5mm, dài 23cm, kết hợp với dây dao HP054, công nghệ thich ứng mô ATT.	Dao siêu âm với Công nghệ thich ứng mô, đường kính cán 5mm, chiều dài cán 23cm, kết hợp với dây dao Harmonic HP054 và máy phát chính GEN11 (máy cắt cầm tay kết hợp công nghệ siêu âm và công nghệ hàn mạch tương đương cực tiên tiến)	Cái	
331	Dao siêu âm 5mm, dài 36cm, kết hợp với dây dao HP054, công nghệ thich ứng mô ATT.	Dao siêu âm mô sợi với Công nghệ thich ứng mô, đường kính cán 5mm, chiều dài cán 36cm, kết hợp với dây dao Harmonic HP054	Cái	
332	Dao siêu âm 5mm, dài 36cm, kết hợp với dây dao HP054, công nghệ thich ứng mô ATT.	Dao siêu âm mô sợi với Công nghệ thich ứng mô, đường kính cán 5mm, chiều dài cán 36cm, kết hợp với dây dao Harmonic HP054 và máy phát chính GEN11 (máy cắt cầm tay kết hợp công nghệ siêu âm và công nghệ hàn mạch tương đương cực tiên tiến) hoặc tương đương.	Cái	
333	Dao siêu âm dài 17cm, kết hợp với dây dao HPBLUE, công nghệ thich ứng mô ATT.	Dao siêu âm mô với Công nghệ thich ứng mô, cán dài 17cm, kết hợp với dây dao HPBLUE và máy phát chính GEN11 (máy cắt cầm tay kết hợp công nghệ siêu âm và công nghệ hàn mạch tương đương cực tiên tiến) hoặc tương đương.	Cái	
334	Dao siêu âm dài 9cm, kết hợp với dây dao HPBLUE, công nghệ thich ứng mô ATT.	Dao siêu âm mô với Công nghệ thich ứng mô, cán dài 9cm, kết hợp với dây dao HPBLUE và máy phát chính GEN11 (máy cắt cầm tay kết hợp công nghệ siêu âm và công nghệ hàn mạch tương đương cực tiên tiến) hoặc tương đương.	Cái	
335	Dây dao Harmonic màu xanh HPBLUE (hoặc tương đương).	Bộ phận tạo ra sóng động siêu âm, kết nối giữa máy GEN11 (máy cắt cầm tay kết hợp công nghệ siêu âm và công nghệ hàn mạch tương đương cực tiên tiến) và dao siêu âm harmonic mô mô hoặc tương đương.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
336	Dây dao Harmonic xám HP054 (hoặc tương đương).	Bộ phận tạo ra sóng động siêu âm, kết nối giữa máy GEN11 (máy cắt cầm máu kết hợp công nghệ siêu âm và công nghệ hàn mạch lưỡng cực tiên tiến) và dao siêu âm harmonic mở mở và mở nội soi hoặc tương đương.	Cái	
337	Miếng điện cực dán trung tính.	Miếng điện cực dán trung tính: Lớp gel Polyhesive™ hydrogel tạo lớp gel có độ ẩm cao, tản nhiệt hiệu quả cho bệnh nhân. Tấm điện cực được thiết kế theo chiều ngang với diện tích 21.25 in./37 cm ² và độ dày 0.050 in./0.127 cm tạo diện tích tiếp xúc lớn, tối thiểu nhiệt tác động lên bệnh nhân.	Cái	
338	Tay dao 2 nút bấm, dây dài 3 m, đầu gắn 3 châu, tiết trùng, kèm đầu dao hình kiếm, sử dụng một lần	Tay dao 2 nút bấm, dây dài 3 m, đầu gắn 3 châu, tiết trùng, kèm đầu dao hình kiếm, sử dụng một lần	Cái	
339	Bộ dao mổ siêu âm kèm theo các linh kiện (đầu phát, pin, khay hấp tiết trùng, dụng cụ lắp pin).	Bộ dao mổ siêu âm Sonicision hoặc tương đương Bao gồm: 1 đầu phát sóng siêu âm không dây sử dụng nhiều lần, 2 pin sạc sử dụng nhiều lần, 1 khay hấp tiết trùng và 2 dụng cụ lắp pin.	Bộ	
340	Dao cắt cơ vòng Oddi hình cung, có đoạn cách điện, sử dụng nhiều lần.	Dao cắt nhú Oddi 3 kênh, tương thích với dây dẫn 0.035" có đoạn cách điện, sử dụng nhiều lần.	Cái	
341	Dao mổ các số.	Dao mổ các số 10, 11, 15, 20. Lưỡi dao bằng thép, sắc mảnh, đóng gói tiết trùng.	Cái	
342	Lưỡi dao của máy xay mô	Lưỡi dao của máy xay mô tương thích với máy xay mô model YSB-III hiện có ở Bệnh viện. * Đường kính 4.5mm * Dài 450mm * Chất liệu: Thép không rỉ dùng trong v tế	Cái	
343	Tay dao hàn mạch dùng trong mổ mở vùng nông, ngàm nhỏ sử dụng cho máy hàn mạch.	- Tương thích với máy Valleylab™ FT10 và máy Valleylab™ LS10 - Ngàm dao được phủ lớp chống dính nano - coated - Hàn mạch / cắt - Chiều dài dụng cụ 21 cm - Hàm thon mịn - Kích hoạt tay hoặc chân - Hình dạng ngàm cong: 40 độ - Chiều dài ngàm: 21.6 mm - Chiều dài vùng cắt: 19.8 mm - Chiều dài vùng hàn mạch: 20.6 mm - Hàm rộng ở đỉnh: 2 mm - Đường kính ngàm: 4 mm	Cái	
344	Tay dao hàn mạch dùng trong mổ mở vùng sâu, đường kính 5mm, dài 23 cm sử dụng cho máy hàn mạch.	-Tương thích với Máy ForceTriad™, Valleylab™ FT10 và Valleylab™ LS10 - Ngàm dao được phủ lớp chống dính nano - coated - Hàn mạch / cắt -Đường kính 5 mm; Chiều dài 23 cm (9 in.) - Trục xoay đầu dao:350 độ - Hàm Maryland với thiết kế đường viền - Kích hoạt tay hoặc chân - Hình dạng ngàm dao: Cong 22 độ - Chiều dài vùng hàn mạch: 20.3mm - Chiều dài vùng cắt:18.5mm	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thảo	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
345	Tay dao hàn mạch dùng trong mô nôi soi dương kính 5mm, chiều dài 37cm sử dụng cho máy hàn mạch.	-Tương thích với ForceTriad™, Valleylab™ FT10 và Valleylab™ LS10 - Ngâm dao được phủ lớp chống dính nano - coated - Hàn mạch/ cắt -Dương kính 5 mm; Chiều dài 37 cm (14,6 in.) - Trục xoay đầu dao: 350 độ - Hãm Maryland với thiết kế đường viền - Kích hoạt tay hoặc chân - Hình dạng ngàm dao Cong 22 độ - Chiều dài vùng hàn mạch 20,3mm - Chiều dài vùng cắt 18,5mm	Cái	
346	Tay dao siêu âm không dây, dương kính 5mm, Lưỡi dao 14,5mm, kích thước từ 13cm – 48cm trong thich với bộ dao siêu âm Sonistion. - Hoặc tương đương.	- Tay dao siêu âm không dây, dương kính 5mm, Lưỡi dao 14,5mm, kích thước từ 13cm – 48cm trong thich với bộ dao siêu âm Sonistion. - Hoặc tương đương.	Cái	
Nhóm 6. Vật liệu thay thế, vật liệu cấy ghép nhân tạo				
6.1 Van nhân tạo, mạch máu nhân tạo				
347	Mạch máu nhân tạo chữ Y các cỡ	Mạch máu nhân tạo chữ Y các cỡ có thể thay phân chống nhiễm trùng, chống chảy máu, không bị tình trạng thủng lỗ ong, bên ngoài với kiểu dệt chéo, cái tiến khả năng kiểm soát, giữ lại mủi máu một cách chắc chắn. Ứng dụng trong việc thay thế động mạch chủ ngực, bụng - chậu.	Cái	
348	Mạch máu nhân tạo PE 1 nhân hình thẳng có tráng bạc chống nhiễm khuẩn, dài 15cm đến 60cm, đường kính các cỡ.	Mạch máu nhân tạo thẳng có tráng bạc, làm giảm sự bám dính của vi khuẩn, ức chế nhiễm trùng ống ghép lâu dài, tình trạng thich sinh học cao, dài 60 cm, đường kính 6-8mm (các cỡ).	Cái	
349	Mạch máu nhân tạo PE 2 nhân hình chữ "Y" có tráng bạc chống nhiễm khuẩn dài 40cm, các cỡ	Mạch máu nhân tạo chữ Y có tráng bạc, làm giảm sự bám dính của vi khuẩn, ức chế nhiễm trùng ống ghép lâu dài, tình trạng thich sinh học cao, dài 40 cm, đường kính các cỡ.	Cái	
350	Mạch máu nhân tạo thẳng các cỡ	Mạch máu nhân tạo thẳng các cỡ có thể thay phân, chống nhiễm trùng, chống chảy máu, không bị tình trạng thủng lỗ ong, bên ngoài với kiểu dệt chéo, cái tiến khả năng kiểm soát, giữ lại mủi máu một cách chắc chắn. Ứng dụng trong việc thay thế động mạch chủ ngực - bụng.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
351	Mạch máu nhân tạo thẳng PTFE có vòng xoắn dài 60cm, đường kính các cỡ (6mm, 7mm, 8mm)	Mạch máu nhân tạo thẳng chiều dài 80 cm, đường kính 6mm, 7mm, 8mm, có vòng xoắn giúp ngăn chặn xoắn vặn và ép. Có lớp phủ ePTFE giúp lưu giữ vết khâu tốt và độ chịu vỡ cao. Mềm dẻo, dễ uốn nắn và thao tác.	Cái	
352	Van cơ học động mạch chủ loại Regent các cỡ (hoặc tương đương)	Van cơ học động mạch chủ loại Regent các cỡ được thiết kế hỗ trợ trong điều trị huyết động và duy trì giảm biến chứng ở mức độ thấp. Độ mở lá van 85° gia tăng dòng chảy theo lớp qua van và giảm chuyển động xoáy. Van tím đáp ứng được cộng hưởng từ.	Cái	
353	Van hai lá sinh học loại Epic các cỡ có giá đỡ từ heo (hoặc tương đương).	Van hai lá sinh học loại Epic được thiết kế để cải thiện suốt quá trình thủ thuật kéo dài và đảm bảo độ bền cho van, ba lá van riêng lẻ được kết hợp để tối ưu hóa sự bám chặt và giảm sự căng thẳng trên lá van. Bên cạnh dòng chảy được phủ một lớp chắn ngoài màng tim, cung cấp một giao diện từ mô đến mô giảm nguy cơ mài mòn cơ van. Với giá đỡ giúp tạo độ cong cho giá đỡ từ đó làm giảm nguy cơ lỏng chi khâu và tối ưu hóa tầm nhìn và tiếp cận vòng van. Sự kết hợp giữa độ thấp của van và giá đỡ van giúp giảm sự xâm lấn trong quá trình thủ thuật. Van thấp giảm sự rui ro tắc nghẽn dòng chảy ở thất trái. Giá đỡ giảm áp lực lên lá van, dễ dàng thích nghi với vòng van giúp dễ chọn vị trí gút chỉ khâu và trả lại hình dạng ban đầu sau khi van tím bị lệch. Thời gian rửa nước ngắn 2x10 giây.	Cái	
354	Van sinh học động mạch chủ loại loại Trifecta GT kết hợp giữa màng tim heo và bộ các cỡ (hoặc tương đương)	Van sinh học động mạch chủ loại loại Trifecta GT kết hợp giữa màng tim heo và bộ các cỡ được thiết kế chống vôi hóa và có huyết động học ưu việt. Cấu trúc lõi vòng van titan độ bền cao được phủ bằng màng ngoài tim. Dễ tiếp cận vòng van động mạch chủ, đặc biệt trong phẫu thuật xâm lấn tối thiểu.	Cái	
355	Van tim cơ học động mạch chủ chất liệu carbon các cỡ.	Van tim cơ học động mạch chủ chất liệu carbon các cỡ: - Chất liệu 100% carbon - Vòng khâu mỏng làm bằng Polytetrafluoroethylene (PTFE) - Liều điều trị duy trì Warfarin thấp và thời gian dùng ngắn. - Độ ồn thấp. - Độ chênh áp thấp ≤ 10 mmHg. - Van động mạch chủ vòng khâu mỏng các cỡ.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thay	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chi chú
356	Van tim cơ học hai lá loại Master có chốt bảo vệ là van các cỡ (hoặc tương đương).	Van tim hai lá chất liệu carbon: - Chất liệu 100% carbon - Vòng khâu màng làm bằng Polytetrafluoroethylene (PTFE) - Lưu điều trị duy trì Warfarin thấp và thời gian dùng ngắn. - Độ ồn rất thấp. - Độ chênh áp thấp ≤ 10 mmHg. - Van hai lá vòng khâu màng số 25/33	Cái	
357	Van tim cơ học hai lá loại Master có chốt bảo vệ là van các cỡ (hoặc tương đương).	Van tim cơ học hai lá loại Master có chốt bảo vệ là van các cỡ có là van và lò van được thiết kế đặc biệt với độ bền cao và tăng khả năng chống hình thành huyết khối. Độ mở là van 85° gia tăng dòng chảy theo lớp qua van và giảm chênh dòng xoáy. Kiểm soát việc xoay van giúp dễ dàng điều chỉnh vị trí là van. Van tim đáp ứng được công hưởng từ.	Cái	
358	Vòng van hai lá kim CG Future loại bán cứng các cỡ.	Vòng van tim 2 lá nhân tạo - Chất liệu gồm lõi được phủ silicone và bọc sợi polyester. - Các cỡ 24 -> 36mm - Đặc điểm: Vòng van được thiết kế bán cứng (Semi - rigid) giúp vòng van du độ cứng để tái tạo mô vòng van từ nhiên nhưng cũng du uyển chuyên để cho phép vòng van từ nhiên di chuyển trong các chu chuyển tim.	Cái	
359	Vòng van mềm 2 hoặc 3 lá loại Tailor hình vành khuyen các cỡ (hoặc tương đương).	Vòng van mềm 2 hoặc 3 lá hình vành khuyen các cỡ được thiết kế để duy trì kích cỡ trong việc điều trị van hai lá và van ba lá nhưng vẫn duy trì sự dịch chuyển sinh lý học. Sự hỗ trợ trước và sau của vòng van cho phép sự chuyển động hình vành khuyen. Thiết kế linh hoạt hỗ trợ cung lượng tim và chức năng của thất trái, huyết động học ưu việt. Vành đai cửa van lớn giảm mô sẹo, vòng van mềm có lõi silicone chặn bức xạ. Phù hợp trong việc phẫu thuật tim hở, phẫu thuật xâm lấn tối thiểu và phẫu thuật sử dụng cánh tay robot.	Cái	
6.2 Giá đỡ (stent)				
360	Stent chứa túi phình mạch vành Cobalt Chromium, phủ chất liệu hợp chất Silicon Carbide các cỡ.	Stent chứa túi phình mạch vành: - Stent làm bằng Cobalt Chromium (L-605), phủ Silicon Carbide siêu mỏng. - Lớp màng bằng chất liệu electrospun polyurethane. Độ dày lớp phủ 90µm - Profile 1,19 mm. Thanh stent mỏng: đường kính 2,0, 3,0mm; 60µm (0,0024"); đường kính 3,5, 4,0 mm : 80µm (0,0031"); đường kính 4,5, 5,0mm: 120µm (0,0047") - Chiều dài Catheter stent 140 cm, loại Rapid exchange - Dài kích thước: đường kính: 2,5, 3,0, 3,5, 4,0, 4,5, 5,0 mm, chiều dài : 15, 20, 26.	Cái	
361	Stent động mạch chậu bằng đồng phủ lớp Silicon Carbide, vật liệu thép không gỉ các cỡ.	Stent động mạch chậu: Stent bằng đồng, vật liệu làm bằng thép không gỉ - Thanh stent dày: 160µm (ø 5,0 - 8,0 mm); 180µm (ø 9,0 - 10,0 mm) - Stent được phủ lớp Silicon Carbide siêu mỏng giúp ngăn chặn không cho ion kim loại khuếch tán ra lòng mạch theo thời gian như Nickel, giảm các triệu chứng như huyết khối trong stent, tái hẹp trong stent. - Dài kích thước khác nhau: đường kính: 5,0 - 10 mm và chiều dài: 15, 25, 38, 56 mm.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
362	Stent động mạch chi Nitinol tự bung, có phủ lớp Silicon Carbide các cỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Stent mạch chi tự bung :Stent tự bung bằng súng ,Vật liệu làm bằng Nitinol nhớ hình. - Độ dày thanh stent 140µm, mỗi đầu stent có 6 marker bằng vàng - Catheter OTW, chiều dài catheter 90cm và 135cm, tương thích wire 0.018", tương thích hệ thống can thiệp 4F trên tất các các kích cỡ - Stent được phủ lớp Silicon Carbide siêu mỏng (PROBIO) giúp ngăn chặn không cho ion kim loại khuếch tán ra lòng mạch theo thời gian như Nickel, giảm các triệu chứng như huyết khối trong stent, tái hẹp trong stent. - Dù kích thước khác nhau: đường kính: 4.0 -7.0 mm và chiều dài: 20- 200 mm. 	Cái	
363	Stent động mạch thận vật liệu làm bằng hợp kim Cobalt Chromium có phủ lớp Silicon Carbide các cỡ.	<p>Giá đỡ động mạch thận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Stent bung bằng bóng. - Vật liệu làm bằng Cobalt Chromium, phủ Silicon Carbide (PROBIO). - Công nghệ ép nhiệt năng. - Vật liệu hợp kim giúp stent vừa có thiết diện stent nhỏ để dễ dàng di chuyển đồng thời có lực chống đỡ tốt - Thanh stent dày: 120µm (ø 4.5 - 5.0 mm); 140µm (ø 6.0 - 7.0 mm). - Catheter dài 80 và 140cm. - Tương thích wire 0.014", sheath 4F, 5F - Có 1 vòng marker trên một đầu stent giúp định vị stent dễ dàng hơn. - Dù kích thước khác nhau: đường kính: 4.5, 5.0, 6.0, 7.0 mm và chiều dài: 12, 15, 19 mm. 	Cái	
364	Stent dùng cho can thiệp eo động mạch chủ các cỡ.	Stent dùng cho động mạch chủ, thiết kế khung stent CoCr được bọc bởi 1 lớp graft Micro-porous ePTFE. Đường kính 12-24 mm, dài 19 đến 58 mm.	Cái	
365	Stent mạch vành hoạt hóa sinh học phủ Titanium Nitride Oxide	Khung stent bằng hợp kim Cobalt chromium L 605 phủ lớp sinh hóa Titanox (Titanium Nitride Oxide) thích ứng nhanh với nội mạch giảm thời gian uống thuốc chống đông vì vậy được chỉ định đặc biệt trong trường hợp đặt stent trước mổ. Tỷ lệ LOSS cân bằng ở mức 0,49mm tiết diện stent mỏng hơn 17% bằng 75µ, được thiết kế hình lục giác 2 vòng tạo nên cấu trúc xoắn cơ động hơn là kỹ thuật duy nhất cho tỷ lệ Late Loss thấp so với BMS. Thiết kế stent đặc biệt: từ một sợi CoCr duy nhất uốn 3 cấp độ không gian mang lại sự mềm dẻo linh hoạt Stent được gắn trên bóng. Kích cỡ: dk 2.25-4.0mm, dài 7-28mm.	Cái	
366	Stent mạch vành phủ thuốc Biolimus không chứa Polymer các cỡ.	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu stent: thép không gỉ * Thuốc Biolimus A9 được phủ lên bề mặt bên ngoài stent. Không có lớp polymer * Kích thước rút ngắn tối đa: 0.39%. * Độ đàn hồi trở lại: 2.46%. * Đường kính mắt cáo: 1.68mm * Đường kính stent từ 2,25mm đến 4mm, chiều dài từ 11mm đến 36mm 	Cái	

STT	Tên hàng hóa một đầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
367	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus có tác động kép, phủ hợp chất Silicon Carbide các cỡ.	<p>Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus: - Giá đỡ công nghệ Hybrid (tác động kép): Biolite và ProBio - Vật liệu stent Cobalt Chromium, nền stent Pro-Kinetic Energy. lớp phủ bị động hợp chất Silicon Carbide siêu mỏng (PROBIO), lớp phủ chủ động (BIOLUTE) gồm thuốc Sirolimus, liều lượng 1.4µg/mm², polymer tự tiêu chất liệu Poly-L-Lactic Acid (PLLA), phân hủy trong < 2 năm. - Chiều dài Catheter stent 140 cm, loại Rapid exchange - Profile: 0.017", thanh stent mỏng (60µm ~ 0.0024") đường kính từ 2.25 - 3.0mm ngoài từ đường kính 3.5, 4.0 mm (80µm ~ 0.0031") - Guiding tương thích nhỏ nhất 5F (I.D. ≥ 0.056"). Dây dẫn tương thích 0.014" - Đường kính ống thông đầu gần 2.0F, đầu xa 2.6F đối với cỡ 2.25- 3.5 mm, đầu xa 2.8F đối với cỡ ø 4.0 - Dùi kích thước đường kính: 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.5, 4.0mm; chiều dài: 9, 13, 15, 18, 22, 26, 30, 35, 40 mm. Áp lực bơm bóng bình thường 8 atm, áp lực vỡ bóng 16 atm</p>	Cái	
368	Stent mạch vành thường Cobalt Chromium phủ Silicon Carbide các cỡ.	<p>Stent mạch vành thường: - Làm bằng Cobalt Chromium, phủ hợp chất Silicon Carbide a- SiC:H (PROBIO). - Stent bằng ống, làm trên nền bóng chất liệu semi- crystalline co-polymer (nền bóng Panthera), áp lực bình thường 9atm, áp lực vỡ bóng từ 14 - 16atm. - Profile 0.017", thanh stent mỏng: đường kính 2.0, 3.0mm (60µm); đường kính 3.5, 4.0 mm (80µm); đường kính 4.5, 5.0mm (120µm) cho phép stent di chuyển linh hoạt và di vào được các mạch máu nhỏ. - Đường kính thân ống thông đầu gần 2.0F, đầu xa 2.5F đối với cỡ ø 2.0- 3.5 mm, đầu xa 2.8F đối với cỡ ø 4.0- 5.0 mm - Tương thích guiding nhỏ nhất 5F - Chiều dài Catheter stent 140 cm, loại Rapid exchange - Dây dẫn tương thích 0.014" - Dùi kích thước: đường kính: 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0 mm, chiều dài: 9, 13, 15, 18, 20, 22, 26, 30, 35, 40mm.</p>	Cái	
369	Stent ngoài biên tự bung các cỡ.	<p>Stent ngoài biên tự bung bằng Nitinol. Hệ thống bung stent bằng một tay. Thiết kế mắt stent mở giúp stent áp sát thành mạch máu, không gặp góc, được định vị bằng 8 điểm tantalum. Kích thước: đường kính 6 - 11 mm, dài 20 - 150mm. Chiều dài hệ thống mang stent có 2 loại là 80 và 120cm.</p>	Cái	
370	Stent nhừa đường mắt có điểm cân quang cong 2 đầu các cỡ dùng trong nội soi	<p>Stent nhừa đường mắt có điểm cân quang cong 2 đầu hoặc cong chính tâm các cỡ dùng trong nội soi Chiều dài 3cm - 15cm Đường kính 7Fr, 8.5Fr, 10Fr, 11.5Fr Chất liệu PE, PTFE (teflon)</p>	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
371	Stent nhựa đường mật, tụy có điểm cân quang loại thẳng các cỡ dùng trong nội soi	Stent tụy bằng Teflon, có cân quang - Thiết kế hình dạng cong hoặc gấp góc, có ống định vị - Đường kính từ 5Fr - 11.5Fr - Chiều dài: 5 - > 15cm - Tiệt khuẩn	Cái	
372	Bộ đặt stent nhựa đường mật có 3 điểm cân quang các cỡ	Bộ đặt stent nhựa đường mật các cỡ, có điểm cân quang, và ngã bom cân quang. Chiều dài \geq 220cm.	Bộ	
373	Stent động mạch chậu tự bung.	Stent động mạch chậu tự bung. Được phủ siclicon carbide, chiều dài catheter 70cm và 120cm. - Có 4 marker bằng vàng hai đầu stent. - Tương thích wire 0,035". Vật liệu làm bằng Nitinol nhớ hình. Kích thước các cỡ.	Cái	
374	Stent dùng cho can thiệp mạch máu khung chất liệu CoCr các cỡ.	Stent dùng cho mạch máu ngoại biên, nong bằng bóng. Khung stent CoCr có đường kính trước khi bung nhỏ nhất, khả năng đẩy và lái qua tổn thương tốt nhất. Tương thích với sheath 6F (nhỏ nhất). Kích thước: dk 5-10 mm, dài 18-58 mm. Chất liệu CoCr.	Cái	
375	Stent dùng cho can thiệp mạch máu loại có lớp phủ graft, chất liệu CoCr-Micro porous ePTFE các cỡ.	Stent ngoại biên có lớp màng bọc graft, được chỉ định cho phình, thủng cấp, rách hoặc rò động mạch chậu, thận. Thiết kế khung stent CoCr được bọc bởi 1 lớp graft Micro-porous ePTFE. Tương thích với sheath 6F đến size 8.0x57mm. Kích thước: đường kính 5-10 mm, dài 18-58 mm.	Cái	
376	Stent graft bổ sung cho động mạch chủ bụng các cỡ.	Tương thích bộ khung giá đỡ động mạch chủ bụng phía trên để sử dụng khi cần ghép cho bệnh nhân. Đầu gần có stent chữ M. Hệ thống bung stent điều khiển bằng cách xoay tròn. Kích thước đường kính: 10 mm - 28 mm. Chất liệu stent Nitinol, graft là polyester đa sợi mật độ cao.	Cái	
377	Stent graft bổ sung cho động mạch chủ ngực các cỡ.	Tương thích với bộ khung giá đỡ động mạch chủ ngực. Có Marker hình số "8" ở đầu và giữa, một marker hình "O" ở đoạn cuối. Không có thanh kim loại chạy dọc trên lưng stent. Hệ thống bung stent điều khiển bằng cách xoay tròn. Kích thước đường kính: 22 mm - 46 mm. Chất liệu stent Nitinol, graft là Polyester đa sợi.	Cái	
378	Stent graft động mạch chủ bụng các cỡ.	Sử dụng cho phình tách DMC Bụng, có kích thước hệ thống dẫn nhỏ nhất hiện nay 18F (phần thân chính) 14F (phần nối dài). Đầu gần có stent chữ M. Có thể chỉ định trên bệnh nhân có cổ túi phình đoạn gần \geq 10 mm, và độ gấp góc đến 75 độ. Có marker hình chữ e và ring marker. Hệ thống bung stent điều khiển bằng cách xoay tròn. Đường kính: 23 mm - 36 mm đối với thân chính và từ 10 mm- 28 mm đối với thân nối dài. Kích thước hệ thống dẫn nhỏ nhất 18F. Chất liệu stent Nitinol, graft là polyester đa sợi mật độ cao.	Cái	

STT	Tên hàng hóa một đầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
379	Stent graft động mạch chủ ngực các cỡ.	Sử dụng cho phình, bóc tách động mạch chủ ngực. Có 8 mắt stent ở đầu gần không có lớp phủ, dài 12 mm. Không có thanh kim loại chày dọc trên lưng stent. Có marker hình số 8 ở đoạn đầu và giữa, một marker hình O ở đoạn cuối. Hệ thông bụng stent điều khiển bằng cách xoay tròn. Kích thước đường kính: 22 mm - 46 mm. Chất liệu stent Nitinol, graft là Polyester da sợi.	Cái	
380	Stent kim loại can thiệp đường mật bằng Platinoi.	Stent kim loại can thiệp đường mật bằng Platinoi Linh hoạt hỗ trợ đặt stent trong các cầu trúc giải phẫu quanh co Tăng độ cân quang toàn stent, dễ thấy stent khi đặt Thiết kế bên dày platinoi chông xẹp và tăng độ ổn định Có thể thu gọn đến 80% so với khi bụng để tái định vị khi đặt Cơ chế đưa stent dòng trực giúp đặt stent dễ dàng, dễ điều khiển Chiều dài hữu dụng của catheter 75cm và tương thích introducer 9F Catheter có 4 điểm cân quang giúp dễ nhìn khi đặt stent Stent có đường kính 8-10mm loại không phủ, bán phủ, phủ toàn phần, có catheter 8-8,5F.	Cái	
381	Stent kim loại đường mật các cỡ có vỏ bọc, lấy ra được.	Stent tự bung. Làm bằng vật liệu Nitinol. Stent có phủ, dan lưới cá; phủ toàn bộ bằng lớp silicone hoặc bare mỗi 2 đầu 5mm để chống trượt stent. Có 3 điểm cân quang trên stent bộ đặt: 2 ở mỗi đầu và 1 ở đoạn giữa. Đường kính bộ đặt 8F, chiều dài bộ đặt 180cm. Trên stent có 8 điểm cân quang: 3 điểm ở mỗi đầu, 2 ở đoạn giữa. Stent có đường kính từ 6mm-8mm-10mm, có chiều dài từ 4-5-6-7-8-9-10-12cm. Stent được lắp sẵn trên bộ đặt, đồng gói tiết kiệm.	Cái	
382	Stent kim loại đường mật các cỡ.	- Stent chất liệu Nitinol siêu đàn hồi - 2 đầu lọc nhẹ chông đi lệch stent - 3 điểm đánh dấu cân quang, quan sát dễ dàng - Bọc màng silicon bán phần - không bọc phần lọc của stent - Thiết kế vỏ ngoài của bộ đặt stent bằng các sợi đan chéo giúp chông gấp stent và bung stent nhẹ nhàng - Có khả năng thu stent lại (khi stent chưa bung hoàn toàn), giúp hỗ trợ chọn vị trí đặt stent chính xác - Đường kính stent có 2 kích thước: 8.0mm và 10.0 mm - Chiều dài stent có 3 kích thước: 40cm; 60cm; 80cm;	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
383	Stent kim loại thực quản các cỡ có vỏ bọc, lấy ra được.	Stent chất liệu Nitinol đàn hồi, lực bung radial tối ưu. Phủ màng silicon toàn bộ stent. Thiết kế vòng neo 02 chiều đặc biệt chống di lệch stent, có thể chống di lệch theo cả 2 hướng. Đường kính thân stent 23mm, 2 đầu stent loe. Chiều dài stent các cỡ. Stent có 04 điểm cân quang, 01 điểm vàng ngăn cách stent và bộ đặt. Stent được lắp sẵn vào bộ đặt stent.	Cái	
384	Stent kim loại thực quản các cỡ.	Stent thực quản tự bung. Chất liệu Nitinol. Đường kính thân stent 22cm (± 2 cm), 2 đầu loe 27mm (± 2 mm), chiều dài stent các size từ 7 đến 12 cm (± 2 cm). Đường kính bộ đặt stent 18 Fr (± 05), có tối thiểu 2 điểm cân quang và 1 điểm vàng ngăn cách stent và bộ đặt. Stent cân quang toàn phần, stent phủ silicone hoặc polyester toàn phần hoặc bán phần. Đầu có dây rút để di chuyển stent.	Cái	
385	Stent mạch vành chất liệu Cobalt Chromium bọc thuốc Sirolimus (hoặc tương đương).	Thân dạng ống làm bằng hợp kim Cobalt Chromium xe rãnh, với thiết kế có dạng lưới mỗi đốt có 3 môi liên kết, 9 phần tư dạng zig zắc. Stent được phủ một lớp Sirolimus-Pronova chống tái hẹp được thiết kế linh hoạt, stent phóng thuốc chậm hấp thụ thuốc trong vòng 8 tuần, tỉ lệ tái hẹp thấp. Đủ các cỡ đường kính từ đến: 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 4.0mm. Độ dài rất đa dạng từ 13, 18, 23 đến 48mm.	Cái	
386	Stent niệu quản, phủ toàn bộ bằng kim loại các cỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính stent 8mm, 10mm - Chiều dài stent: 6cm, 8cm, 10cm, 12cm - Chất liệu bằng kim loại Nitinol phủ Polymeric cả bên trong và bên ngoài Stent - Cấu trúc Stent dây đơn giảm chấn thương - Thiết kế có hoặc không có mô neo - Khả năng chống chịu và đàn hồi để tránh tái hẹp tốt - Dễ quan sát dưới tia Xquang thông qua các marker chặn bức xạ ở cả hai đầu - Stent rút theo cơ chế rút chỉ - Trọn bộ gồm: Stent đường niệu quản bằng kim loại có phủ toàn bộ và dụng cụ đẩy stent. 	Cái	
387	Stent tuyến tiền liệt, phủ toàn bộ bằng kim loại các cỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính stent 45F - Chiều dài catheter: 20cm - Chiều dài stent: các cỡ - Bằng kim loại Nitinol phủ Polymeric cả bên trong và bên ngoài stent. - Cấu trúc dây đơn - Thiết kế có hoặc không có mô neo - Stent rút theo cơ chế rút chỉ - Khả năng chống chịu và đàn hồi để tránh tái hẹp - Trọn bộ gồm: stent Đường tiền liệt tuyến Bằng kim loại có phủ toàn bộ và dụng cụ đẩy stent. 	Cái	
6.5 Miếng vá, mảnh ghép				

STT	Tên hàng hóa mới đầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
388	Miếng lưới Polyester (5 x 10)cm ±10%	Miếng lưới Polyester (5 x 10)cm ±10%; Chất liệu 100% Polyester riêng từng miếng	Miếng	
389	Miếng lưới Polyester (7,5 x 15)cm ±10%	Miếng lưới Polyester (7,5 x 15)cm ±10%; Chất liệu 100% Polyester riêng từng miếng	Miếng	
390	Lưới dẹt thoát vị thành bụng polyester hình chữ nhật 2 lớp, size 20 x 15cm và 20 x 25cm.	Lưới dẹt thoát vị thành bụng, dẹt 3D, vật liệu polyester, da sợi, có màng collagen chống dính 1 mặt, mềm xốp, co giãn đa chiều, có dính kèm chỉ ở 4 điểm, kích thước 20x15cm, 20x25cm.	Miếng	
391	Lưới thoát vị bên 2D 10x15cm	Lưới dẹt thoát vị bên, dẹt 2D, co giãn đa chiều, vật liệu polypropylene, đơn sợi, kích thước 10x15 cm.	Miếng	
392	Lưới thoát vị bên Polyester đơn sợi (15x10)cm ±10% có gai tự dính.	Lưới dẹt thoát vị, chất liệu Polyester, đơn sợi, có các gai tự dính bằng chất liệu polyactic acid, từ tan sau 18 tháng. Kích thước lưới (15x10)cm ±10%, dẹt bên trái/ phải.	Miếng	
393	Miếng và tim, và mạch máu các cỡ	Miếng và tim, và mạch máu các loại các cỡ để tái tạo mạch máu bằng vật liệu Polyesterurethane đàn hồi, vì mô loại Vascular Patch có tính tuần hoàn cao, không chảy máu lỗ chỉ khâu do độ đàn hồi cao của sợi polymer, cấu trúc vi mô giúp cho sự kết hợp mô giúp cho sự kết hợp tốt.	Miếng	
6.6 Vật liệu thay thế, vật liệu cấy ghép nhân tạo khác				
394	Keo dán mô N - butyl - 2 - cyanoacrylat ống ≥ 0, 5 ml	Keo dán mô N - butyl - 2 - cyanoacrylat ống ≥ 0, 5 ml	Ống	
395	Vật liệu đóng mạch ngoài biên.	Chất keo tắc mạch ngoài biên (n-butyl-2-cyanoacrylate) là chất xơ hòa đưa vào lòng tĩnh mạch cần điều trị làm mạch máu tắc vĩnh viễn. Keo không gây sưng phù, phi nhiệt và không gây cứng khi bị tắc tĩnh mạch. Bộ bao gồm: - Catheter - Introducer - Dilator - Súng dẫn keo - Đầu dẫn gắn theo súng - Syringes 3cc - Guidewire J 0,035".	Bộ	
Nhóm 7. Các loại vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa				
7.1 Tim mạch và X-quang can thiệp				
396	Bộ bơm bóng áp lực cao chất liệu Polycarbonate không kèm dụng cụ nối.	Bộ bơm bóng áp lực cao: - Bơm bóng áp lực cao có định sẵn dây tubing dài 13 inches - Áp lực 30atm, thể tích 20ml - Vật liệu làm bằng Polycarbonate kèm Van cầm máu, dụng cụ Insertion, torque, khóa 3 ngã.	Bộ	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
397	Bóng kéo sợi 3 kênh, có 2 dải cân quang ở đầu và cuối bóng, đường kính bóng tối đa 20mm, đường kính đầu cuối 5.5Fr	Đường kính bóng 7Fr, chiều dài 200cm, sử dụng dây dẫn 0.035", 3 kênh với đường kính 11.5- 14 -16 mm, độ mở khi bơm 1.6-2.8-4.8mm, vật của bóng bằng cao su tự nhiên đàn hồi cao	Cái	
398	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, nguyên liệu Pebax, phủ Bioslide hydrophilic. Thiết kế gấp 5 cạnh, có 2 điểm đánh dấu ở cạnh của bóng	Thiết kế hệ thống: Monorail (ở đầu gần cách bóng 4cm có cấu trúc Tack Weld tăng khả năng đẩy xuyên qua những tổn thương khúc khuỷu), Over The Wire. Dạng bóng: Semi-Compliant, thiết kế gấp 5 cạnh. Chất liệu bóng: Pebax. Lớp phủ: Bioslide ái nước. Maker: 2 maker bằng vàng ở cạnh của bóng. Đường kính bóng: 2mm - 10mm. Chiều dài bóng: 10mm - 220mm Chiều dài trục thân: 40cm, 80cm, 90cm, 135cm, 150cm. Dây dẫn tương thích: 0.014", 0.018". Áp suất tối đa: 14 atm. Tip profile: 0.020".	Cái	
399	Bóng nong mạch máu ngoại biên có 5 nếp gấp vật liệu Semi Crystalline Polymer.	Bóng nong mạch máu ngoại biên - Công nghệ phủ (patchwork coating) kỵ nước tránh làm trượt bóng và giúp bung bóng chính xác - Tương thích wire 0.018"/0.035" và ống dẫn 4F, 5F, 6F, Catheter loại OTW - Vật liệu bóng làm bằng SCP (Semi Crystalline Polymer), 5 fold (5 nếp gấp). - Chiều dài catheter 80cm, 90cm, 130cm và 150 cm.	Cái	
400	Dây nối chữ T 150cm bơm tiêm thuốc cân quang 190ml dùng cho máy Salient (hoặc tương đương).	Dây nối 2 nòng, chữ T, chịu áp lực 300psi, trong suốt, chống xoắn dài 150cm, đường kính trong 1,53mm, đầu nối luer lock an toàn, chống rò rỉ. Chất liệu PVC y tế, không DEHP. Tiệt khuẩn.	Bộ	
401	Phim X-quang kỹ thuật số lazer 10x12 inch (25cmx30cm)	Kích thước: 25x30 cm (10x12 inch). Công nghệ in laser.	Tấm	
402	Phim X-quang kỹ thuật số lazer 14x17 inch (35cmx43cm)	Kích thước: 35x43 cm (14x17 inch). Công nghệ in laser.	Tấm	
403	Bộ bơm bóng đa dụng tương thích các loại bóng nong 0-440PSI.	Bộ bơm bóng đa dụng tương thích các loại bóng nong Áp lực bơm từ 0 - 440PSI Có đồng hồ đo áp lực	Bộ	
404	Bộ bơm bóng đường mật Quantum (hoặc tương đương).	Bộ bơm bóng đường mật thể tích 20cc, độ đo chính xác 5atm hoặc 7psi, tay cầm có khóa, xả nhanh	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
405	Bộ bóng nong niếu quản các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bằng vật liệu can tia X - Đầu kết nối leur lock - Dễ dàng rút bỏ nòng trong của vỏ nong, - Cây nong dài 18cm với các cỡ: 8-10-12-14-16 Ft - Sử dụng cho dây dẫn lõi da 0,038" - Loại được tiết trùng sẵn và sử dụng 1 lần 	Bộ	
406	Bộ dụng cụ mô phỏng động mạch đùi dài 11 cm, chất liệu polyethylene và polypropylene các cỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu polyethylene và Polypropylene, mềm dẻo an toàn cho bệnh nhân - Có kèm theo kim chọc mạch 18Gx7cm (tùy mã sản phẩm), - Có khóa 3 ngã - Có Guitewire kèm (làm bằng thép không rỉ) có đầu cong hình J, đường kính hoặc 0,038", dài 50cm 	Cái	
407	Bộ dụng cụ mô phỏng động mạch quay làm bằng chất liệu polyethylene và Polypropylene, kim chọc mạch bằng thép không gỉ, các cỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu polyethylene và Polypropylene, mềm dẻo an toàn cho bệnh nhân - Có Guitewire kèm (làm bằng thép không rỉ) có đầu cong hình J, đường kính 0,018", dài 40cm - Có kèm theo kim chọc mạch 21Gx4cm, có khóa 3 ngã 	Cái	
408	Bộ dụng cụ mô phỏng mạch máu các cỡ bao gồm sheath có van chống trào máu, dây dẫn trong ại nước (hoặc tương đương)	<ul style="list-style-type: none"> Bộ dụng cụ mô phỏng vào động mạch bao gồm sheath có van chống trào máu, dây dẫn trong ại nước dài 45cm. Đường kính 4Fr đến 10Fr, dài 7cm-10cm. Lốp vỏ bằng ETFE. Luôn vào dễ dàng, không bị chùn đầu. Chống xoắn. Không bị rỉ máu. Có lớp ại nước không gây phân ứng co mạch, chỗ giao tiếp giữa sheath và dilator rất nhẵn mịn làm giảm tới đa tổn thương. 	Cái	
409	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng nhịp thích ứng, với độ nhạy thích ứng.	<ul style="list-style-type: none"> Bộ máy tạo nhịp một buồng nhịp thích ứng, thời gian hoạt động ≥ 16 năm, ghi lại tiền sử điện tim, độ nhạy từ động như LCD - Auto Sensing, tương thích MRI toàn thân, chức năng Auto-initialization, nhịp cơ bản có thể lên tới 200 bpm. Thể tích ≤ 10 cm³, kích cỡ 48 mm x 40mm x 6,5mm. Dây điện cực có lớp phủ fractal iridium. 	Bộ	
410	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng nhịp thích ứng, với độ nhạy thích ứng.	<ul style="list-style-type: none"> Bộ máy tạo nhịp hai buồng nhịp thích ứng tương thích MRI toàn thân, thời gian hoạt động > 12 năm, ghi lại tiền sử điện tim, độ nhạy từ động Auto sensing, có chương trình giám tạo nhịp ở thất RS+ với thời gian trễ lên đến 400ms, thể tích ≤ 1 cm³, kích cỡ 48mm x 44 mm x 6,5mm. Các dây điện cực có lớp phủ fractal iridium, dùng kim chọc có kích cỡ 6F. 	Bộ	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
411	Bộ phổi nhân tạo, dành cho trẻ nhỏ và người lớn.	Phổi nhân tạo được làm bằng vật liệu Microporous polypropylene có tráng X-coating giúp làm giảm tối đa sự kết dính tiểu cầu nhằm ngăn ngừa phản ứng đông máu có bộ phận dùng để gắn cảm biến mức máu. Diện tích màng trao đổi oxy 0,5m ² , 1,5m ² và 2,5m ² . Thể tích mỗi máu 43ml, 135ml và 250ml.	Cái	
412	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản (có ngã tưới rửa), bao gồm: tay quay và đầu thắt.	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản 6 vòng có kênh bơm rửa kèm theo một chiều: Chiều dài 150cm, đường kính 2.2mm, 6 vòng thắt vòng thun nhỏ nhất 1.75mm tương thích với mọi ống soi Tay cầm thắt tĩnh mạch thực quản có kênh bơm rửa hấp tiết trùng được ở nhiệt độ cao 134 độ C.	Bộ	
413	Bóng nong động mạch vành kiểu cắt cạnh dẫn hồi (hoặc tương đương).	Chiều dài khả dụng 140cm kiểu cắt cạnh dẫn hồi. Đầu tít nhỏ 0.014". Áp lực cao 14 Bars cực đại 1.52 - 4.3 RBP. Đường kính bóng từ 1.25 đến 4.00mm và chiều dài bóng từ 10 - 30mm mức đánh dấu mức nhỏ hơn 0,65mm. Profile nhỏ 0.50 mm	Cái	
414	Bóng nong động mạch vành kiểu cắt cạnh không dẫn hồi (hoặc tương đương).	Chiều dài khả dụng 140cm kiểu cắt cạnh không dẫn hồi. Đầu tít nhỏ 0.014 ". Áp lực cao 20 Bars cực đại 2.19 - 4.27 RBP. Đường kính bóng từ 2.00 đến 4.00mm. Chiều dài bóng từ 8 đến 20mm. Thiết kế vai bóng tối ưu tránh bóng nở ngoài stent và hoặc tổn thương	Cái	
415	Bóng nong đường mật các cỡ.	Bóng nong đường mật vật liệu tổng hợp siêu chắc. Tương thích guidewire .035inch, kênh ống soi 3.2mm. Chiều dài 190cm. Có nhiều đường kính: 4mm-10mm. Chiều dài bóng: 4cm. Áp lực đỉnh 160psi hoặc 11atm	Cái	
416	Bóng nong mạch vành áp lực cao, có 3 nếp gấp, vật liệu Semi Crystalline Polymer, chiều dài thân 145 cm.	Bóng nong mạch vành áp lực cao: - Áp lực bình thường 14atm, áp lực vỡ bóng 20atm (ngoại trừ 4.5 và 5.0, áp lực vỡ bóng là 18atm) - Đường kính hệ thống bóng (Profile) 0.018", Chiều dài thân hữu dụng bóng 145 cm - Guiding tương thích 5F. Dây dẫn tương thích 0.014" - Thiết kế: hypotube, 3 fold (3 nếp gấp). Công nghệ phủ đan xen (patchwork coating) kỵ nước - Vật liệu bóng SCP (Semi Crystalline Polymer). Điểm đánh dấu (Marker tít): Platinum-Iridium. - Đường kính : 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 3.75, 4.0, 4.5, 5.0 mm; chiều dài : 8, 12, 15, 20, 30 mm.	Cái	

STT	Tên hàng hóa một đầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
417	Bông nong mạch vành dần hồi vật hiệu Semi Crystalline Polymer, 2-3 nếp gấp, chiều dài thân 140 cm.	<p>Bông nong mạch vành và cầu nối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp lực bình thường: 120mmHg, áp lực với bông Ilatim - Thiết diện vượt qua tổn thương (Profile) 0.017". Thiết diện di chuyển 0.029"-0.040" - Loại ống thông chuyên giao nhanh (Rx) Chiều dài thân hữu dụng Catheter bông 140 cm - Thiết kế: hypotube. Điểm đánh dấu (Maker tip): Platinum-Iridium. - Vật liệu bông làm bằng Semi Crystalline Co-Polymer. Công nghệ phủ dán xen (patchwork coating) - Bông có 2 nếp gấp và 1 marker đối với size nhỏ 1.25-1.5mm, 3 nếp gấp và 2 marker đối với size 2.0-4.0 mm - Đường kính: 1.25, 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0 mm; chiều dài: 6, 10, 15, 20, 25, 30 mm. 	Cái	
418	Bông nong làm vị các cỡ.	Bông nong làm vị các cỡ. Tương thích guidewire .035 inch. Đường kính catheter 4.7mm, chiều dài 100cm.	Cái	
419	Bông nong thực quản, dài tăng các cỡ.	Bông nong thực quản, dài tăng, đa chức năng 3 đường kính từ 6-7-8mm đến 18-19-20mm. Có đánh dấu cân quang, tương thích guidewire .035inch. Chiều dài 230cm. Đường kính 7Fr. Chiều dài bông 55mm	Cái	
420	Bông trực tràng 4.5 Fr.	Catheter áp lực ở bụng dùng trong máy do niệu động học Chất liệu: PVC Cỏ bông Đường kính ống 4.5 Fr.	Cái	
421	Bông trực tràng 7.5 Fr.	Catheter áp lực ở bụng dùng trong máy do niệu động học Chất liệu: PVC Cỏ bông Đường kính ống 7.5 Fr.	Cái	
422	Dây dẫn ái nước cỏ trợ lực xoay 1:1, lõi Nitinol được phủ polyurethane các cỡ.	Dây dẫn ái nước cỏ lõi Nitinol có lớp áo polyurethane và lớp áo ái nước giúp dễ lái vào các chỗ tổn thương khó, an toàn. - Dây dẫn cỏ trợ lực tối theo tỷ lệ 1:1 - Có đủ 2 dạng đầu cong chữ J và đầu thẳng - Dữ các kích cỡ 0.035", 0.038", 0.025", 0.018" chiều dài từ 80cm, 150cm, 180cm, 220cm, 260cm.	Cái	
423	Dây dẫn can thiệp PT2 Guidewire các loại, các cỡ (hoặc tương đương)	Dây dẫn can thiệp Mạch Vành ái nước, bằng chất liệu Nitinol phủ Polymer. chiều dài 185cm và 300cm.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
424	Dây dẫn chân đoán lõi thép không gỉ, các cỡ.	<p>Dây dẫn chân đoán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lõi làm bằng thép không gỉ dùng trong thủ thuật chân đoán. - Công nghệ phủ PTFE (pre-coating) giúp có thể di chuyển uốn khúc để tối ưu hóa độ linh hoạt của dây dẫn. - Lớp Heparin giúp giảm ngưng tập huyết khối (tùy mã sản phẩm) - Vòng flush giúp dễ dàng áo nước cho dây dẫn, công Flush xoay được giúp bảo vệ đầu tip - Đầu dây dạng chữ J: 1,5; 3; 6; 15 mm. - Đầu các kích cỡ 0.038", 0.035", 0.025", 0.021", 0.018" dài 80cm, 150cm, 180cm và 260cm 	Sợi	
425	Dây dẫn chụp mạch vành phủ lớp ái nước M Coat, chiều dài 150cm các cỡ (hoặc tương đương).	<p>Dây dẫn chụp mạch vành phủ lớp ái nước M Coat:</p> <p>Kích cỡ: đường kính 0.025", 0.035", 0.038" cong 3cm, đầu chữ J, đầu thẳng. Dài 150cm.</p> <p>Chất liệu: cấu tạo bởi hợp kim siêu đàn hồi (Nitinol), lớp áo ngoài polyurethane phủ hoạt chất tungsten.</p> <p>Tiêu chuẩn kỹ thuật: đầu tip siêu mềm dẻo, linh hoạt, độ trơn hoàn hảo.</p>	Cái	
426	Dây dẫn chụp mạch vành phủ lớp ái nước M Coat, chiều dài 260cm các cỡ (hoặc tương đương).	<p>Dây dẫn chụp mạch vành phủ lớp ái nước M Coat:</p> <p>Kích cỡ: đường kính 0.025", 0.035", 0.038" cong 3cm, đầu chữ J, đầu thẳng. Dài 260cm.</p> <p>Chất liệu: cấu tạo bởi hợp kim siêu đàn hồi (Nitinol), lớp áo ngoài polyurethane phủ hoạt chất tungsten.</p> <p>Tiêu chuẩn kỹ thuật: đầu tip siêu mềm dẻo, linh hoạt, độ trơn hoàn hảo.</p>	Cái	
427	Dây dẫn có lưới lọc bảo vệ động mạch các cỡ (hoặc tương đương)	<p>Dây dẫn có lưới lọc dùng trong can thiệp động mạch vành.</p> <p>Đầu dây dẫn dạng xoắn, cuộn linh hoạt có cân quang. Lưới lọc có độ cân quang cao giúp ổn định hình dạng và cho hình ảnh rõ nét. Phù hợp cho các mạch máu có đường kính từ 3.5-5.5mm.</p> <p>Chất liệu trực: thép không gỉ.</p> <p>Lớp phủ: PTFE.</p> <p>Nguyên liệu lưới lọc: Polyurethane, mép là Nitinol nhớ hình.</p> <p>Đường kính: 0.014".</p> <p>Chiều dài: 190cm, 300cm.</p> <p>Kích thước lỗ lưới: 110 micron.</p> <p>Crossing profile: 3.2F</p> <p>Loại đầu tip: Straight.</p>	Cái	
428	Dây dẫn dùng trong can thiệp 0.014" không mối nối, lõi hợp kim đàn hồi, có lớp ái nước.	<p>Dây dẫn dùng trong can thiệp 0.014" không mối nối, lõi hợp kim đàn hồi, có lớp ái nước.</p> <p>Kích cỡ: đường kính 0.014" dài 180 cm</p> <p>Chất liệu: phần lõi đầu xa làm bằng hợp kim Nickel-Titanium, lớp cuộn bên ngoài là Platinum ở đoạn xa, Stainless Steel ở đoạn gần</p> <p>Tiêu chuẩn kỹ thuật: công nghệ nối giúp truyền momen xoắn tốt hơn. Dây dẫn linh hoạt, bền, dẻo giúp tiếp cận tổn thương dễ dàng.</p>	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới đầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
429	Dây dẫn đường (guide wire) đầu tròn dẫn lưu nang gia tụy, dài 2 sợi, từ mô đường thông như oddi. - Dẫn dây dẫn tròn màu vàng từ tìm đường thông như hẹp Oddi - Dẫn được 2 dây dẫn cùng lúc, dẫn đường 2 stent đồng thời, lõi nitinol giữ hình dạng. - Chiều dài 480cm, đường kính .035 inch, loop tip 2x4mm, có cân quang	Cái		
430	Dây dẫn đường cứng, phủ PTFE, đầu thẳng	Dây dẫn đường cứng chất liệu nitinol đường kính 0.035" dài 120-150 cm phủ leflon PTFE đầu thẳng.	Cái	
431	Dây dẫn đường loại Stater các loại, các cỡ (hoặc trong đường)	Dây dẫn chặn đoạn Mạch Vành và Mạch Máu Ngoại Vi dạng Starter Guidewire. Với hệ thống 0.018", 0.025", 0.028", 0.032", 0.035", 0.038" và các chiều dài khác nhau 80cm, 100cm, 150cm, 180cm, 260cm	Cái	
432	Dây dẫn đường mắt 0.035inch, dài 450cm, đầu phủ hydrophilic	Dây dẫn đường mắt 0.035inch, dài 450cm, đầu phủ hydrophilic - ra nước.	Cái	
433	Dây dẫn đường mềm phủ Hydrophilic, đầu thẳng, đường kính 0.035", dài 150cm	Lõi nitinol siêu dẫn hồi kháng xoắn. Phủ hydrophilic trên hết chiều dài đầu tip linh hoạt dài 3cm để hàn chế lõi thích ứng cơ chảy máu và phù nề, nghẽn. Đường kính 0.035". Chiều dài 150cm.	Cái	
434	Dây dẫn hướng kim loại nong thực quan các cỡ.	Dây dẫn hướng kim loại nong thực quan Gillhard sử dụng nhiều lõi chất liệu thép không gỉ, dài 200cm; 250cm; 360cm, đầu linh hoạt dạng coil	Cái	
435	Dù amplatzer, dù dăng lưới kim loại tự nơ các loại, các cỡ (hoặc trong đường)	Dùng cụ đóng thông Đông Tĩnh Mạch dăng lưới Nitinol, dù các kích cỡ: 4,6,8,10,12,14,16mm.	Cái	
436	Dù đóng thông liên nhi các cỡ	Dù đóng thông liên nhi các cỡ được thiết kế từ hợp kim nhôm hình dăng lưới Nitinol, thích ứng hình dạng hoàn toàn với giải phẫu sinh lý của Vách Liên Nhi. - Dễ dàng đem thêm nhúng mảnh kết cấu polyester giúp quá trình nội mạc hóa lên từ bên trong	Cái	
437	Hạt nút mạch Poly Vinyl Alcohol 25mg điều trị ung thư gan	Hạt vi cầu tắc mạch Poly Vinyl Alcohol, kích thước 70-700 µm, có khả năng tắc mạch máu trong khối u ác tính và tuyến hóa chất Doxorubicin, Irinotecan điều trị ung thư gan. Kích thước hạt khi ngâm thuốc được kiểm soát. Khả năng ngâm thuốc 37,5mg/ml hạt. Kiểm soát việc phóng thích thuốc trong quá trình điều trị	Lô	
438	Hạt nút mạch làm thời	Vật liệu nút mạch làm thời có nguồn gốc từ gelatin, các kích thước. Được mã hóa màu theo từng kích thước và được hiệu chuẩn chính xác. Có ông tiêm, mỗi ông chứa vật liệu nút mạch trong điều kiện vô trùng.	Ông/ 20ml	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
439	Hạt nút mạch vi cầu Trisacryl gelatin 2ml	Hạt nút mạch hình cầu chất liệu trisacryl gelatin pha sẵn có nhiều kích cỡ trong cùng 1 syringe, có tính đàn hồi cho phép nén tạm thời lên đến 33%, kích cỡ hạt từ 40 - 1200 µm (2ml)	Lọ	
440	Lưới lọc tĩnh mạch tạm thời, Chiều cao:35mm, Đường kính 40mm,	Lưới lọc tĩnh mạch chủ loại đặt tạm thời có thể thu lại được, thiết kế hình nón, làm từ hợp kim Phynox, không có hợp kim Co-Cr sắt từ, tương thích MRI và dễ dàng quan sát dưới tia X - Chiều cao: 35 mm; Đường kính: 40 mm - Phụ kiện kèm theo: Bộ dụng cụ mở đường 7F dài 560 mm có van cầm máu và ống nối bơm dung dịch bên hông, ống nối 7F dài 648 mm, thanh dây dài 7F dài 620 mm, thanh dây ngắn 7F dài 146 mm, dây dẫn đường đầu chữ J 0.035" dài 1500 mm, lưới lọc được nạp sẵn trong hộp có đường kính 40 mm và chiều dài 53 mm.	Cái	
441	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại biên.	Catheter hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại biên dùng cho guidewire 0.018 inch và 0.035 inch.	Cái	
442	Vi dây dẫn đường can thiệp lõi Scitanium, đầu tungsteng.	- Dây dẫn ái nước, lõi Scitanium, đầu tungsteng. Đường kính: 0.014" và 0.018". Độ dài: 135, 165, 190cm. - Hoặc tương đương.	Cái	
443	Vi dây dẫn đường can thiệp mạch máu quanh eo.	- Có khả năng đi qua những mạch máu quanh eo nhất. Thiết kế phần đầu tip: lõi trong dây thép không rỉ, cuộn ngoài bằng hợp kim Platinum/tungsten, đầu tip bằng polimer trong để tránh chấn thương các mạch máu phức tạp; gia tăng khả năng nhìn. Đầu xa cán được thiết kế để truyền lực xoắn, tăng độ phản hồi và cơ động. Đầu xa cán phủ ái nước, đầu gắn cán phủ PTFE. Đường kính: 0.014" và 0.016". Độ dài: 140, 180, 200, 215, 300cm. - Hoặc tương đương.	Cái	
444	Vi ống thông can thiệp (đồng bộ với vòng xoắn kim loại).	Vi ống thông can thiệp (đồng bộ với vòng xoắn kim loại). Đường kính gắn cán 3F, xa cán 2.8F/2.4F; đường kính trong 0.027"/0.021" PTFE. Chất liệu: bện kim loại và xơ tăng độ nhìn, chống gập.	Cái	
445	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch có thể thu lại coil, có sợi Dacron bao phủ.	Vòng xoắn được bao phủ dày đặc bởi các sợi Dacron. Cánh tay khóa đơn giản giúp tăng khả năng kiểm soát, độ chính xác và có thể thu lại coil để đặt lại khi chưa mở khóa. Đường kính 2/6-22 mm và chiều dài đến 60 cm. Hình dạng coil: 2D, Kim cương, Lập phương.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chi chú
446	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch, màng bao sợi Dacron. Đường kính 2-11 mm. Chiều dài trong introducer: Từ 2 đến 85mm. Chiều dài khi thả: từ 2.0 đến 17mm. Hình dáng: Kim cứng, hình nón, vòng xoắn lặp lại, thẳng, vòng xoắn, xoắn ốc phức tạp.	Cái		
7.2 Lọc máu, lọc màng bụng				
447	Màng lọc chất hiệu Helixone, hệ số siêu lọc = 12ml/h.mmHg/p. Diện tích màng 1,4m ² . Tỉet trung bằng hơi nước.	Quả		
448	Màng lọc chỉ nhiệt độ sử dụng cho máy Online HDF Dialog Màng lọc Polysulfone khả năng hấp thụ cao: có khả năng loại bỏ vi khuẩn và nội độc tố > 10IU/ml, tuổi thọ màng lọc: 150 lần chạy thận/khoảng 900 giờ, có tính ổn định cao sử dụng cho máy Online HDF Dialog	Quả		
449	Màng lọc dịch phụ sử dụng cho máy Fresenius HDF Online	Quả		
450	Màng lọc High-Flux, chất liệu Helixone, diện tích màng 1,4 m ² sử dụng cho máy Fresenius HDF online. Màng lọc High-Flux, chất liệu Helixone, diện tích màng 1,4m ² sử dụng cho máy Fresenius HDF online. Tỉet trung bằng hơi nước.	Quả		
451	Màng lọc thân LowFlux 15 chất hiệu sợi Polynphron Diện tích màng 1,5m ² . Hệ số siêu lọc: KUF:16 (ml/giờ/mmHg), sử dụng cho máy (BPA) và DEHP. Diện tích: 1,5 m ² . Hệ số siêu lọc: KUF: 16 (ml/giờ/mmHg)	Quả		
7.4 Tiêu hóa				
452	Dùng cụ khâu cắt nội soi gấp góc sử dụng pin 35mm sử dụng pin. Dùng cụ khâu cắt nội soi gấp góc sử dụng pin dùng cho mạch máu 35mm, đường kính cần 9-12mm, chiều dài cần 32cm, gấp góc môi bên 50 độ, đầu cong, tù, rộng 7,0mm hoặc tương đương.	Cái		
453	Dùng cụ khâu cắt nội tạng nội soi gấp góc sử dụng pin 45mm/60mm với công nghệ giữ mô bề mặt (GST), đường kính cần 12mm, chiều dài cần 34cm, gấp góc môi bên 45 độ, hàm để băng thép đúc không gỉ, lưỡi dao hình chữ C làm bằng thép mác 400 không gỉ, công nghệ 3 điểm tiếp xúc, độ mở hàm 22mm hoặc tương đương. GST. Dùng nội pin 45mm/60mm công nghệ	Cái		

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
454	Dụng cụ phẫu thuật trĩ bằng phương pháp Longo 32 ghim dập chuẩn công nghệ DST.	Dụng cụ khâu cắt trĩ theo phương pháp Longo, đường kính 33mm, ghim titanium công nghệ DST giúp cầm máu, thiết kế đầu de tháo rời và cấu ngang xác định vị trí đường lược giúp PTV thao tác dễ dàng và chính xác.	Cái	
455	Dụng cụ phẫu thuật trĩ Longo 33mm, 28 kim bằng Titanium Alloy, điều chỉnh chiều cao kim đóng từ 0.75mm-1.5mm	Bộ dụng cụ khâu cắt nối vòng điều trị bệnh trĩ Proximate PPH, đường kính đầu 33mm, đường kính dao 24,4mm, 28 ghim titanium alloy, chân ghim 4mm, chiều cao ghim đóng điều chỉnh 0,75-1,5mm hoặc tương đương.	Cái	
456	Rọ lấy sỏi niệu loại xoắn ốc số 3 có 4 sợi, dài 70-120cm.	Rọ làm bằng titanium, cỡ 3Fr, dài 70, 90, 120 cm, 4 dây hình xoắn ốc Helical, chất liệu Nitinol, tay cầm sử dụng 3 ngón tay có thể tháo rời ra và tái sử dụng lại được.	Cái	
457	Bộ đầu dò Doppler triệt mạch búi trĩ.	Bộ bao gồm các thành phần: 10 bộ ống soi trực tràng, 1 kẹp kim, 10 hộp chi kèm kim (6 sợi/1hộp), 01 đầu dò Doppler (sử dụng cho 10 bệnh nhân). - Ống soi trực tràng làm bằng nhựa y tế trong suốt với bộ phận trượt có thể tháo rời, - Tần số sóng siêu âm 8 MHz, kiểu phát sóng liên tục, băng tần âm thanh từ 300-2000Hz.	Bộ	
458	Bộ mảnh ghép điều trị tiểu không kiểm soát nam	Bộ mảnh ghép điều trị tiểu không kiểm soát nam bao gồm: - 01 dây treo Monofilament Polypropylene điều trị tiểu không kiểm soát ở nam giới bằng 4 "cánh tay". - 01 cây móc dẫn đường: dễ dàng định vị trong quá trình phẫu thuật. - 01 Dụng cụ banh vết mổ.	Bộ	
459	Đầu dò tán sỏi thủy điện lực, loại mềm, các cỡ.	Đầu dò tán sỏi thủy điện lực, loại mềm, các cỡ (đường kính 3Fr-4,5Fr, dài 600mm- 950mm), dùng cho máy nội soi đường mật qua da.	Cái	
460	Đầu hút tưới đốt nội soi các kiểu.	- Đầu hút tưới đốt nội soi, đầu đốt phủ một lớp PTFE - Poly Tetra fluoro Ethylen giúp giảm dính muội than, có thể cài đặt năng lượng thấp hơn giảm hoại tử do nhiệt; có thể trượt dễ dàng ở đầu đốt để tạo lực hút tốt hơn. - Hoặc tương đương.	Cái	
461	Dụng cụ cắt nối ruột, thực quản tự động cỡ 25 XL	Dụng cụ khâu cắt nối tròn kim titanium, gồm đầu Ovil và dây dẫn, đường kính 25mm.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
462	Dùng cụ cắt, khâu nối tự động da năng Dùng cụ cắt, khâu nối tự động da năng thuật nội soi, thích hợp với tất cả các loại băng đàn, nút van điện EGIAUSTIND dùng trong phẫu thuật nội soi, thích hợp với tất cả các loại băng đàn, nút van điện khiến băng đàn thông qua 10 vị trí của cầu hình (5 mỗi bên) hoặc tương đương.		Cái	
463	Dùng cụ cắt, khâu nối tự động hoàn toàn Stigma dùng trong phẫu thuật nội soi (hoặc tương đương).	Gồm: Bộ dụng cụ khâu, cắt nối thông minh, tính năng: bẻ góc, xoay, kẹp mô, cắt hoàn toàn tự động, Công nghệ Adaptive Firing do lực kẹp mô để đưa ra tốc độ cắt phù hợp với độ dày mô, có màn hình LED hiển thị: dung lượng pin, số lần sử dụng, tình trạng và thông số phụ kiện, độ dày mô. Sử dụng đơn giản bằng một tay. - 01 Tay súng pin (thần súng) - 02 thanh nối chuyên đổi cho dụng cụ khâu, cắt nối - 100 vỏ bao vệ dụng cụ - 01 Dụng cụ đặt thần súng - 01 Vít mô - 01 dụng cụ sắc pin - 01 Khay hấp tiệt trùng.	Bộ	
464	Dùng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi da năng 45mm, gấp góc 45 độ	Dùng cụ khâu cắt nối nội soi gấp góc 45mm, chiều dài cần 34cm, gấp góc mỗi bên 45 độ, hãm de băng thép đúc không gỉ, lưỡi dao hình chữ C làm bằng thép mạt 400 không gỉ, công nghệ 3 điểm tiếp xúc, độ mở hãm 22mm	Cái	
465	Dùng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi da năng 60mm, gấp góc 45 độ	Dùng cụ khâu cắt nối nội soi gấp góc 60mm, chiều dài cần 34cm, gấp góc mỗi bên 45 độ, hãm de băng thép đúc không gỉ, lưỡi dao hình chữ C làm bằng thép mạt 400 không gỉ, công nghệ 3 điểm tiếp xúc, độ mở hãm 22mm hoặc tương đương.	Cái	
466	Dùng cụ khâu cắt nối vòng 21mm/25mm/29mm/33mm, tự động điều chỉnh chiều cao kim ép mô từ 1,0mm đến 2,5mm, dùng cho phẫu thuật nội ống tiêu hóa	Dùng cụ khâu cắt nối vòng đầu công 21/25/29/33mm, chiều dài cần 18cm, đường kính trong 12,4/16,4/20,4/24,4mm, chiều cao ghim mô 5,5mm, chiều cao ghim đồng điều chỉnh 1,0-2,5mm hoặc tương đương.	Cái	
467	Dùng cụ khâu nối tự động tiêu hóa các cỡ 21mm, 25mm, 28mm, 31mm, 33mm, công nghệ DST, mô khi dùng cụ đã bán.	Dùng cụ khâu cắt nối ruột, thực quản tự động, công nghệ DST giúp cầm máu tốt, đường kính 21mm, 25mm, 28mm, 31mm, 33mm, đầu de thiết kế mỏng và chức năng Tilt-Top giúp dễ thao mô khi dùng cụ đã bán.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
468	Dụng cụ tay cầm dùng trong phẫu thuật nội soi.	- Dụng cụ tay cầm dùng trong phẫu thuật nội soi để thực hiện 3 thao tác: rửa, hút và phẫu thuật điện với nút bấm dạng bập bênh. Công tắc trên thân bút được mã hóa màu với màu vàng để kích hoạt tính năng cắt và màu xanh da trời để kích hoạt tính năng cầm máu, có phản hồi xúc giác để thao tác dễ dàng. Có thêm 2 nút lên xuống để bật/ tắt tính năng hút và rửa. Có cơ chế trượt để điều chỉnh đầu đốt thụt ra thụt vào. - Hoặc tương đương.	Cái	
469	Mảnh ghép dùng trong niệu khoa 15 x 15cm.	Mảnh ghép dùng trong niệu khoa 15 x 15cm: Chất liệu Polypropylene.	Miếng	
470	Mảnh ghép Polypropylene 6 nhánh dùng trong niệu khoa	Mảnh ghép 6 nhánh dùng trong niệu khoa: Chất liệu Polypropylene. Đường kính sợi: 0.08mm. Kích thước: 1.18 x 0.70 mm.	Miếng	
471	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 03cm x 18cm điều trị sa tạng chậu cố định thành sau tử cung vào ngành mu, khảo sát qua MRI.	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 03cm x 18cm điều trị sa tạng chậu cố định thành sau tử cung vào ngành mu : - Kích thước 03cm x 18cm - Lỗ hiệu quả: 63% - Khảo sát mảnh ghép qua MRI sau phẫu thuật.	Cái	
472	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 17cm x 15cm điều trị sa móm cụt âm đạo, cố định móm cụt âm đạo vào ngành mu, khảo sát qua MRI.	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 17cm x 15cm điều trị sa móm cụt âm đạo, cố định móm cụt âm đạo vào ngành mu : - Kích thước 17cm x 15cm - Lỗ hiệu quả: 63% - Khảo sát mảnh ghép qua MRI sau phẫu thuật.	Cái	
473	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 01cm x 50cm (không dây), điều trị tiểu không kiểm soát nữ, khảo sát qua MRI.	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 01cm x 50cm (không dây), điều trị tiểu không kiểm soát nữ : - Kích thước 01cm x 50cm - Lỗ hiệu quả: 57% - Khảo sát mảnh ghép qua MRI sau phẫu thuật.	Cái	
474	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 01cm x 50cm (không dây), điều trị tiểu không kiểm soát nữ.	Mảnh ghép điều trị tiểu không kiểm soát (không dây), chất liệu Poly Vinylidene Flouride (PVDF), kích thước 1cm x 50cm * Thông số kỹ thuật: - Kích thước 1cm x 50cm - Lỗ hiệu quả: 57% * Công dụng : - Điều trị tiểu không kiểm soát thông qua ngã âm đạo hoặc lỗ bịt.	Cái	

STT	Tên hàng hóa môi trường	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
475	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 02/4cm x 23cm, điều trị sa từ cung, cố định từ cung và âm đạo vào môm nhỏ xung cứng, khảo sát qua MRI.	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 02/4cm x 23cm, điều trị sa từ cung, cố định từ cung và âm đạo vào môm nhỏ xung cứng; - Kích thước 02/4cm x 23cm - Lò hiệu quả: 68% - Khảo sát mạnh ghép qua MRI sau phẫu thuật.	Cái	
476	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 02cm x 03cm, cố định âm đạo vào xuong cứng, điều trị sa sản chậu và tiểu không kiểm soát; khảo sát qua MRI.	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 02cm x 03cm, cố định âm đạo vào xuong cứng, điều trị sa sản chậu và tiểu không kiểm soát; - Kích thước 02cm x 03cm - Lò hiệu quả: 68% - Khảo sát mạnh ghép qua MRI sau phẫu thuật.	Cái	
477	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 03cm x 04cm, cố định vòng chậu và tiểu không kiểm soát; điều trị sa sản chậu có từ cung vào xuong cứng, điều trị sa sản chậu và tiểu không kiểm soát, khảo sát qua MRI.	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 03cm x 04cm, cố định vòng chậu và tiểu không kiểm soát; điều trị sa sản chậu có từ cung vào xuong cứng, điều trị sa sản chậu và tiểu không kiểm soát; - Kích thước 03cm x 04cm - Lò hiệu quả: 68% - Khảo sát mạnh ghép qua MRI sau phẫu thuật.	Cái	
478	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 03cm x 15cm điều trị sa vào nghành mu, khảo sát qua MRI.	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 03cm x 15cm điều trị sa tăng chậu, cố định thành trước từ cung vào nghành mu; - Kích thước 03cm x 15cm - Lò hiệu quả: 63% - Khảo sát mạnh ghép qua MRI sau phẫu thuật.	Cái	
479	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 2/4cm x 23cm, cố định từ cung vào môm nhỏ.	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 2/4cm x 23cm, điều trị sa từ cung, cố định từ cung vào môm nhỏ; - Kích thước 2/4cm x 23cm - Vật liệu: 100% PVDF (Polyvinylidene Flouride) - Lò hiệu quả: 68% - Phan ứng bề mặt: 1,9 m2/m2 - Độ bền lõi ru : 58 N/cm	Cái	
480	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 7cm x 6cm, điều trị sa bàng quang.	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 7cm x 6cm, điều trị sa bàng quang; - Kích thước 7cm x 6cm - Vật liệu: 100% PVDF (Polyvinylidene Flouride) - Lò hiệu quả: 68% - Phan ứng bề mặt: 1,9 m2/m2 - Độ bền lõi ru : 58 N/cm	Cái	
481	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 2cm x 1cm điều trị sa từ cung, cố định môm cái vào môm nhỏ.	Mảnh ghép điều trị sa từ cung, cố định môm cái vào môm nhỏ, chất liệu chất liệu 100% Poly Vinylidene Flouride (PVDF), kích thước 2cm x 1cm, Lò hiệu quả: 62/68*, Dòng gói tiết kiệm, riêng từng miếng	Miếng	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
482	Mảnh ghép/ Tấm màng nâng PolyVinylidene Flouride đặt trong phức mạc dự phòng thoát vị, kích thước 3 cm x 16 cm x 16 cm	Dùng trong dự phòng thoát vị cạnh hậu môn nhân tạo bằng mesh đặt trong ổ bụng, cấu trúc 3D - Kích thước: 3 cm x 16cm x 16cm - Chất liệu PolyVinylidene Flouride - Khả năng chịu lực tối đa 74N/cm	Miếng	
483	Mảnh ghép/ Tấm màng nâng Poly Vinylidene Flouride điều trị sa trực tràng, kích thước 10cm x 6cm	Mảnh ghép điều trị sa trực tràng: - Kích thước 10cm x 6cm - Chất liệu: 100% PVDF (Polyvinylidene Fluoride) - Độ bền tối ưu : 58 N/cm	Miếng	
484	Mảnh ghép/ Tấm màng nâng Poly Vinylidene Flouride phẫu thuật thoát vị hoành, kích thước 7cm x 12cm	Dùng trong phẫu thuật thoát vị hoành. - Kích thước: 7cm x 12cm - Chất liệu 100% PVDF (PolyVinylidene Flouride) - Khả năng chịu lực tối đa: 58 N/cm	Miếng	
485	Rọ lấy sỏi đường mật 4 sợi, có kênh guidewire	Rọ lấy sỏi đường mật 4 sợi, có kênh guidewire: Tay cầm tháo rời được khi kẹt rọ chiều dài 400 cm, đường kính 2.6mm, chiều dài rọ 40 mm, độ mở 60/25mm 4 sợi, hấp diệt trùng ở nhiệt độ cao dùng chung với Guide wire 0.035".	Cái	
486	Rọ lấy sỏi đường mật 4 sợi, không có kênh guidewire	Rọ lấy sỏi đường mật 4 sợi, không có kênh guidewire: Tay cầm tháo rời được khi kẹt rọ, hấp diệt trùng ở nhiệt độ cao.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
487	Rọ lấy sợi nội soi ống mềm 2,4Fr, 4 sợi, dài 120 cm	Được làm bằng vật liệu Nitinol, Tay cầm nhựa dạng tay kéo, có thể tháo rời được. Có 2,4Fr, rọ có 4 sợi, dài 120 cm. Loại được tiết trùng sẵn và sử dụng 1 lần.	Cái	
488	Thùng lồng cái polyp xoay 360 độ sử dụng nhiều lần.	Thùng lồng cái polyp xoay 360 độ, trong thích với môi máy dò, sử dụng nhiều lần.	Cái	
7.5. Tiết mục				
489	Bộ dẫn lưu đường mắt, thân qua da, mềm, có dây để cố định ống thông, gồm: 1 catheter có khóa bằng polycurethane, can quang, không bị gấp khúc, 1 trocar, 1 kim chọc, 1 split straightener, các cỡ:	Bao gồm: 01 mono J phủ hydrophilic; 01 kim dẫn đường trocar stylet; 01 kim chọc stylet và 01 một bộ dùi thẳng mono J split straightener Kích cỡ: 6F, 8F, 10F, 12F, 14F, 16F Chất liệu: polycurethane TC/T: Catheter làm bằng polycurethane dùng trong y học, có độ trong thích sinh học, độ can quang, và không bị gấp khúc, tăng độ đàn hồi.	Bộ	
490	Bộ mô phỏng quang ra da các cỡ	Bộ mô phỏng quang ra da bao gồm: dao rạch; troca bằng nhựa; kim đâm và ống Foley silicone có sợi can quang, không có đầu tip, 2 nhành các size 12-18 Fr. Trocar với đầu đâm sắc bên dễ thao tác, vỏ nhựa an toàn và được tháo rời bằng phương pháp lật vỏ.	Bộ	
491	(Ông thông JJ các cỡ 5Fr đến 8Fr. Lưu 3 tháng	Dùng để dẫn nước tiểu từ thân xuống bàng quang và sử dụng trong một trường hợp khác liên quan đến niệu quản, lưu 03 tháng, Các cỡ từ 5Fr đến 8Fr, dài 26cm	Cái	
492	(Ông thông JJ cho các cỡ loại 5Fr đến 8Fr. Lưu 12 tháng	Dùng để dẫn nước tiểu từ thân xuống bàng quang và sử dụng trong một trường hợp khác liên quan đến niệu quản, lưu 12 tháng, Các cỡ từ 5Fr đến 8Fr, dài 26cm	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
493	Bộ mảnh ghép điều trị tiêu không kiểm soát nam, có kèm kim.	Bộ mảnh ghép điều trị tiêu không kiểm soát nam, có kèm kim: - Ít xâm lấn - Đường đặt xiên qua lỗ bít - Đường rạch da ngắn - Lưới được làm bằng 100% monofilament polypropylene - Lưới được thiết kế theo dạng đan lỗ nhỏ không nút thắt, độ co giãn thấp, mép lưới đan vòng (không cắt) tạo độ bám mô tốt, hạn chế tổn thương mô xung quanh. - Lưới mỏng, nhẹ, ghép đôi, dài 40cm, 2 đầu dính vòng nhựa hình tháp dùng cho lắp kim - 2 kim móc cong trái, phải đầu kim loại, cán nhựa.	Bộ	
494	Bộ mở thận ra da đơn với thông mono J, ống nối, kẹp cố định.	Bộ mở thận ra da bao gồm thông mono J size 10/12/14Fr, ống nối, kim chọc dò, kim Chiba, bộ nong thận 3 chi tiết, lưới dao, dây dẫn và cánh cố định.	Bộ	
495	Bộ Nong Lấy Sỏi Qua Da	* Dùng để tạo đường hầm trong phẫu thuật lấy sỏi qua da, giảm áp lực bể thận * Bộ gồm: . 01 cái Giá đỡ vừa tán vừa hút, kích cỡ: 18Fr x 13cm . Các que nong, kích thước từ: 8Fr - 18Fr . 01 cái Kim chọc dò, kích thước: 18G x 23cm . 01 cái Guide wire PTFE, kích thước: 0.032" x 80cm, J Tip . Ống thông 02 ngã silicon Fr14x5ml	Bộ	
496	Bộ nong niệu quản các cỡ.	- Dùng để thủ thuật làm giãn nở niệu quản - Kích thước gồm: 6 - 18Fr, dài 60cm.	Bộ	
497	Bộ nong thận tạo đường hầm các cỡ.	Bộ nong thận tạo đường hầm các cỡ - Làm bằng vật liệu cản tia X - Đầu kết nối leuc lock - Dễ dàng rút bỏ nòng trong cửa vỏ nong, - Cây nong dài ≥ 18 cm - Tương thích với dây dẫn tối đa 0.038" - Loại được tiệt trùng sẵn và sử dụng 1 lần.	Bộ	
498	Bộ ống thông Mono J.	Ống làm bằng vật liệu nhựa tổng hợp thích ứng với người bệnh, phủ hydrophilic Kích thước ống tùy chọn, dài 30cm Ống có đầu cong dạng chữ J Bộ bao gồm: + Ống thông dẫn lưu thận + Ống nối + Kẹp cố định dạng cánh	Bộ	

STT	Tên hàng hóa mới thêm	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chi chú
499	Dây cáp laser đường kính 230 µm, 365 µm, 600 µm có thể sử dụng nhiều lần trong thich với máy Tân sợi laser Auriga (hoặc tương đương).	Dây cáp laser đường kính 230 µm, 365 µm, 600 µm có thể sử dụng nhiều lần trong thich với máy Tân sợi laser Auriga; + Đầu dây laser hình tròn, tròn, có thể điều hướng 270 độ. Thông số laser: Đường kính dây laser: 230 µm, 365 µm, 600 µm, loại sử dụng được nhiều lần. Loại laser : Holmium laser. + Bước sóng tia laser : 2,1 µm + Lưu trữ dữ liệu : Số lần phát xung, năng lượng, tần số và loại laser + Năng lượng xung : 200 – 4,200mJ + Thời gian xung : 100 – 800µs Tần số xung : 5 – 25Hz Tia sáng dẫn đường: 532nm, < 1mW, điều chỉnh được.	Cái	
500	Dùng cụ chần sợi niêu.	Dùng cụ chần sợi niêu - Đường kính ngoài: 2,6 Fr - Độ rộng lá chần: 7mm; 10mm - Độ dài: 1450mm.	Cái	
501	Kẹp catheter.	Kẹp Catheter dùng khi thay Bộ phận chuyển tiếp (transfer set)	Cái	
502	Kẹp xanh.	Kẹp xanh, kẹp túi dịch khi thay dịch nhằm phân phức mạc.	Cái	
503	Ông thông mono J, dẫn lưu Bàng quang trên xương mu.	Bộ dẫn lưu bàng quang trên xương mu bao gồm: dao rạch; troca bàng nhựa; kim đâm và ông thông. Ông thông Foley silicone 2 nhành không màu trong suốt để kiểm tra nước tiểu, có sợi can quang, đầu ông ngăn không có đầu tấp nên không gây kích thích bàng quang, các size 12-18 Fr. Thân ông được phủ lớp bột Tungsten tăng độ hiển thị của sợi can quang đồng thời làm tăng độ bền và sự dẻo dai của ông. Trocar với đầu đâm sắc bên để thao tác, vỏ nhựa an toàn và được tháo rời bằng phương pháp lột vỏ.	Bộ	
504	Ông thông niêu quan có bóng các cỡ.	Ông thông niêu quan có bóng các cỡ, làm giãn nở niêu quan để dễ dàng tiến hành phẫu thuật. - Đường kính: 4 - 10 Fr - Độ dài của bóng: 40 - 100mm.	Cái	
505	Que tán sỏi thủy lực loại mềm, các cỡ	Đầu dò tán sỏi thủy lực loại mềm, đường kính 4,5Fr, dài 600mm	Cái	
506	Rọ lấy sỏi niêu quan - thân.	Rọ lấy sỏi niêu quan - thân: - Kích cỡ: 1,9 Fr - Dài: 1300mm - Chất liệu: Nitinol chống xoắn.	Cái	
Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
507	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi da năng 45mm, kim băng Titanium Alloy.	Băng ghim 45mm màu trắng/xanh dương/vàng/xanh lá cây, 70 ghim làm bằng hợp kim titan (Ti3Al2.5V) với 6 hàng ghim, chiều cao ghim đóng 1.0-2.0mm hoặc tương đương.	Cái	
508	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi da năng 60mm, kim băng Titanium Alloy.	Băng ghim 60mm màu trắng/xanh dương/vàng/xanh lá cây, 88 ghim làm bằng hợp kim titan (Ti3Al2.5V) với 6 hàng ghim, chiều cao ghim đóng 1.0-2.0mm hoặc tương đương.	Cái	
509	Băng dán đầu cong nội soi công nghệ Tri-staple các cỡ dùng cho dụng cụ cắt, khâu nối nội soi da năng.	Băng dán đầu cong nội soi dùng trong cắt nối nội soi, thiết kế 3 hàng ghim dập đôi có chiều cao ghim khác nhau, công nghệ Tri-staple, lưỡi dao mới trong mỗi băng dán.	Cái	
510	Băng dán nội soi các cỡ 30mm, 45mm, 60mm công nghệ Tri-staple dùng cho dụng cụ cắt, khâu nối nội soi da năng.	Băng dán nội soi các cỡ 30mm, 45mm, 60mm công nghệ Tri-staple, chiều cao kim băng dán màu đồng kích cỡ 30mm, 45mm, 60mm = 2mm, 2.5mm, 3mm. Chiều cao kim băng dán màu tím kích cỡ 30mm, 45mm, 60mm = 3mm, 3.5mm, 4mm. Lưỡi dao mới trong mỗi băng dán.	Cái	
511	Băng keo chỉ thị nhiệt độ hấp ướt (1.8cm x 55m) ±10%.	Băng keo chỉ thị nhiệt độ hấp ướt (1.8cm x 55m) ±10%, Băng keo giấy, với thiết kế mặt dưới phủ keo dán và mặt trên có in vạch chéo chỉ thị hóa học không màu sẽ chuyển sang nâu đậm hoặc đen sau khi tiếp xúc nhiệt độ trong quá trình tiệt khuẩn hơi nước, chỉ thị đổi màu thể hiện rõ nét. Không chứa chì.	Cuộn	
512	Bao ni lông đựng ống nội soi lớn	Nguyên liệu: Nhựa dùng trong y tế, Qui cách: 150x 2m, tiệt trùng.	Cái	
513	Bao ni lông đựng ống nội soi nhỏ	Nguyên liệu: Nhựa dùng trong y tế, Qui cách: 75x 2m, tiệt trùng.	Cái	
514	Mask oxy có túi dự trữ các cỡ	Chất liệu nhựa PVC y tế hoặc tương đương. Có dây đeo dán hồi, với ống dẫn oxy. Có túi dự trữ. Các size. Đóng gói trong bao bì PE	Cái	
515	Miếng dán điện cực không dây sử dụng cho phép đo niệu động học	Miếng dán điện cực không dây sử dụng cho phép đo niệu động học (Điện cực bề mặt) Bộ bao gồm 3 miếng dán. Các miếng dán không có dây dẫn	Cái	
516	Miếng dán điện cực tim dùng 1 lần	Chất liệu PE-foam, độ bám dính cao, không để lại chất kết dính. Tương thích hầu hết với các loại cáp kết nối. Bắt tín hiệu nhanh, cho tín hiệu ổn định, chính xác. Sử dụng được cho da nhạy cảm. Đóng gói tiệt trùng.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thêm	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
517	Trocac nhựa không dao Versaconc dùng trong phẫu thuật nội soi các cỡ	Trocac nhựa không dao Versaconc 5mm, 11mm, 12mm hoặc tương đương.	Cái	
518	Trocac nhựa không dao, đường kính 5 > 12 mm, dài 100mm, nòng ngoài có rãnh cỡ định.	Trocac không dao 5-12mm, thân dài 100mm, ống ngoài có rãnh cỡ định giúp giảm thiểu việc tuột khác nhau của cần nắm giảm rò khí, thích hợp với các kích thước khác nhau của dụng cụ (4,7-12,9mm). Có thanh khóa camera.	Cái	
519	Băng đàn của dụng cụ khâu cắt mạch màu nội soi 35mm sử dụng pin.	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nội soi gấp góc sử dụng pin dùng cho mạch màu 35mm màu trắng dùng cho mạch màu/ mô mềm, 4 hàng ghim làm bằng titanium alloy, chiều cao ghim mở 2,5mm, chiều cao ghim đóng 1,0mm hoặc tương đương.	Cái	
520	Băng đàn loại nghiêng màu đen công nghệ Tri-staple Endo Gia 45mm, 60mm sử dụng cho mô dày.	Băng đàn nội soi 45mm, 60mm công nghệ Tri - staple, dùng cho mô dày, có lưới dao mới trong mỗi băng đàn, thiết kế 3 hàng ghim dập có chiều cao ghim khác nhau trong mỗi băng đàn, giúp gia tăng khả năng tiếp cận trên mô dày, tăng cường hiệu quả cầm máu.	Cái	
521	Băng ghim Endo GIA -Curved Tip Reload - công nghệ Tri-staple, kích cỡ 30mm, 45mm, 60mm.	Băng đàn nội soi công nghệ Tri-staple các cỡ 30mm, 45mm, 60mm, có mũi công vàng đồng, thiết kế 3 hàng ghim dập đối có chiều cao ghim khác nhau, có dây dẫn introducer kèm theo, lưới dao mới trong mỗi băng đàn. - Hoặc tương đương.	Cái	
522	Băng keo có chỉ thí hóa học trong thich máy Sterrad.	- Băng keo có chỉ thí hóa học nhân dạng H2O2, chuyển màu sau khi test, trong thich máy Sterrad. - Hoặc tương đương.	Hộp/ 6 cuộn	
523	Bao Nylon Kính hiển vi 150cm *170cm.	Quy cách: dài 150cm, rộng 70cm	Cái	
524	Bộ dẫn lưu nước có van điều chỉnh áp lực cỡ 1150ml, 2300ml.	Kích cỡ 1150ml, 2300ml. Có van điều chỉnh áp lực và van áp lực âm điều chỉnh tay. Vật liệu Silicone và Polypropylene.	Bộ	
525	Bộ dụng cụ đo huyết động xâm lấn.	Bộ dẫn truyền huyết áp 1 đường Nguyễn Hữu: PVC y tế, thân thien môi trong; Đầu cannula hình chữ J; hàn chế tạo bởi khí; 1 Cam biến nhạy; duy trì tốc độ chảy 2-3ml/giờ, tubc màu trắng và màu đỏ phân biệt dòng động mạch và tĩnh mạch.	Cái	
526	Bộ lọc khuẩn dầu với nước.	- Sử dụng liên tục 31 ngày, không cần hấp tiệt trùng. - Màng lọc PolyEthersulphone.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
527	Bộ mặt nạ Venturi hỗ trợ hô hấp các cỡ.	Mask làm bằng vật liệu PVC, dây gọn sóng EVA, venturi PP, co nối âm cao: ID=22mm/ OD=6mm. Nồng độ oxy từ 24%-50%, tốc độ dòng 4-12LPM, venturi mã hóa màu theo các cỡ.	Bộ	
528	Buồng tiêm truyền cấy dưới da 8,5F	Buồng tiêm tĩnh mạch cấy dưới da gồm vỏ ngoài được làm từ chất liệu polysulphone và buồng chứa bên trong bằng titanium, áp lực ≥ 325 psi (22,4 bar), thể tích bên trong buồng: 0,25 ml. Diện tích đáy buồng 30 x 22 mm, đường kính mặt buồng 9,5 mm, cao 10,6 mm. Không chứa Latex, DEHP và PVC. Ống thông (catheter) bằng vật liệu Silicone (6,5 F) hoặc Polyurethane (8,5 F), dài 800 mm được đánh dấu cách nhau mỗi 1 cm, đường kính ngoài 2,2 - 2,8 mm, đường kính trong 1,1 - 1,6 mm. Lưu lượng 10 - 12 ml/phút đối với kim 22 G và 24 - 37 ml/phút với kim 19G.	Bộ	
529	Clip cầm máu nội soi tiêu hóa có tay cầm, dùng 1 lần, các cỡ.	Kẹp cầm máu clip, tay cầm lắp sẵn, có vỏ bọc, nhiều độ mở 09mm, 11mm, 13mm, 16 mm, chiều dài làm việc 2300mm, xoay 360 độ - 2 chiều, đóng mở nhiều lần, tay cầm có thiết kế khóa an toàn, sử dụng cho kênh sinh thiết ≥ 2.8 mm. sử dụng 1 lần.	Cái	
530	Clip mạch máu bằng Polymer các cỡ	Clip mạch máu bằng Polymer. Cấu tạo khóa gài chống tuột khỏi mạch máu. Kẹp được mạch máu các cỡ.	Cái	
531	Clip mạch máu bằng Titanium các cỡ	Clip mạch máu bằng Titanium. Kẹp được mạch máu các cỡ.	Cái	
532	Đầu dò âm đạo sử dụng cho máy tập sản chậu.	Đầu dò âm đạo sử dụng cho máy tập sản chậu	Cái	
533	Đầu dò hậu môn sử dụng cho máy tập sản chậu.	Đầu dò hậu môn sử dụng cho máy tập sản chậu: Chiều dài đầu dò 8.3cm Diện tích đầu dò 2.75 cm ² Dòng điện kích thích đạt đến 25mA.	Cái	
534	Dụng cụ gấp dị vật dạng răng chuột - hàm cá sấu, sử dụng nhiều lần.	Dụng cụ gấp dị vật dạng răng chuột - hàm cá sấu: Đầu ngàm cá sấu tích hợp răng chuột. Độ mở $\geq 7,1$ mm. Đường kính 2,2mm hoặc 2,3mm, dài 230cm.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới đầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
535	Kẹp giữ mô cho va thung thành tiêu hóa.	Kẹp giữ mô cho va thung thành tiêu hóa. Chiều dài $\geq 165\text{cm}$. Dùng kẹp giữ mô tương thích bộ dụng cụ khâu thung thành tiêu hóa OTSC hoặc tương đương.	Cái	
536	Kẹp nối sợi Endopath hoặc tương đương.	Kẹp giữ nối sợi Endopath hoặc tương đương.	Cái	
537	Kim kẹp Clip mạch máu Polymer các cỡ.	Kim kẹp Clip mạch máu Polymer các cỡ tương thích với Clip Polymer đang sử dụng tại Bệnh viện.	Cái	
538	Lọc khuẩn 3 chức năng (lọc khuẩn, giữ ẩm, có công dụng cho máy thở.	Lọc khuẩn 3 chức năng (lọc khuẩn, giữ ẩm, có công dụng cho máy thở. Lọc hiệu quả $\geq 99,9\%$. Có cơ nối tiếng, có công xả khí.	Cái	
539	Lọc vi khuẩn có công do CO ₂ .	Lọc vi khuẩn có công do CO ₂ dùng cho máy thở. Lọc hiệu quả $\geq 99,9\%$. Có cơ nối tiếng, có công xả khí.	Cái	
540	Mask gây mê trẻ em, người lớn.	Chất liệu nhựa PVC không chứa latex, màu trắng trong, mùi nhựa nhẹ; mặt nạ to, lớp đệm trên mắt mềm ôm khít đến tận cằm không dễ thoát khí ra ngoài, thanh tựa mũi bằng nhôm điều chỉnh ép sát vào mũi bệnh nhân.	Cái	
541	Mask thanh quản 1 nòng Silicone các cỡ.	Mask thanh quản 1 nòng chất liệu Silicone sử dụng nhiều lần.	Bộ	
542	Mask thanh quản 2 nòng các cỡ.	Mask thanh quản 2 nòng các cỡ từ 1-5: Ông bằng silicone 100% (không latex), sử dụng dài ngày, có lỗ xo bên trong gia cố độ dẻo linh động của ông; bóng 2 lớp đảm bảo an toàn khi áp suất thanh quản lên đến 30cmH ₂ O giúp hàn kín với thanh quản; 1 kênh phụ dễ thoát khí ở hot và hút dịch dạ dày, có nắp màu đỏ bảo vệ bóng khí như từng.	Bộ	
543	Mask xông khí dung	Nhựa PVC, dây dẫn dài 2m + mặt nạ (size S, M, L, XL)+ bầu chứa thuốc xông dây đeo cố định.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
544	Miếng dán điện cực sử dụng cho máy tập sản chậu.	Bề mặt điện cực dùng cho máy tập sản chậu. Diện tích 25cm ² . Dòng điện tối đa 70mA. Trữ trong plastic film	Cái	
545	Túi tạo áp lực cao các cỡ 500ml, 1000ml dùng theo dõi huyết áp xâm lấn.	- Túi cỡ 500ml hoặc 1000ml. - Thiết kế có van áp lực tiêu chuẩn và khóa đóng mở bằng khóa 3 ngã.	Túi	
Nhóm 9. Các loại vật tư y tế thay thế sử dụng trong một số thiết bị chẩn đoán, điều trị				
546	Bóng đèn cực tím 1,2m	Bóng đèn cực tím 1,2m	Cái	
547	Bóng đèn Halogen Osram 24v-100w hoặc tương đương.	Bóng đèn Halogen Osram 24v-100w hoặc tương đương.	Cái	
548	Bóng đèn hồng ngoại.	Bóng đèn hồng ngoại.	Cái	
549	Bóng đèn xenon 175W.	Công suất : 175W, nhiệt độ màu 5900 Kelvin.	Cái	
Nhóm 10. Các loại vật tư y tế, hóa chất và y dụng cụ phân nhóm khác (ngoài thông tư 04)				
10.1 Các loại vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa niệu				
550	Bộ ống tự thông tiểu (loại cho nam) các cỡ.	Bộ ống tự thông tiểu (loại cho nam) các cỡ, dùng cho thông tiểu sạch ngắt quãng, với ống tự thông tiểu silicone dành cho nam.	Bộ	
551	Bộ ống tự thông tiểu (loại cho nữ) các cỡ.	Bộ ống tự thông tiểu (loại cho nữ) các cỡ, dùng cho thông tiểu sạch ngắt quãng, với ống tự thông tiểu silicone dành cho nữ.	Bộ	
552	Cáp giao điện kênh 1.	Chiều dài 10ft sử dụng cho máy tập sản chậu.	Cái	
553	Cáp giao điện kênh 2.	Chiều dài 10ft sử dụng cho máy tập sản chậu.	Cái	
554	Dây cáp gắn EMG dùng cho Máy đo áp lực đồ bàng quang.	Cáp cho 3 điện cực tương thích với Máy đo áp lực đồ bàng quang.	Cái	
555	Giá đỡ ống soi mềm các cỡ 10Fr - 14Fr.	- Được hỗ trợ để thiết lập đường dẫn trong phẫu thuật nội soi tiết niệu. - Chiều dài: 20 - 55cm. - Kích thước: Các cỡ 10Fr - 14Fr.	Cái	
556	Giá đỡ ống soi mềm các cỡ 9Fr, 10Fr, 11Fr, 12Fr dài 45cm	Được làm bằng nhựa Polyurethane. Ống giúp làm cho niệu quản giãn nở và sử dụng liên tục, dùng để chống lại đoạn gấp khúc niệu quản. Đường kính trong của ống cỡ 9Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr dài 45cm. Được tiệt trùng sẵn và sử dụng 1 lần	Bộ	

STT	Tên hàng hóa mới đầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
557	Già đồ vừa tàn vừa hút các cỡ dùng trong phẫu thuật Ông soi mềm.	Kích thước: các cỡ - Thiết kế đặc biệt có khả năng hút sỏi trong quá trình tàn sỏi nội soi với ưu điểm: + Giảm áp lực thận + Ngăn chặn việc sỏi + Trường nhìn được cái thận, cái thận làm quan sát + Giảm sử dụng các vật tư khác	Cái	
558	Ông soi mềm niệu quản thận sử dụng một lần.	Ông soi mềm niệu quản thận sử dụng một lần. Kênh làm việc : 3,6Fr. Chiều dài làm việc: 650mm. Trường nhìn 90 độ	Cái	
559	Sỏi truyền quang dùng trong tàn sỏi tiết niệu.	Dùng trong tàn sỏi tiết niệu. Kích thước các cỡ. Dài: >3m. Truyền quang tốt, dễ sử dụng.	Sỏi	
560	Thiết bị cắt bao quy đầu tự động, thiết kế hình cảnh bươm, các cỡ.	Thiết bị cắt bao quy đầu tự động người lớn các cỡ, thiết kế hình cảnh bươm, dễ sử dụng và thao tác.	Cái	
561	Thiết bị cắt bao quy đầu tự động, thiết kế hình cây súng, các cỡ.	Thiết bị cắt bao quy đầu tự động người lớn các cỡ, thiết kế hình cây súng, dễ sử dụng và thao tác. - Thiết kế dạng pistol, dễ dàng sử dụng 1 tay - Đinh khâu tự động, không cần phải khâu truyền thông. Không có vòng cao su nên tránh sự nhiễm trùng - Kích thước: 12mm, 15mm, 18mm, 21mm, 26mm, 30mm, 36mm.	Cái	
562	Túi nước của máy tàn sỏi ngoài cơ thể	Túi nước của máy tàn sỏi ngoài cơ thể	Cái	
10.2 Các loại vật tư y tế dùng trong một số chuyên khoa tìm mạch máu				
563	Kim động mạch chủ dài 35mm.	Kim động mạch chủ dài 35mm. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	
564	Quả lọc máu với áp lực xuyên màng TMP người lớn, trẻ em chỉ 66 kPa.	* Người lớn: tiết diện màng lọc 1,1m ² , áp lực xuyên màng TMP chỉ 66 kPa, thể tích mỗi 71ml, áp lực nhỏ nhất và lớn nhất khi lọc: 3 lmmHg tới 130mmHg. * Trẻ em: tiết diện màng lọc 0,3m ² , áp lực xuyên màng TMP chỉ 66 kPa, thể tích mỗi 22ml, áp lực nhỏ nhất và lớn nhất khi lọc: 54mmHg tới 230mmHg. * Khả năng lọc nhỏ nhất : 100ml - 500ml/phút.	Cái	
565	Que nong mạch máu đường kính 0,5mm, dài 240mm.	Que nong mạch máu đường kính 0,5mm, dài 240mm. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
566	Que nong mạch máu đường kính 1,0mm; dài 240mm.	Que nong mạch máu đường kính 1,0mm; dài 240mm. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	
10.3 Các loại vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa tiêu hóa				
567	Bộ dụng cụ cắt ung thư sớm xuyên thành nội soi tiêu hóa.	Bộ dụng cụ cắt ung thư sớm xuyên thành nội soi tiêu hóa FTRD Đường kính cáp: 21mm Chiều sâu cáp: 23mm Bao gồm: kẹp giữ mô, bút đánh dấu, ngoài khâu thủng, thông lọng cắt ung thư sớm	Bộ	
568	Bộ dụng cụ vá thủng toàn thành tiêu hóa	Bộ dụng cụ vá thủng toàn thành tiêu hóa OTSC 3 loại clip dạng t, a và gc 3 kích thước đầu nối: 11, 12, 14 2 kích thước chiều sâu 3mm, 6mm Bao gồm tay bản clip và cáp chụp ống soi.	Bộ	
569	Bộ nong savary cho đại tràng, thực quản, dạ dày các cỡ hoặc tương đương.	Bộ nong savary cho thực quản các cỡ. Tương thích dây dẫn hướng kim loại nong thực quản sử dụng nhiều lần.	Bộ	
570	Dây dẫn hướng tự hiệu chỉnh cho nội soi tiêu hóa các cỡ.	Dây dẫn hướng tự hiệu chỉnh cho nội soi tiêu hóa các cỡ Đầu dây spring coil giảm chấn, thiết kế vòng xoắn chất liệu platinum Phủ hydrophilic Dây thẳng hoặc gấp góc có thêm dụng cụ điều chỉnh hướng dây Đánh dấu Mark V Tương thích dây dẫn 0.025; 0.035 Đầu cân quang	Cái	
571	Stent dẫn lưu nang giả tụy các cỡ.	Dùng đặt U nang giả tụy, làm bằng vật liệu Nitinol thiết kế phủ hoàn toàn Silicone. - Các cạnh của hai đầu stent loe và rộng . - Đường kính lòng stent các cỡ, chiều dài 1,2,3cm. - Có 8 điểm cân quang: 3 ở mỗi đầu, 2 điểm ở giữa stent. - Đường kính bộ đặt các cỡ, dài ≥ 180 cm.	Cái	
10.4 Các loại vật tư y tế sử dụng trong chuyên khoa ngoại tổng quát				
572	Bộ ghim khâu cố định lưới thoát vị dùng trong phẫu thuật nội soi.	Bộ ghim khâu cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn...) 5mm dùng trong phẫu thuật nội soi gồm 30 ghim hình xoắn ốc đường kính mỗi ghim 4mm dài 3,8mm, chất liệu titan không tiêu, đường kính nòng 5mm, chiều dài tổng cộng của thân dụng cụ 35.5cm.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thêm	Câu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
573	Bộ sợi quang học điều trị trị sử dụng 1 lần.	Bộ trị 1 lần bao gồm 1 sợi quang học, 1 van mô hậu môn và 1 kim 14G. Sợi laser có chiều dài 2,6m, đoạn cuối sợi dây có 1 khóa. Sợi laser có chiều dài 1,8mm, đường kính 1,8mm, có nắp phân cấp quang có chiều dài 1,8mm, có nắp bằng thạch anh cứng có chiều dài 1,8mm, có nắp bằng thạch anh cứng.	Bộ	
574	Bộ thay thế ống nuôi ăn da dây - thành bụng.	Bộ thay thế ống nuôi ăn da dây-thành bụng các cỡ. Ống thông bằng silicone 100%. Trên ống thông có vạch đánh dấu độ sâu. Có cây dây kéo giãn đầu ống dạng mũ dựa ống thông vào da dây, dây dẫn trong đầu có định chữ J.	Bộ	
575	Kim 14G/6cm	Kim 14G/6cm có khóa nối và đầu định bằng nhựa	Cái	
576	Ống silicone nuôi ăn đường mũi - dạ dày, có phễu và nắp các cỡ.	Ống silicone nuôi ăn đường mũi - dạ dày, có phễu và nắp các cỡ. Chất liệu 100% silicone, đầu ống hình nón, nuôi ăn 30 ngày, có vạch đánh dấu chiều dài trên ống nuôi ăn. Có 04 lỗ ở cuối ống để đưa dinh dưỡng nuôi ăn da dây. Trên ống có đường cần quang, đầu tip cần quang.	Cái	
577	Ống thông silicone nuôi ăn da dây-thành bụng các cỡ.	Ống truyền dinh dưỡng đường ruột dạ dày - làm bằng silicone 100%, có định bên trong dạ dày bằng bóng silicone, chiều dài ống thông > 225mm. Trên ống thông có vạch đánh dấu độ sâu. Kích thước các cỡ.	Cái	
578	Sợi Laser điều trị rò hậu môn sử dụng 3 lần.	Sợi quang học có đầu tiếp nối với máy laser, có chiều dài 3m, đường kính sợi dây là 1mm, đoạn cuối sợi dây có phần cấp quang có đường kính 1,8mm và chiều dài là 15mm, ở cuối có nắp bằng thạch anh cứng.	Sợi	
579	Sợi quang học điều trị trị sử dụng 5 lần.	Sợi quang học có đầu nối IC, tiếp nối với máy laser, có chiều dài 2,6m, có đầu khóa, đoạn cuối sợi dây có phần cấp quang có đường kính bằng 1,8mm, chiều dài 18mm, có nắp bằng thạch anh cứng có mũ nhón.	Sợi	
580	Van mô hậu môn	Chất liệu: nhựa y tế, chiều dài 93mm, đường kính 31mm	Cái	

10.5 Chi thị nhiệt sinh học, hóa học, băng dụng hóa chất

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
581	Test chỉ thị hóa học nhiệt độ cao xác định 3 thông số tiệt khuẩn: nhiệt độ, thời gian, áp suất. 5.1cm x 1.9cm	Test đa thông số kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn gói dụng cụ. - Kích thước : 5.1cm x 1.9cm - Kiểm tra 3 thông số tiệt khuẩn: nhiệt độ, thời gian, áp suất - Thiết kế nhỏ gọn với bậc giấy và mực khô sẽ tan chảy trong quá trình hấp tiệt trùng. * Paper >92% * Salicylamide <8%	Cái	
582	Bảng hóa chất Sterrad 100NX.	- Bảng đựng hóa chất H2O2 dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp Sterrad, bảng gồm 10 cell mỗi cell chứa 5,4ml H2O2 58%. - Hoặc tương đương.	Hộp/2 bảng	
583	Bảng hóa chất Sterrad 100S.	- Bảng đựng hóa chất H2O2 dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp Sterrad, bảng gồm 10 cell mỗi cell chứa 1,8ml H2O2 58%. - Hoặc tương đương.	Hộp/5 bảng	
584	Chỉ thị hóa học dùng cho máy rửa bằng sóng siêu âm.	Chất thử tổng hợp mô phỏng mô và máu người. Khi lắp vào khay giữ phần chất thử bị che khuất một nửa, mô phỏng phần nổi của một dụng cụ phẫu thuật. Việc loại bỏ hoàn toàn thể hiện làm sạch đạt hiệu quả. Dùng cho máy rửa bằng sóng siêu âm. Kích thước: D89 mm x R25 mm (3.5" x 1") Vật liệu nền: kim loại.	Miếng	
585	Chỉ thị hóa học dùng cho máy rửa khử khuẩn.	Chất thử tổng hợp mô phỏng mô và máu người. Khi lắp vào khay giữ phần chất thử bị che khuất một nửa, mô phỏng phần nổi của một dụng cụ phẫu thuật. Việc loại bỏ hoàn toàn thể hiện làm sạch đạt hiệu quả. Dùng cho máy rửa khử khuẩn. Kích thước: D89 mm x R25 mm (3.5" x 1") Vật liệu nền: kim loại	Miếng	
586	Gói test thử lò hấp kiểm tra chất lượng của chu trình hút chân không cho máy tiệt khuẩn hơi nước.	Gói thử test kèm cảnh báo sớm - Bộ thử : gồm test kiểm tra lò hấp và 1 test cảnh báo sớm. - Kích thước: 12,7 x 11,1 x 1,9cm * Coated paper 90-98% * Sulfur 1-2% * Acrylic polymer 0-1% Tấm thử dạng Bowie- Dick không chứa Chi với độ an toàn cao tuân theo tiêu chuẩn chất lượng.	Gói	
587	Que lấy mẫu bề mặt, dùng kiểm tra đồng thời ATP-ADP-AMP.	Que lấy mẫu bề mặt, dùng kiểm tra đồng thời ATP-ADP-AMP Que có chứa: *Thuốc thử phát quang: Luciferin, Luciferase, Magnesium acetate, Phosphoenolpyruvic acid, Pyrophosphoric acid, Pyruvate, orthophosphate dikinase, Pyruvate kinase *Dung dịch trích ly: Surfactant (Benzalkonium chloride)	Gói /100 test	

STT	Tên hàng hóa mới đầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
588	Que lấy mẫu trong lòng ống 2.8-400mm để kiểm phân mềm phân tích kết quả.	Que lấy mẫu trong lòng ống 2.8-400mm để kiểm phân mềm phân tích kết quả.	Hộp/100 test	
589	Test chỉ thị hóa học nhiệt độ hấp trong thích máy STERAD.	- Que thử có chỉ thị hóa học nhận dạng H2O2, chuyển màu sau khi test, tương thích máy STERAD. - Hoặc tương đương.	Hộp/1000 que	
590	Test chỉ thị sinh học hấp ướt.	Ông chỉ thị sinh học có chứa bào tử khô đã bất hoạt dùng để kiểm chứng chất tương thích khuẩn sau khi hấp tiệt trùng. Thời gian đọc kết quả ≤3h.	Ông	
591	Test chỉ thị sinh học tương thích máy Sterrad.	- Chỉ thị sinh học đọc kết quả nhanh trong 30 phút, mỗi ông có chứa hơn 1 triệu bào tử Geobacillus stercorophilus, tương thích tất cả các máy STERAD. - Hoặc tương đương.	Ông	
592	Test kiểm tra rò hấp, kiểm tra thiết bị đầu giờ cho máy tiệt khuẩn hơi nước có chỉ thị chuyển màu.	Gửi test thử rò hấp kiểm tra thiết bị đầu giờ ngay cho máy tiệt khuẩn hơi nước có chỉ thị chuyển màu.	Gửi	
594	Áo phẫu thuật.	Nguyên liệu: Vải không dệt (Poly Propylene), có tay có bo thun không nối, sợi thun mềm, đàn hồi tốt. Mật độ chỉ may: không nhỏ hơn 3 mũi/cm, mật độ đường may vết số không nhỏ hơn 4 mũi/cm/ lực kéo chiều dọc >100N, chiều ngang vết >65N Dòng gót: túi PE, hàn kín miệng, không chất độc hại độc hại, tiệt trùng.	Cái	
595	Bộ khăn áo phẫu thuật tổng quát SMMMS.	Khăn làm từ chất liệu vải SMMMS 47gsm, chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, có độ bảo vệ cao. Bộ khăn gồm: 1 x Khăn trải bàn dùng cụ gia cố lớp chống thấm SMS: 140cm x 210cm 1 x Khăn phủ đầu 150 x 250cm, chất liệu SMMMS 47gsm, có băng keo y tế ở một cạnh để cố định khăn, có vùng thấm 30cm x 60cm với chất liệu thấm 130gsm 1 x Khăn phủ chân 180 x 200cm, chất liệu SMMMS 47gsm, có băng keo y tế ở một cạnh để cố định khăn, có vùng thấm 80cm x 60cm với chất liệu thấm 130gsm 2 x Khăn phủ bên 80 x 90cm, chất liệu SMMMS 47gsm, có băng keo y tế ở một cạnh để cố định khăn, có vùng thấm 40cm x 60cm với chất liệu thấm 130gsm 1 x Màng phẫu thuật 28x30cm 5 x Khăn thấm 57 x 40cm, vải spunlace có độ thấm tốt, mềm mại 2 x Gòn viên đường kính 3cm 1 x Băng keo y tế 5 x 50cm 3 x Áo phẫu thuật L 132 x 152 cm, chất liệu từ vải SMMMS 47gsm, chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, tiệt trùng.	Bộ	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
596	Áo dùng cho phẫu thuật tim	Áo dùng cho phẫu thuật tim. Vải không dệt Spunlace, chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, kích thước 160 (w) x 135 (h) cm. Mỗi áo gồm 2 khăn thấm 30 x 40cm, có độ thấm tốt, mềm mại.	Cái	
597	Bao giày không tiết trùng	Chất liệu: vải PP không dệt. Dây thun cổ giày chắc chắn, co giãn tốt.	Đôi	
598	Bao tóc phẫu thuật tiết trùng	Thành phần vải không dệt, tiết trùng.	Cái	
599	Bộ áo chống dịch bệnh	Gồm: Áo, quần, Khẩu trang, Nón, Giày, Găng tay, Kính bảo hộ. Tiết trùng	Bộ	
600	Bộ khăn chân đoán nội soi niệu	Bộ khăn bao gồm: 1 x Khăn nội soi niệu quản không túi 115cm x 120/200cm, chất liệu vải không dệt SMMMS (hoặc tốt hơn) 35gsm, chống thấm nước, chống tĩnh điện. 1 x Khăn đa dụng 80cm x 80cm, chất liệu plastic. 1 x Khăn đa dụng 60cm x 80cm, chất liệu vải không dệt SMMMS (hoặc tốt hơn) 35gsm, chống thấm nước, chống tĩnh điện. 2 x Khăn thấm 30cm x 40cm.	Bộ	
601	Bộ khăn chụp mạch vành	Bộ khăn chụp mạch vành. Bộ khăn gồm:- 1 x Khăn trái bàn dụng cụ 200 x 240 cm.- 1 x Khăn chụp mạch vành 220 x 370 cm được cấu tạo từ vải không dệt SMMMS không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện. Hai bên khăn được thiết kế bằng chất liệu trong suốt giúp nhìn được các máy điều khiển, tại vùng phẫu trường có vùng thấm hút đặc biệt 130gsm, có phần màng phẫu thuật bằng polyurethane, lỗ đui kích thước 13cm, lỗ trên màng phẫu thuật 7cm, có túi chứa dịch bên phải.- 1 x Bao chụp đầu đèn đường kính 60cm.- 1 x Khăn phủ bàn dụng cụ vô trùng 150 x 180cm.- 1 x Tấm phủ chân chỉ 150 x 180 cm.- 1 x Bao kính chắn chỉ 100 x 120cm có màng thun.- 1 x Bao đựng remote 10 x 26cm.- 1 x Khăn lót 50 x 60cm.	Bộ	
602	Bộ khăn gậy tế ngoài màng cứng	Bộ khăn gồm: 1x khăn trái bàn dụng cụ. 1 x khăn 100cm x 100cm, có lỗ tròn 8cm, chất liệu vải bán thấm. 1 x khăn thấm 33cm x 40cm. 1 x khay có 4 ngăn chứa dung dịch. 3 x gạc không dệt 8 lớp, 5 gờ viền đường kính 3cm. 1 x kẹp bông sát khuẩn dài 19cm	Bộ	

STT	Tên hàng hóa một đầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
603	Bộ khăn lấy sợi thận qua da	<p>Bộ khăn gồm:</p> <p>1 x Khăn trải bàn dùng cụ 140cm x 200cm.</p> <p>1 x Khăn trải bàn qua da 270cm x 270cm chất liệu SMMMS (hoặc tốt hơn) 43gsm, lỗ 20cm x 20cm có màng phủ (thuật băng polyurethane (hoặc tốt hơn), có túi chứa dịch lỏng 55cm x 120cm với màng lọc từ vải không dệt và có nối dùng để cho túi khi trải khăn.</p> <p>10 x Khăn tắm 30cm x 40cm.</p> <p>1 x Bao chụp đầu đèn đường kính 75cm.</p> <p>3 x Áo phẫu thuật L 135 x 160cm, chất liệu từ vải SMMMS (hoặc tốt hơn) 43gsm, chống thấm nước, chống tĩnh điện.</p>	Bộ	
604	Bộ khăn nội soi niệu	<p>- Bộ khăn gồm:</p> <p>+ 1 x Khăn trải bàn dùng cụ 140cm x 200cm.</p> <p>+ 8 x Khăn tắm 30cm x 40cm.</p> <p>+ 1 x Khăn niệu quản có túi 180cm x 180/240cm. Khăn làm từ chất liệu vải SMMMS (hoặc tốt hơn) 43gsm, chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, có độ bao vệ cao.</p> <p>- Có bao phủ chỉ, lỗ bầu dục 8 x 5cm và túi chứa dịch lỏng có màng lọc được làm từ vải không dệt và có nối, có dây cột ở miệng túi.</p> <p>- Có băng keo y tế.</p> <p>2 x Áo phẫu thuật L 135 x 160cm, chất liệu từ vải SMMMS (hoặc tốt hơn) 35gsm, chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện.</p>	Bộ	
605	Bộ khăn phẫu thuật bụng và tăng sinh môn	<p>Thành phần bao gồm:</p> <p>1 x Khăn trải bàn dùng cụ 140cm x 200cm.</p> <p>8 x Khăn tắm 30cm x 40cm.</p> <p>1 x Khăn có lỗ có keo 80cm x 100cm: chất liệu vải SMMMS (hoặc tốt hơn) 43gsm, chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện.</p> <p>1 x Khăn phủ đầu 160cm x 250cm có băng keo y tế để cố định khăn, chất liệu vải SMMMS (hoặc tốt hơn) 43gsm, chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện.</p> <p>2 x Khăn phủ bên 80cm x 90cm có băng keo y tế để cố định khăn, chất liệu vải SMMMS (hoặc tốt hơn) 43gsm, chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện.</p> <p>1 x Băng keo 9cm x 50cm.</p> <p>1 x Khăn da dùng 75cm x 90cm băng vải bản tắm.</p> <p>2 x Bao phủ chỉ 75cm x 15cm.</p> <p>2 x Áo phẫu thuật L 135 x 160cm, chất liệu từ vải SMMMS (hoặc tốt hơn) 43gsm, chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện.</p>	Bộ	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
606	Bộ khăn phẫu thuật giãn tĩnh mạch chi dưới	<p>Bộ khăn gồm:</p> <p>1 x Khăn trải bàn dụng cụ 140cm x 200cm.</p> <p>8 x Khăn thấm 40cm x 30cm.</p> <p>1 x Khăn phẫu thuật giãn tĩnh mạch 200cm x 200cm hình chữ U có băng keo xung quanh, chất liệu vải SMMMS (hoặc tốt hơn) 43gsm, chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện.</p> <p>1 x Khăn phủ ngang 120cm x 200cm có băng keo y tế, có cố định ống dây, chất liệu vải SMMMS (hoặc tốt hơn) 43gsm, chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện.</p> <p>1 x Băng keo 9cm x 50cm.</p> <p>1 x Khăn đa dụng có keo 60cm x 100cm có băng keo y tế.</p> <p>1 x Bao chi dưới 28cm x 50cm, chất liệu bán thấm chỉ thấm mặt trong, mặt ngoài không thấm.</p> <p>2 x Áo phẫu thuật L 135 x 160 cm, chất liệu từ vải SMMMS (hoặc tốt hơn) 43gsm, chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện.</p>	Bộ	
607	Bộ khăn phẫu thuật tạo hình niệu đạo	<p>Bộ khăn phẫu thuật tạo hình niệu đạo. Bộ khăn gồm:-</p> <p>1 x Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 cm.</p> <p>10 x Khăn thấm 40 x 30 cm.-</p> <p>1 x Băng keo cố định ống dây 9 x 50 cm.-</p> <p>2 x Bao phủ chi 75 x 115 cm.-</p> <p>1 x Túi kim chi 15 x 15 cm.-</p> <p>1 x Khăn phẫu thuật tạo hình Niệu đạo 220 x 355 cm. Có túi chứa dịch: khăn làm từ chất liệu vải SMMMS 43gsm, chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, có độ bảo vệ cao.-</p> <p>3 x Áo phẫu thuật L 135 x 160 cm, chất liệu từ vải SMMMS 43gsm, chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Tiết trùng.</p>	Bộ	
608	Bộ khăn phẫu thuật tim hở	<p>Bộ khăn phẫu thuật tim hở. Bộ khăn gồm:-</p> <p>2 x khăn phủ bàn dụng cụ gia cố lớp chống thấm SMMMS 140 x 200cm.-</p> <p>2 x khăn không keo thấm 30 x 35cm: vải siêu thấm 130gsm.-</p> <p>1 x khăn không keo 100 x 100cm, làm từ SMMMS 50gsm.-</p> <p>1 x túi dụng cụ 35 x 40cm, có băng keo hai mặt, túi 2 ngăn.-</p> <p>2 x băng keo y tế 9 x 50cm.-</p> <p>1 x túi kim chi 15 x 15cm, có băng keo.-</p> <p>2 x khăn phủ bên 80 x 120 cm: làm từ SMMMS 50gsm.-</p> <p>1 x khăn phủ chân 200 x 250cm: làm từ SMMMS 50gsm.-</p> <p>1 x khăn phủ đầu 120 x 230cm: làm từ SMMMS 50gsm.-</p> <p>5 x khăn có keo 80 x 120cm: làm từ SMMMS 50gsm.-</p> <p>1 x khăn phủ vùng sinh dục 19 x 35cm, có băng keo y tế.-</p> <p>1 x khăn phủ dụng cụ có keo 100 x 200cm, có băng keo y tế, làm từ SMMMS 50gsm.-</p> <p>1 x khăn phủ dụng cụ 150 x 160cm, chất liệu plastic có độ trong suốt cao.</p>	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
609	Bộ khăn phẫu thuật quai bản (không áo phẫu thuật)	<p>Bộ khăn gồm:</p> <p>1 x Khăn trải bàn dùng cụ 140cm x 200cm.</p> <p>1 x Khăn phủ đầu 150cm x 250cm, có băng keo y tế để cố định khăn, chất liệu vải bản thấm 62gsm, vải gồm 2 lớp, lớp bên ngoài thấm, lớp bên trong không thấm, gia cố siêu thấm 130gsm</p> <p>1 x Khăn phủ chân 180cm x 200cm, có băng keo y tế để cố định khăn, chất liệu vải bản thấm 62gsm, vải gồm 2 lớp, lớp bên ngoài thấm, lớp bên trong không thấm, gia cố siêu thấm 130gsm.</p> <p>2 x Khăn phủ bên 100cm x 120cm, có băng keo y tế để cố định khăn, chất liệu vải bản thấm 62gsm, vải gồm 2 lớp, lớp bên ngoài thấm, lớp bên trong không thấm, gia cố siêu thấm 130gsm.</p> <p>10 x Khăn thấm 40cm x 30cm.</p> <p>1 x Băng keo y tế 9cm x 50cm.</p> <p>1 x Màng phẫu thuật 28cm x 20cm chất liệu polyurethane (hoặc tốt hơn), có mỗi gói 2 bên.</p>	Bộ	
610	Bộ khăn phẫu thuật tuyền giáp	<p>Bộ khăn phẫu thuật tuyền giáp. Bộ khăn gồm:- 1 x Khăn trải bàn dùng cụ 140cm x 200cm.- 1 x Khăn phẫu thuật tuyền giáp 250cm x 310cm, chất liệu vải SMMMS 43gsm, chống thấm nước, chống thấm còn, chống tĩnh điện, khăn hình chữ T, lỗ phẫu (trông hình thoi 20cm x 20 cm, có màng phẫu thuật polyurethane và được gia cố vùng thấm hút đặc biệt xung quanh, hai bên khăn là màng plastic trong, có miếng lót dùng cụ bằng vải bản thấm, có tấm cố định các ống dây.- 10 x Khăn thấm 30cm x 40cm.- 3 x Áo phẫu thuật L 135cm x 160 cm, chất liệu từ vải SMMMS 43gsm, chống thấm nước, chống thấm còn, chống tĩnh điện.</p>	Bộ	
611	Khăn gói dùng cụ phẫu thuật 90cm x 90cm	<p>Khăn gói dùng cụ phẫu thuật. Kích thước 90cm x 90cm, chất liệu vải không dệt SMMMS 50gsm, chống thấm nước, chống thấm còn, chống tĩnh điện. Có thể tiệt trùng bằng khí Ethylene oxide, hấp khô, hấp ướt, tiệt khuẩn.</p>	Tờ	
612	Khăn lỗ, tiêu phẫu 60cm x 60cm	<p>Kích thước 60cm x 60cm, có lỗ đường kính 10cm, chất liệu vải SMMMS (hoặc tốt hơn) 43 gsm, có đường cắt sẵn.</p>	Cái	
613	Khăn lỗ, tiêu phẫu 90cm x 90cm	<p>Kích thước 90cm x 90cm, có lỗ tròn 15cm, chất liệu vải SMMMS (hoặc tốt hơn) 43 gsm, không bụi vải, chống thấm máu, còn và chống tĩnh điện, có băng keo.</p>	Cái	
614	Khăn lót giường 80cm x 210cm	<p>Kích thước 80cm x 210cm, chất liệu vải 2 lớp không thấm máu, có thun 2 bên.</p>	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
615	Khăn thấm dùng trong thủ thuật, phẫu thuật 40cm x 60cm	- Kích thước: 40cm x 60cm. - Chất liệu: Vải Spunlce (hoặc tốt hơn) 70gsm Không tưa sợi, không có bụi vải, thấm hút nhanh.	Cái	
616	Khăn trải bàn dụng cụ 150cm x 160cm	Khăn trải bàn dụng cụ 2 lớp 150cm x 160cm. 1 lớp PE xanh và 1 lớp vải không dệt SMMMS 43 gsm, không bụi vải, chống thấm máu, cồn và chống tĩnh điện.	Miếng	
617	Khăn trải mâm vô khuẩn 60cm x 60cm	Kích thước 60cm x 60cm, chất liệu vải SMS (hoặc tốt hơn) 43 gsm. Tiệt trùng.	Cái	
618	Khẩu trang 3 lớp tiệt trùng.	Chất liệu: vải PP không dệt. Hiệu suất lọc khuẩn (BFE): > 99,9%. Tiệt trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn Việt Nam 8389-2:2010	Cái	
619	Khẩu trang N95 hoặc tương đương	Khẩu trang N95 có khả năng lọc được bụi, khói, vi khuẩn đạt 95% hoặc tương đương	Cái	
620	Khẩu trang than	Khẩu trang không gây kích ứng da. Chất liệu: vải PP không dệt. Lớp vi lọc hấp thụ khí không thấm nước. Lớp than hoạt tính. Thanh nẹp mũi bằng nhựa dễ điều chỉnh. Dây đeo ép chắc chắn tại 4 góc khẩu trang. Đạt tiêu chuẩn Việt Nam 8389-1:2010	Cái	
621	Khẩu trang y tế 3 lớp không tiệt trùng	Chất liệu: vải PP không dệt. Hiệu suất lọc khuẩn (BFE): > 99,9%. Lớp trong thấm nước, tạo sự thoải mái cho người sử dụng. Đạt tiêu chuẩn Việt Nam 8389-1:2010	Cái	
622	Miếng lót thấm khám 40 x 50cm, thấm, dạng cuộn	Miếng lót thấm khám, thấm, dạng cuộn. Kích thước 40cm x 50cm. Chất liệu vải Spunpond trắng, có mỗi cắt từng miếng.	Cuộn	
623	Nón phẫu thuật tím	Nón phẫu thuật, làm bằng vải không dệt, dùng trong phẫu thuật tím.	Cái	
624	Tấm lót 60cmx180cm, dùng cho bệnh nhân siêu âm	Chất liệu PP, kích thước 60x180cm, dạng cuộn, 50 Cái/ cuộn. Lắp giá đỡ cho cuộn	Miếng	
625	Túi bệnh phẩm nội soi 15cm x 19cm	Kích thước 15cm x 19cm, chất liệu vải plastic trong, có dây để rút miệng túi.	Cái	

STT	Tên hàng hóa một đầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
626	Túi bệnh phẩm nội soi 9cm x 13cm	Kích thước 9cm x 13cm, chất liệu vải plastic trong, có dây để rút miệng túi.	Cái	
10.7 Vật tư y tế - Hóa chất cho máy STERRAD				
627	Bộ bảo dưỡng định kỳ mỗi 12 tháng cho máy Sterrad 100NX ALLCLEAR.	- Bộ bảo dưỡng định kỳ mỗi 12 tháng cho máy Sterrad 100NX ALLCLEAR. - Hoặc tương đương.	Bộ	
628	Bộ bảo dưỡng định kỳ mỗi 12 tháng cho máy Sterrad 100S.	- Bộ bảo dưỡng định kỳ mỗi 12 tháng cho máy Sterrad 100S. - Hoặc tương đương.	Bộ	
629	Bộ bảo dưỡng định kỳ mỗi 6 tháng cho máy Sterrad 100NX ALLCLEAR.	- Bộ bảo dưỡng định kỳ mỗi 6 tháng cho máy Sterrad 100NX ALLCLEAR. - Hoặc tương đương.	Bộ	
630	Bộ bảo dưỡng định kỳ mỗi 6 tháng cho máy Sterrad 100S.	- Bộ bảo dưỡng định kỳ mỗi 6 tháng cho máy Sterrad 100S. - Hoặc tương đương.	Bộ	
631	Giấy in nhiệt dùng cho máy tiết khuẩn Sterrad 100NX ALLCLEAR.	- Giấy in nhiệt dùng in kết quả tiết khuẩn máy Sterrad 100NX. - Hoặc tương đương.	Cuộn	
632	Kẹp giữ cố định OPTIC APTIMAX 5X5X5mm.	- Kẹp giữ cố định OPTIC APTIMAX 5X5X5mm. - Hoặc tương đương.	Cái	
633	Khay đựng dụng cụ (600 x 200 x 50)mm ±10%.	Khay đựng dụng cụ tiết khuẩn nhiệt độ thấp kích thước (600 x 200 x 50)mm ±10%, 2 bề mặt có các lỗ giúp khuếch tán H ₂ O ₂ , tương thích với máy plasma và hơi nước.	Cái	
634	Khay đựng dụng cụ (600x30x100)mm ±10%.	Khay đựng dụng cụ tiết khuẩn nhiệt độ thấp kích thước (600x30x100)mm ±10%, 2 bề mặt có các lỗ giúp khuếch tán H ₂ O ₂ , tương thích với máy plasma và hơi nước.	Cái	
635	Tâm lõi khay silicone (540 x 250) mm ±10%.	Tâm lõi khay silicone (540 x 250) mm ±10%, chống gầy, va chạm dụng cụ.	Cái	
636	Tâm lõi khay silicone (584 x 191)mm ±10%.	Tâm lõi khay bảo vệ dụng cụ kích thước (584 x 191)mm ±10%, chống gầy, va chạm dụng cụ.	Cái	
637	Thanh chặn cố định Optic không lỗ.	Kẹp giữ cố định Optic nội soi trong khay để tiết khuẩn.	Cái	
10.8 Vật tư y tế dùng cho máy giúp thở				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
638	Bộ làm ấm máy giúp thở.	- Nhiệt độ cài đặt: Nhiệt độ từ $\leq 45 - \geq 77^{\circ}\text{C}$ - Tương thích với máy giúp thở R860- GE hiện có ở bệnh viện.	Cái	
639	Cảm biến lưu lượng thở ra máy giúp thở.	- Cảm biến lưu lượng thở ra sử dụng cho người lớn, trẻ em và cả trẻ sơ sinh 0.25kg.- Dải đo: 0.5 tới 1000mL. - Chất liệu có thể hấp ướt. - Tương thích với máy giúp thở R860. - GE hiện có ở bệnh viện.	Cái	
10.9 Vật tư y tế Tạo hình - Thẩm mỹ				
640	Bình chứa dịch dùng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp áp lực âm, dùng với máy hút dịch.	Bình chứa dịch dùng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp áp lực âm, dung tích 600cc, vật liệu Polycarbonate.	Bình	
641	Túi dộn mông silicone dạng gel kèm thiết bị nhận dạng đơn nhất.	Gel lấp đầy. Lớp sắc tố sử dụng để nhận biết trực quan lớp rào cản cấy ghép, giúp kiểm tra chất lượng giúp bác sĩ xác nhận sự hiện diện của lớp sắc tố, tăng cường độ an toàn cho sản phẩm. Thiết bị nhận dạng đơn nhất.	Cái	
642	Túi dộn ngực silicone dạng gel.	Túi dộn ngực hình tròn, bề mặt trơn. Chất liệu bằng Silicon dạng gel, gồm 2 lớp, một lớp methyl deo, dai đàn hồi bao vệ túi nâng ngực, một lớp phenyl ở giữa đóng vai trò như một hàng rào bao vệ phân tử silicone từ trong không thể di chuyển ra ngoài. Thể tích: các cỡ 220cc à 395cc. Mặt đáy: 97mm à 128mm. Độ nhô trung bình, độ nhô cao. Tiệt khuẩn.	Cái	
643	Vật liệu dộn cằm bằng ePTF.	Vật liệu cấy ghép mặt bằng eTPFE được làm bởi Polytetrafluoroethylene. Vật liệu được thiết kế cấu trúc 3D phù hợp với từng vị trí cần phẫu thuật thẩm mỹ. Vật liệu ở dạng tấm và khối để các bác sỹ phẫu thuật thẩm mỹ có thể định hình theo từng trường hợp.	Cái	
644	Vật liệu dộn cằm bằng silicone dạng đúc khuôn.	Vật liệu cấy ghép mặt bằng silicon được làm bởi silicon cứng và silicon mềm được dùng trong phẫu thuật chỉnh hình mặt giúp định hình lại khuôn mặt, kích thước 10 x 59 x 15.5mm.	Cái	
645	Vật liệu nâng mũi bằng ePTF.	Vật liệu cấy ghép mặt bằng eTPFE được làm bởi expanded Polytetrafluoroethylene. Vật liệu được thiết kế cấu trúc 3D phù hợp với từng vị trí cần phẫu thuật thẩm mỹ. Vật liệu ở dạng tấm và khối để các bác sỹ phẫu thuật thẩm mỹ có thể định hình theo từng trường hợp.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
647	Vật liệu sử dụng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp hút lực âm.	Vật liệu sử dụng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp hút lực âm có trung, dùng với máy hút dịch, gồm : - Băng bọt xốp cỡ trung (Size M: 16 x 12,5 x 3 cm), vật liệu Polyurethane - Đầu nối, vật liệu Silicone Elastomers - Ống dẫn, vật liệu Silicone Elastomers. - Băng dán, vật liệu Polyurethane Film và Acrylic Adhesive.	Bộ	
646	Vật liệu nâng mũi bằng silicone.	Vật liệu cấy ghép mũi được làm bởi silicon cứng và silicon mềm, được dùng trong phẫu thuật chỉnh hình mắt giúp định hình lại khuôn mắt.	Cái	
10.10 Vật tư y tế cho máy cắt đốt u gan bằng vi sóng và dụng cụ đốt laser nội mạch				
648	Bộ dụng cụ đốt laser nội mạch (bao gồm: sợi quang- đầu đốt, ống thông laser nội mạch, kim)	Bộ dụng cụ đốt laser nội mạch gồm sợi quang đầu bọc vàng, bề mặt lõi hình cầu. Ống thông laser nội mạch: kim 21G, cây nong 4F 10cm, dây dẫn 45cm. Tương thích máy Venacure 1470 hiện có ở bệnh viện.	Bộ	
649	Kim đốt cỡ 14cm- 15g. Đầu kim bằng ceramic. Có kênh làm lạnh với cấp cảm biến nhiệt giúp bảo vệ các mô lành. Tương thích với máy Solero MTA system hiện có ở bệnh viện.	Kim đốt cỡ 14cm- 15g. Đầu kim bằng ceramic. Có kênh làm lạnh với cấp cảm biến nhiệt giúp bảo vệ các mô lành. Tương thích với máy Solero MTA system hiện có ở bệnh viện.	Cái	
650	Kim đốt vi sóng 19cm	Kim đốt cỡ 19cm- 15g. Đầu kim bằng ceramic. Có kênh làm lạnh với cấp cảm biến nhiệt giúp bảo vệ các mô lành. Tương thích với máy Solero MTA system hiện có ở bệnh viện.	Cái	
651	Kim đốt vi sóng 29cm	Kim đốt cỡ 29cm- 15g. Đầu kim bằng ceramic. Có kênh làm lạnh với cấp cảm biến nhiệt giúp bảo vệ các mô lành. Tương thích với máy Solero MTA system hiện có ở bệnh viện.	Cái	
10.11 Khí sử dụng trong y tế				
652	CO2 khi	CO2 y tế có nồng độ $\geq 99,5\%$	Kg	
653	Oxy khi (chai 0,5m3 - 2m3)	Oxy y tế có nồng độ $\geq 99,5\%$	Chai	
654	Oxy khi (chai 6m3)	Oxy y tế có nồng độ $\geq 99,5\%$	Chai	
655	Oxy lỏng	Oxy y tế có nồng độ $\geq 99,5\%$	Kg	
10.12 Vật tư y tế sử dụng cho phẫu thuật bằng Robot				
656	Bộ kit dụng cụ hỗ trợ phẫu thuật	Bộ kit bao bọc cánh tay robot dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci Si, sử dụng 1 lần.	Bộ	
657	Bộ nguồn sáng	Bộ nguồn phát sáng dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci Si. Thời gian sử dụng: 1000 giờ	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
658	Dụng cụ bóc tách lưỡng cực cong (Da Vinci S/Si Curved Bipolar Dissector) hoặc tương đương	Dụng cụ dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci Si. Góc mở đầu tip: 0-45 độ. Chiều dài đầu tip: 2.2 cm. Tổng chiều dài dụng cụ: 55.9 cm. Số lần sử dụng: 10 lần	Cái	
659	Dụng cụ nắm giữ cho lồng ngực (Da Vinci S/Si Thoracic Grasper) hoặc tương đương	Dụng cụ dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci Si. Góc mở đầu tip: 0-30 độ. Chiều dài đầu tip: 3.9 cm. Chiều dài đầu tip: 3.9 cm. Tổng chiều dài dụng cụ: 57.3 cm. Số lần sử dụng: 20 lần	Cái	
660	Dụng cụ trám bịt cùn 5mm (Da Vinci S/Si 5mm Blunt Obturator) hoặc tương đương	Dụng cụ trám bịt cùn dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci Si. Đường kính: 5 mm	Cái	
661	Dụng cụ trám bịt cùn 8mm	Dụng cụ trám bịt cùn dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci Si. Đường kính: 8 mm	Cái	
662	Kéo cắt cong đơn cực	Dụng cụ dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci Si. Góc mở đầu tip: 0-38 độ. Chiều dài đầu tip: 1.3 cm. Tổng chiều dài dụng cụ: 55.9 cm. Số lần sử dụng: 10 lần	Cái	
663	Kẹp Cadere hoặc tương đương	Dụng cụ dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci Si. Góc mở đầu tip: 0-30 độ. Chiều dài đầu tip: 2.0 cm. Tổng chiều dài dụng cụ: 55.4 cm. Số lần sử dụng: 10 lần	Cái	
664	Kẹp lưỡng cực có lỗ thủng	Dụng cụ dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci Si. Góc mở đầu tip: 0-45 độ. Chiều dài đầu tip: 2.1 cm. Tổng chiều dài dụng cụ: 55.9 cm. Số lần sử dụng: 10 lần	Cái	
665	Kẹp lưỡng cực Maryland hoặc tương đương	Dụng cụ dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci Si. Góc mở đầu tip: 0-45 độ. Chiều dài đầu tip: 2.0 cm. Tổng chiều dài dụng cụ: 55.8 cm. Số lần sử dụng: 10 lần	Cái	
666	Kẹp Prograsp hoặc tương đương	Dụng cụ dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci Si. Góc mở đầu tip: 0-38 độ. Chiều dài đầu tip: 2.8 cm. Tổng chiều dài dụng cụ: 56.2 cm. Số lần sử dụng: 10 lần.	Cái	
667	Kim kẹp kim to	Dụng cụ dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci Si. Góc mở đầu tip: 0-30 độ. Chiều dài đầu tip: 1.0 cm. Tổng chiều dài dụng cụ: 54.4 cm. Số lần sử dụng: 10 lần.	Cái	
668	Màn phủ cần Camera	Bao bọc cánh tay camera dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci Si	Bộ	
669	Màn phủ đầu Camera	Bao bọc đầu camera dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci Si	Bộ	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
670	Móc dẹt vịnh viên	Dùng cụ dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci. Kích thước dài đầu tip: 1,6 cm. Tổng chiều dài dụng cụ: 55,2 cm. Số lần sử dụng: 10 lần	Cái	
671	Nắp trocar 5mm (5mm Cannula Seal) hoặc tương đương	Nắp trocar 5mm dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci. Số lần sử dụng: 1 lần	Cái	
672	Nắp trocar 8mm	Nắp trocar 8mm dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci. Số lần sử dụng: 1 lần	Cái	
673	Ông kính nội soi 12mm, 0 độ	Ông kính nội soi 30 độ dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci. Số lần sử dụng: 1 lần	Cái	
674	Ông kính nội soi 12mm, 30 độ	Ông kính nội soi 30 độ dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci. Số lần sử dụng: 1 lần	Cái	
675	Ông thông dò dụng cụ 5mm (Da Vinci S/Si 5mm Instrument Cannula) hoặc tương đương	Trocar robot dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci. Số lần sử dụng: 1 lần	Cái	
676	Ông thông dò dụng cụ 8mm	Trocar robot dùng trong hệ thống robot phẫu thuật nội soi da Vinci. Số lần sử dụng: 1 lần	Cái	
677	Phụ kiện nút dầu	Phụ kiện bao dầu kéo dùng trong hệ thống phẫu thuật da Vinci. Số lần sử dụng: 1 lần	Cái	
10.13 Vật tư y tế dùng cho hệ thống máy nội soi KARL STORZ				
678	Bàn đạp 01 chân, kỹ thuật số, 02 bước	Bàn đạp 01 chân, kỹ thuật số, 02 bước tương thích với máy bơm tưới rửa- hút Endomat Select hiện có ở Bệnh viện	Cái	
679	Bộ dây bơm hút	Dùng 01 lần tương thích với máy bơm tưới rửa- hút Endomat Select hiện có ở Bệnh viện	Cái	
680	Bộ dây hút dịch bằng Silicone	Dao cắt lạnh niệu đạo, tưới tròn, với 2 chân.	Bộ	
681	Bộ dây tưới rửa, kiểm soát áp lực	Kiểm soát áp lực, dùng 01 lần tương thích với máy bơm tưới rửa- hút Endomat Select hiện có ở Bệnh viện	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
682	Bộ dụng cụ cầm tay phẫu thuật nội soi tán sỏi qua da loại có kích cỡ nhỏ	<p>Bộ dụng cụ cầm tay phẫu thuật nội soi tán sỏi qua da – loại có kích cỡ nhỏ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * 01 Ống soi quang học bề thận loại nhỏ: <ul style="list-style-type: none"> - Vỏ ngoài dụng cụ 12 Fr - Kênh làm việc 6.7 Fr dùng với dụng cụ 5 Fr - Hướng góc soi 12° - Thị kính gấp góc - Chiều dài 22 cm - Các linh kiện kèm theo ống soi quang học: <ul style="list-style-type: none"> • Công dụng cụ với 01 kênh • Nắp chặn nước • Đầu nối khóa LUER, đường kính 9 mm • Đầu nối khóa LUER, có khóa nước, tháo rời được • Ống dẫn đường, dùng với Guide wires • Giỏ lưới bảo quản ống soi * 01 Ống vỏ ngoài phẫu thuật, 15/ 16 Fr, cho bơm và hút liên tục. *01 Ống vỏ ngoài phẫu thuật, 16.5/ 17.5 Fr, cho bơm và hút liên tục. *01 Ống vỏ ngoài phẫu thuật, 21/22 Fr, cho bơm và hút liên tục. *01 Dụng cụ bơm chất bột kín, gồm vỏ ngoài và ruột. *01 Ống thông, với kênh trung tâm dùng với ống dẫn đường, dùng với ống vỏ ngoài phẫu thuật 15/16 Fr. *01 Ống thông, với 01 kênh trung tâm và 01 kênh cho hướng ống dẫn đường, dùng với ống vỏ ngoài phẫu thuật 16.5/ 17.5 Fr. *01 Ống thông, với 01 kênh trung tâm và 01 kênh cho hướng 	Bộ	
683	Bóng đèn XENON 300W (Dùng với nguồn sáng XENON 300W)	Bóng đèn XENON 300W	Cái	
684	Cầu nối ống soi quang học với 1 kênh dụng cụ có khóa	(Dùng với nguồn sáng XENON 300W)	Cái	
685	Chất bôi trơn đặc biệt cho khóa nước	Chất bôi trơn đặc biệt cho khóa nước	Cái	
686	Chất làm sạch cho đầu xa, đầu gắn và bề mặt dây cáp quang học của ống soi	Chất làm sạch cho đầu xa, đầu gắn và bề mặt dây cáp quang học của ống soi, loại 5 gram.	Cái	
687	Chổi vệ sinh dụng cụ, cỡ 11 mm, dài 35 cm	Đầu nối chuyên đổi tưới rửa để sử dụng với điện cực phẫu tích cầm cỡ 5mm có kênh hút và đầu nối khoá Luer	Cái	
688	Chổi vệ sinh dụng cụ, cỡ 7 mm, dài 35 cm	Chổi vệ sinh dụng cụ, cỡ 11 mm, dài 35 cm	Cái	
689	Công dụng cụ 2 kênh đối xứng.	Công dụng cụ 2 kênh đối xứng, với hệ thống chặn nước và khoá lắp nhanh.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
690	Dao cắt lạnh miếu dao, lưỡi tròn, với 01 chân	Ông dẫn đường LASER, đường kính trong 1,5mm, dùng với tay cắt LASER.	Cái	
691	Dao cắt lạnh miếu dao, lưỡi tròn, với 2 chân	Dao cắt lạnh miếu dao, lưỡi tròn, với 1 chân.	Cái	
692	Dầu dò tán sỏi bằng siêu âm cỡ 1,5 mm, dài 37 cm	Dầu dò tán sỏi bằng siêu âm, cỡ 1,5 mm, dài 37 cm, với kênh hút dầu xả không dao động được.	Cái	
693	Dầu dò tán sỏi bằng siêu âm cỡ 3,5 mm, dài 30 cm	Dầu dò tán sỏi bằng siêu âm, cỡ 3,5 mm, dài 30 cm, có kênh hút và dầu xả dao động được.	Cái	
694	Dầu nối chuyên đổi lưỡi rửa để sử dụng với điện cực phẫu tích cầm cỡ 5mm có kênh hút và dầu nối khoa Laser	Điện cực phẫu tích và cầm máu có kênh hút, dầu phẫu tích hình chữ L, cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm (Dùng với trocar cỡ 6 mm)	Cái	
695	Dầu tra dùng cu không silicone, loại 50ml	Dầu tra dùng cu không silicone, loại 50ml	Cái	
696	Dây cáp quang học, đường kính 4,8mm, chiều dài 250cm	Dây cáp quang học, đường kính 4,8mm, chiều dài 250cm, với đầu nối thẳng.	Dây	
697	Dây dẫn (để cho nước hoặc dịch) vào và ra, dùng trong phẫu thuật nội soi	Dây dẫn (để cho nước hoặc dịch) vào và ra, đường kính 9mm, dài 140cm, dùng trong phẫu thuật nội soi	Dây	
698	Dây dò cao tần đơn cực, đầu cầm 4mm, chiều dài 300cm	Dây dò cao tần đơn cực, với đầu cầm 4mm, chiều dài 300cm.	Dây	
699	Dây dò điện cao tần đơn cực với đầu cầm 4mm, chiều dài 300cm (Dùng với điện cực loại 1 chân cầm)	Dây dò điện cao tần đơn cực, với đầu cầm 4mm, dài 300 cm	Cái	
700	Dây dò điện cao tần lưỡng cực dùng trong nội soi.	Dây dò điện cao tần lưỡng cực dùng trong nội soi, dài 300 cm.	Dây	
701	Dây nối với bàn điện cực trung tính.	Dây nối với bàn điện cực trung tính (tương thích với máy cắt đốt Geister hoặc tương đương).	Dây	
702	Điện cực cắt đốt, gấp góc, với 01 chân cầm	Điện cực cắt đốt dạng vòng cắt, gấp góc, cỡ 24 Fr, loại 01 chân cầm.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
703	Điện cực cắt đốt, với 02 chân cắm	Điện cực cắt đốt dạng vòng cắt, cỡ 24 Fr, loại 02 chân cắm.	Cái	
704	Điện cực đốt cầm máu đầu hình thùng, với 01 chân cắm	Điện cực đốt cầm máu đầu hình thùng, cỡ 24 Fr, loại 01 chân cắm.	Cái	
705	Điện cực phẫu tích và cầm máu có kênh hút, đầu phẫu tích hình chữ L, cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm (Dùng với trocar cỡ 6 mm)	Dụng cụ dẫn đường (để đưa Sonde lên niệu quản) với 2 kênh dụng cụ có khóa	Cái	
706	Dụng cụ dẫn đường (để đưa Sonde lên niệu quản) với 2 kênh dụng cụ có khóa	Kẹp sinh thiết, mở ra hai bên (dùng với ống soi quang học HOPKINS II góc soi 30 độ)	Cái	
707	Dụng cụ phẫu tích đốt, đầu hình móc L, cỡ 5mm, chiều dài 36cm, có đầu nối với dây đốt điện đơn cực.	Dụng cụ phẫu tích đốt, đầu hình móc L, cỡ 5mm, chiều dài 36cm, có đầu nối với dây đốt điện đơn cực.	Cái	
708	Kéo phẫu tích trong nội soi niệu quản, hàm mở 01 bên, cỡ 5.0 Fr, dài 60cm	Tương thích với tay cắt nội soi.	Cái	
709	Kẹp gấp sỏi lớn và mảnh sỏi, cỡ 10.5 Fr, chiều dài 38cm	Kẹp gấp sỏi lớn và mảnh sỏi, với hàm cửa sổ, hàm mở 02 bên, cỡ 10.5 Fr, chiều dài 38cm.	Cái	
710	Kẹp gấp sỏi niệu quản, cỡ 5,0 Fr, dài 60cm	Kẹp gấp sỏi niệu quản, loại dẻo, hàm mở 2 bên, cỡ $\geq 5,0$ Fr, dài ≥ 60 cm.	Cái	
711	Kẹp giữ kim KOH, cỡ 5mm, chiều dài 33cm	Kẹp giữ kim KOH, cỡ 5mm, chiều dài 33cm: - Tay cầm thẳng, có khóa. - Hàm kẹp kim cong phải.	Cái	
712	Kẹp giữ kim, cỡ 5 mm, chiều dài 33 cm	Kẹp giữ kim, cỡ 5 mm, chiều dài 33 cm: - Tay cầm có khóa. - Hàm kẹp kim thẳng.	Cái	
713	Kẹp phẫu tích (lấy bệnh phẩm), cỡ 10 mm, dài 36 cm	Kẹp phẫu tích lấy bệnh phẩm, cỡ 10 mm, dài 36 cm, 2 x 3 răng, hàm mở 01 bên gồm: - Tay cầm kim loại có khóa. - Ống vỏ ngoài cách điện. - Ruột kẹp phẫu tích.	Bộ	
714	Kẹp phẫu tích (loại clamp ruột), có cửa sổ, hàm mở 01 bên, loại Click Line, xoay tròn được, cỡ 5mm, chiều dài 36cm	Kẹp phẫu tích (loại clamp ruột), loại Click Line, xoay tròn được, cỡ 5mm, chiều dài 36cm, gồm có: - Tay cầm có khóa dạng thanh trượt, có đầu nối với dây đốt điện đơn cực. - Vỏ ngoài cách điện. - Ruột kẹp phẫu tích, hàm rãnh ngang không san chấn, hàm mở 01 bên, có cửa sổ, chiều dài hàm 26 mm.	Bộ	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
715	Kẹp phẫu tích (loại clamp ruột), có cửa xoay tròn được cỡ 5 mm, dài 36 cm, gồm có: - Tay cầm có khía dạng thanh trượt, có dầu bôi trơn với dây dệt điện - Vỏ ngoài cách điện. - Ruột kẹp phẫu tích, hàm có cửa số, hàm mở 02 bên, chiều dài 37 mm.	Bộ		
716	Kẹp phẫu tích gấp di vật (sonde JJ), loại dẻo, hàm mở 02 bên, cỡ 9Fr, chiều dài 40cm	Ông võ ngoài thăm khám, 22Fr, với bóng trong dầu tu và 02 nón khóa LUJER	Cái	
717	Kẹp phẫu tích KELLY cong, loại Click Line, xoay tròn được, cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm, gồm có: - Tay cầm có khía dạng thanh trượt, có dầu bôi trơn với dây dệt điện đơn cực. - Vỏ ngoài cách điện. - Ruột kẹp phẫu tích, hàm dài và hàm mở 02 bên.	Bộ		
718	Kẹp phẫu tích lưỡng cực (loại Robi), chiều dài hàm 19 mm, cỡ 5mm, dài 36 cm	Kẹp phẫu tích lưỡng cực, cỡ 5mm, dài 36 cm, gồm: - Tay cầm không khía với dầu bôi trơn với dây dệt điện lưỡng cực. - Ông võ ngoài cách điện. - Ruột kẹp phẫu tích, chiều dài hàm 19mm.	Bộ	
719	Kẹp phẫu tích lưỡng cực KELLY (loại Robi), cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm Robi, chiều dài hàm 24 mm, cỡ 5 mm, cỡ 5 mm, cỡ 5 mm, cỡ 5 mm, cỡ 36 cm	Kẹp phẫu tích lưỡng cực KELLY (loại Robi), cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm, gồm có: - Tay cầm không khía với dầu bôi trơn với dây dệt điện lưỡng cực. - Ông võ ngoài cách điện. - Ruột kẹp phẫu tích, chiều dài hàm 24 mm.	Bộ	
720	Kẹp sinh thiết bàng quang, cỡ 9 Fr, dài 40cm	Kẹp sinh thiết bàng quang, loại mềm, hàm mở 02 bên, cỡ 9 Fr, dài 40 cm.	Cái	
721	Kẹp sinh thiết quang học, mở ra hai bên (dùng với ống soi quang học HOPKINS II góc soi 30 độ)	Kẹp phẫu tích gấp di vật (sonde JJ), loại dẻo, hàm mở 02 bên, cỡ 9Fr, chiều dài 40cm	Cái	
722	Nắp chân nước kênh dùng cụ	Nắp chân nước kênh dùng cụ.	Cái	
723	Nắp dây (hình quả tạ), đường kính 0,8mm.	Nắp dây (hình quả tạ), đường kính 0,8mm.	Cái	
724	Nắp dây trocar (bằng silicone), cỡ 1 mm	Nắp dây trocar (bằng silicone), cỡ 1 mm	Cái	
725	Nắp dây trocar (bằng silicone), cỡ 6mm	Nắp dây trocar (bằng silicone), cỡ 6mm	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
726	Nòng trong cố định cách điện với đầu Ceramic	Nòng trong cách điện với đầu Ceramic hoặc tương đương.	Cái	
727	Ống bơm hút (dịch và mô) 150ml	Ống bơm hút dịch mô, dung tích ≥ 150 ml.	Cái	
728	Ống bơm hút dịch cỡ 5mm, dài 36cm	Ống bơm hút dịch: - Đầu xa có nhiều lỗ bên. - Có khoá nước hai chiều. - Cỡ 5mm, dài 36cm.	Cái	
729	Ống dẫn đường LASER, đường kính trong 1,5mm, dùng với tay cắt LASER	Trong trạng thái nghỉ: điện cực nằm ngoài ống vỏ ngoài.	Cái	
730	Ống soi mềm bàng quang niệu đạo	Ống soi mềm bàng quang niệu đạo: - Hướng soi: 0°. - Góc soi: 110°. - Chiều dài làm việc: 37 cm. - Kênh dụng cụ: 7 Fr. - Đường kính thân ống soi: 15.5Fr. - Hoạt động đầu xa: 02 hướng. • Lên: 210° • Xuống: 140° Các linh kiện kèm theo: - Valise bảo quản ống soi. - Kẹp phẫu tích cho mảnh sỏi nhỏ, hàm mở 01 bên, loại dẻo, cỡ 5 Fr, chiều dài 73 cm. - Kềm sinh thiết, hàm mở 01 bên, loại dẻo, cỡ 5 Fr, chiều dài 73 cm. - Nắp đậy đồng hồ áp lực. - Đồng hồ kiểm tra dò rỉ. - Chổi vệ sinh dụng cụ. - Đầu nối khóa LUER.	Cái	
731	Ống soi mềm đường mật.	Ống soi mềm đường mật:- Hướng soi: 0°.- Góc soi: 110°.- Chiều dài làm việc: 36 cm.- Kênh dụng cụ: 6,5 Fr.- Đường kính đầu xa ống soi: 15,5Fr.- Hoạt động đầu xa : 02 hướng.- Lên: 180°.- Xuống: 100°.Các linh kiện kèm theo:- Vali bảo quản ống soi.- Kẹp phẫu tích, loại dẻo, hàm mở 02 bên, cỡ 5 Fr, chiều dài 60 cm.- Kềm sinh thiết, loại dẻo, hàm mở 02 bên, hình oval, cỡ 5 Fr, chiều dài 60 cm.- Rọ lấy sỏi.- Nắp đậy đồng hồ áp lực.- Đồng hồ kiểm tra dò rỉ.- Chổi vệ sinh dụng cụ.- Ống dẫn đường.	Cái	
732	Ống soi niệu quản – bể thận	- Đường kính đầu xa 8 Fr. - Đường kính ngoài ống soi tăng dần 9.5 Fr – 12 Fr. - Đường kính kênh trung tâm: 6.0 Fr, dùng với các dụng cụ có đường kính 5.0 Fr. - Góc soi: 6°. - Chiều dài: 43 cm. - Đầu xa tròn, không san chấn. - Thị kính gấp góc. - Các linh kiện kèm theo ống soi quang học: • Công dụng cụ với 01 kênh. • Nắp chặn nước. • Đầu nối khóa LUER. • Đầu nối khóa LUER, có khóa nước. • Khóa nước, chỉnh lưu lượng. • Ống dẫn đường, dùng với Guide wires.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
744	Ruột kéo phễu tích trữ than, lưỡi có rãnh ngang, cỡ 5mm, chiều dài 36 cm	Ruột kéo phễu tích trữ than, lưỡi có rãnh ngang, hàm mở 01 bên, cỡ 5mm, chiều dài 36 cm.	Cái	
743	Ruột kéo phễu tích công, hàm hình vuông, hàm mở 1 bên, cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	Ruột kéo phễu tích công, hàm hình vuông, chiều dài hàm 17 mm, hàm mở 1 bên, cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm.	Cái	
742	Que dây chì cỡ 5 mm, dài 36 cm	Que dây chì, đầu mở và đầu đóng, cỡ 5 mm, dài 36 cm.	Cái	
741	Ông vò ngoài (kim loại trơn), cỡ 1mm.	Tương thích với tay cái nội soi.	Cái	
740	Ông vò ngoài thăm khám, 22Fr, với nõng trong đầu từ	Cầu nối ông soi quang học với 1 kênh dùng cũ có khóa.	Cái	
739	Ông vò ngoài cách điện, cỡ 10mm, dài 36cm	Ông vò ngoài cách điện, có đầu nối khóa LUFER, cỡ 10mm, dài 36cm.	Cái	
738	Ông vò ngoài cách điện 5mm, dài 36cm	Ông vò ngoài cách điện, có đầu nối khóa LUFER để vệ sinh, cỡ 5mm, dài 36 cm.	Cái	
737	Ông vò ngoài (kim loại trơn), cỡ 6mm.	Kéo phễu tích trữ nội soi nhiều quân, loại cứng, hàm mở 01 bên, hàm cắt mở lên, cỡ 5,0 Fr, dài 60cm.	Cái	
736	Ông soi quang học soi nghiêng 30°	Ông soi quang học soi nghiêng 30°; đường kính 10 mm, chiều dài 31 cm. - Có thể hấp khử trùng được. Thị trường mở rộng. - Cường độ ánh sáng phân đều cho toàn bộ phễu trường (trung tâm đến ngoài vi). - Đặc biệt làm tăng độ sáng và rõ nét của tổ chức mô lên 2,5 lần.	Cái	
735	Ông soi quang học 70°	- Góc soi 70°, đường kính 4 mm, chiều dài 30 cm. - Có thể hấp khử trùng được. - Thị trường mở rộng. - Cường độ ánh sáng phân đều cho toàn bộ phễu trường (trung tâm đến ngoài vi). - Được cấu tạo lại bởi những thoi láng kính	Cái	
734	Ông soi quang học 30°	- Góc soi 30°, đường kính 4 mm, chiều dài 30 cm. - Có thể hấp khử trùng được. - Thị trường mở rộng. - Cường độ ánh sáng phân đều cho toàn bộ phễu trường (trung tâm đến ngoài vi). - Được cấu tạo lại bởi những thoi láng kính	Cái	
733	Ông soi quang học 0 độ.	Ông soi quang học 0°; - Góc soi 0°, đường kính 4 mm, chiều dài 30 cm. - Có thể hấp khử trùng được. - Thị trường mở rộng. - Cường độ ánh sáng phân đều cho toàn bộ phễu trường (trung tâm đến ngoài vi). - Đặc biệt làm tăng độ sáng và rõ nét của tổ chức mô lên 2,5 lần. - Được cấu tạo lại bởi những thoi láng kính.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
745	Ruột kẹp phẫu tích (loại clamp ruột), hàm phẳng rãnh ngang không san chấn, hàm mở một bên, cỡ 5 mm, dài 36 cm	Ruột kẹp phẫu tích (loại clamp ruột), hàm phẳng rãnh ngang không san chấn, hàm mở một bên, hàm có cửa sổ, chiều dài hàm 26 mm, cỡ 5mm, chiều dài 36cm.	Cái	
746	Ruột kẹp phẫu tích Babcock, cỡ 5mm, chiều dài 36cm	Ruột kẹp phẫu tích Babcock, hàm mở 02 bên, cỡ 5mm, chiều dài 36cm.	Cái	
747	Ruột kẹp phẫu tích Kelly, cỡ 5 mm, chiều dài 36cm	Ruột kẹp phẫu tích Kelly, hàm mở 02 bên, cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm.	Cái	
748	Ruột kẹp phẫu tích răng nhuyễn, cỡ 5 mm, dài 36 cm.	Ruột kẹp phẫu tích răng nhuyễn, hàm răng nhuyễn, hàm rộng 4.8 mm, dùng để cầm nắm chính xác và không san chấn, chiều dài hàm 14 mm. cỡ 5 mm, dài 36 cm.	Cái	
749	Ruột kẹp phẫu tích ruột (loại clamp ruột), hàm cửa sổ, hàm mở hai bên, cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	Ruột kẹp phẫu tích ruột (loại clamp ruột), hàm mở hai bên, hàm cửa sổ, chiều dài hàm 37 mm, cỡ 5 mm, dài 36 cm.	Cái	
750	Tay cầm không có khóa, có đầu nối với dây đốt điện đơn cực	Tay cầm nhựa không có khóa, có đầu nối với dây đốt điện đơn cực (dùng với ống vỏ ngoài cách điện cỡ 5mm)	Cái	
751	Tay cầm nhựa có khóa, có đầu nối với dây đốt điện đơn cực	Tay cầm nhựa có khóa, có đầu nối với dây đốt điện đơn cực (dùng với ống vỏ ngoài cách điện cỡ 5mm)	Cái	
752	Tay cầm tán sỏi xung hơi.	Tay cầm tán sỏi xung hơi (Dùng với máy tán sỏi xung hơi).	Cái	
753	Tay cắt LASER, sử dụng với ống vỏ ngoài, dùng với ống dẫn đường LASER.	Tay cắt LASER, sử dụng với đầu dò LASER, dùng với ống dẫn đường.	Cái	
754	Tay cắt nội soi dùng với điện cực 01 chân (loại tay cắt ngược).	Tay cắt ngược dùng với điện cực 01 chân. Trong trạng thái nghỉ: điện cực nằm bên trong ống vỏ ngoài.	Cái	
755	Tay cắt nội soi dùng với điện cực 01 chân.	Tay cắt nội soi dùng điện cực 01 chân. Trong trạng thái nghỉ: điện cực nằm ngoài ống vỏ ngoài.	Cái	

STT	Tên hàng hóa một đầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
756	Tay cắt một sợi dùng với diện cực 02 chân	Tay cắt một sợi dùng diện cực 02 chân.	Cái	
757	Tay truyền sóng âm dùng với máy tán sợi siêu âm.	Tay truyền sóng âm (dùng với máy tán sợi siêu âm Caluson hoặc tương đương).	Cái	
758	Trocar cỡ 11 mm (kim loại trơn), chiều dài 10,5 cm	Trocar cỡ 11 mm (kim loại trơn), dài 10,5 cm, gồm có: - Ruột trong với đầu nhọn hình tháp. - Vỏ ngoài với van da năng.	Bộ	
759	Trocar cỡ 6 mm (kim loại trơn), chiều dài 10,5 cm	Trocar cỡ 6 mm (kim loại trơn) dài 10,5 cm, gồm có: - Ruột trong với đầu nhọn hình tháp. - Vỏ ngoài với van da năng.	Bộ	
760	Van giảm khẩu kính từ 11/5 mm.	Van giảm khẩu kính từ 11/5 mm.	Cái	
761	Van trocar da năng cỡ 11mm	Van trocar da năng cỡ 11mm.	Cái	
762	Trocar kim loại	Van trocar da năng cỡ 6 mm	Cái	
10.14 Vật tư y tế dùng cho hệ thống máy nội soi OLYMPUS				
763	Bàn dập dùng cho máy cắt dùi cao tần	Bàn dập tương thích với máy cắt dùi cao tần ESG-400 (hoặc tương đương).	Cái	
764	Bộ chuyên dùi nối với que tán sợi	Bộ chuyên dùi nối với que tán sợi. Đường kính 4,8cm. Chiều dài 19,6cm. Chiều dài dây cáp: 3m. Tương thích máy tán sợi siêu âm kết hợp cơ học.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
765	Bóng dùng cho ống nội soi siêu âm loại FNA	Bóng dùng cho ống nội soi siêu âm loại FNA	Cái	
766	Bóng dùng cho ống nội soi siêu âm loại radio	Bóng dùng cho ống nội soi siêu âm loại radio	Cái	
767	Clip cầm máu nội soi tiêu hóa các cỡ	Clip, kẹp cầm máu nội soi tiêu hóa, được bọc riêng lẻ trong vỉ vô trùng, góc ngoài 135 độ, hoặc 90 độ tương thích với ống soi dạ dày, ống soi đại tràng.	Cái	
768	Dao cắt cơ vòng Oddi hình kim sử dụng nhiều lần	Dao cắt cơ vòng Oddi hình kim sử dụng nhiều lần. Chiều dài làm việc 1.950mm, đường kính kênh làm việc tối thiểu 2,2mm, chiều dài đầu kim 4mm, đầu kim có thể thu vào.	Cái	
769	Dao cắt hút dưới niêm mạc đầu cách điện, chiều dài dao 4mm, đường kính đầu cuối cách điện 2.2mm	Đầu đốt, dao cắt hút dưới niêm mạc có đầu cuối cách điện, vỏ ngoài cách điện, với điện cực hình tam giác, vỏ ngoài có độ cứng tối ưu cho việc điều khiển dao, kênh làm việc phù hợp 2.8mm, chiều dài làm việc 1650mm, chiều dài dao 4mm, đường kính đầu cuối cách điện 2.2mm, tương thích với ống soi dạ dày.	Cái	
770	Dao cắt hút dưới niêm mạc hình núp cho thực quản và đại tràng, chiều dài dao 3.5mm	Đầu đốt, dao cắt hút dưới niêm mạc hình núp cho thực quản và đại tràng, có đầu cuối cách điện, vỏ ngoài cách điện, đầu cách điện nhỏ gọn. kênh làm việc phù hợp 2.8mm, chiều dài làm việc 1650mm-2300mm, chiều dài dao 3.5mm, đường kính đầu cuối cách điện 1.7mm, tương thích với ống soi dạ dày, đại tràng.	Cái	
771	Dao cắt hút dưới niêm mạc hình núp, có tưới rửa, dùng cho đại tràng, chiều dài dao 1.5mm	Đầu đốt, dao cắt hút dưới niêm, đầu dao hình núp đường kính 0,3mm, có thể kéo dài hoặc thu ngắn lại để hỗ trợ đánh dấu và cầm máu an toàn, có kênh nước phụ với công tiêm xoay được, đường kính kênh dụng cụ 2,8mm, chiều dài làm việc 1.950mm, chiều dài dao cắt 1,5mm, tương thích với ống soi dạ dày, đại tràng.	Cái	
772	Dao cắt hút dưới niêm mạc loại đầu hình tam giác, chiều dài dao 4.5mm, chiều dài đoạn đầu hình tam giác 0.4mm.	Đầu đốt, dao cắt hút dưới niêm, lưỡi dao có hình tam giác, có kênh tưới rửa, chiều dài làm việc 1650mm, đường kính kênh dụng cụ 2.8mm, chiều dài dao cắt 4.5mm, chiều dài đoạn đầu hình tam giác 0.4mm, tương thích với ống soi dạ dày.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
773	4.5mm. Đao cắt hơi niêm mac đầu chít L cho dà dày và dài trắng, chiều dài dao	Đầu dẹt, dao cắt hơi dưới niêm, lưỡi dao có hình chít L, có thể xoay được, đường kính kênh dùng cu 2.8mm, chiều dài dao 4.5mm, chiều dài đoạn móc chít L 1.3mm, chiều dài làm việc 1650mm/2300mm, tương thích với ống soi dài trắng. trắng.	Cái	
774	4.5mm Đao cắt hơi niêm mac đầu chít L, có kênh tưới rửa cho dà dày, chiều dài dao	Đầu dẹt, dao cắt hơi dưới niêm, lưỡi dao có hình chít L, có thể xoay được, có kênh tưới rửa cho dà dày, đường kính kênh dùng cu 2.8mm, chiều dài dao 4.5mm, chiều dài đoạn móc chít L 1.3mm, chiều dài làm việc 1650mm, tương thích với ống soi dài trắng. đầy.	Cái	
775	Đầu gắn ống soi các cỡ dùng trong nội soi can thiệp cắt hơi dưới niêm mac	Đầu gắn ống soi dùng trong nội soi can thiệp cắt hơi dưới niêm mac (Endoscopic Submucosal Dissection - ESD), đường kính ngoài theo kích thước ống soi, có lỗ bên, chất liệu niêm, chiều dài từ đầu cuối ống soi 4mm, tương thích với ống soi dà dày, dài trắng. trắng.	Cái	
776	Đầu gắn ống soi các loại	Đầu gắn ống soi trong suốt, đế mở rộng tương nhìn nội soi và hỗ trợ các thủ thuật điều trị, dùng nhiều lần, tương thích ống nội soi. soi.	Cái	
777	Đầu tan sỏi bằng siêu âm Mini dùng cho máy tan sỏi siêu âm kết hợp cơ học	Dùng cho máy tan sỏi siêu âm kết hợp cơ học. Đường kính ngoài: 1.83 mm. Chiều dài làm việc: 418 mm.	Cái	
778	Đầu tan sỏi bằng siêu âm Standar dùng cho máy tan sỏi siêu âm kết hợp cơ học	Dùng cho máy tan sỏi siêu âm kết hợp cơ học. Đường kính ngoài: 3.76 mm. Chiều dài làm việc: 396 mm.	Cái	
779	Đầu cấp cao tần, tương cực, dùng cắt đốt nội soi	Đầu cấp cao tần, tương cực, 4m, dùng cắt đốt nội soi. Dùng để cắt tiêu diệt tuyến nước muối. Có thể ngấm hoặc hấp diệt từng. Tương thích máy cắt đốt ESG-400 (hoặc tương đương).	Cái	
780	Đầu dẫn sáng size M	Đầu dẫn sáng size M, chiều dài 3m, đường kính 4,25mm, hấp diệt từng được.	Cái	
781	Đầu cắt đốt tiêu diệt tuyến con lạn, dùng cho cắt đốt tiêu diệt tuyến tương cực	Đầu cắt đốt tiêu diệt tuyến con lạn, dùng cho cắt đốt tiêu diệt tuyến tương cực, tương thích với ống soi 12 độ và 30 độ, tương thích với máy cắt đốt cao tần ESG-400 (hoặc tương đương).	Cái	
782	Đầu cắt đốt tiêu diệt tuyến nhon, dùng cho cắt đốt tiêu diệt tuyến tương cực	Đầu cắt đốt tiêu diệt tuyến nhon, dùng cho cắt đốt tiêu diệt tuyến tương cực, tương thích với máy cắt đốt cao tần ESG-400 (hoặc tương đương).	Cái	
783	Đầu cắt đốt tiêu diệt tuyến (mũi tròn), dùng cho cắt đốt tiêu diệt tuyến tương cực	Đầu cắt đốt tiêu diệt tuyến (mũi tròn), dùng cho cắt đốt tiêu diệt tuyến tương cực, tương thích với máy cắt đốt cao tần ESG-400 (hoặc tương đương).	Cái	
784	Đầu cắt đốt tiêu diệt tuyến loại tách bóc nhân, dùng cho cắt đốt tiêu diệt tuyến tương cực	Đầu cắt đốt tiêu diệt tuyến loại tách bóc nhân, dùng cho cắt đốt tiêu diệt tuyến tương cực, tương thích với máy cắt đốt cao tần ESG-400 (hoặc tương đương).	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
785	Điện cực cắt rạch hình vòng, dùng cho cắt đốt tiền liệt tuyến lưỡng cực	Điện cực cắt rạch hình vòng, dùng cho cắt đốt tiền liệt tuyến lưỡng cực, tương thích với máy cắt đốt cao tần ESG-400 (hoặc tương đương).	Cái	
786	Kẹp cầm máu điện dùng cho đại tràng	Kẹp cầm máu điện dùng cho đại tràng, xoay được, độ mở tối đa 4mm, đường kính kênh dụng cụ 3,2mm, chiều dài làm việc 2.300mm, tương thích với ống soi đại tràng.	Cái	
787	Kẹp cầm máu điện dùng cho nội soi dạ dày, thực quản	Kẹp cầm máu điện dùng cho dạ dày, thực quản xoay được, độ mở tối đa 6.5mm, đường kính kênh dụng cụ 2.8mm, chiều dài làm việc 1650mm, tương thích với ống soi dạ dày, thực quản.	Cái	
788	Lọng thắt cầm máu polyp đã lắp sẵn với tay cầm	Lọng thắt cầm máu đã lắp sẵn với tay cầm, sử dụng trực tiếp, cầm máu an toàn trước thủ thuật cắt polyp, đường kính kênh dụng cụ 2,8mm, chiều dài làm việc 2.300mm, lọng thắt nylon đường kính 30mm, tương thích ống soi dạ dày, ống soi đại tràng.	Cái	
789	Ngáng miệng nội soi dùng nhiều lần	Ngáng miệng dùng nhiều lần cho người lớn, dùng cho các ống soi dạ dày, đường kính lớn tối đa 15mm.	Cái	
790	Ống bơm thủy tinh 150ml	Ống bơm thủy tinh 150ml (bơm tiêm, nòng bơm tiêm, đầu nối). Có đầu kết nối với bộ cắt đốt tiền liệt tuyến trong nước muối. Tương thích vỏ ngoài cắt đốt tiền liệt tuyến lưỡng cực.	Cái	
791	Ống hút tưới rửa dùng cho tay cầm có cần điều khiển.	Ruột silicon gồm 2 ống hút và tưới rửa, dùng cho tay cầm có cần điều khiển.	Cái	
792	Ống kính soi bàng quang HD	Ống kính soi bàng quang HD. - Trang bị thấu kính ED thế hệ mới (extra-low dispersion). Hướng quan sát: 30 độ. - Đường kính: 4mm. - Chiều dài: 280.2 mm. - Có thể hấp tiệt trùng.	Cái	
793	Ống soi bàng quang	Ống soi bàng quang. Thiết kế đầu thuận giúp đưa ống soi vào dễ dàng. Có thể kết nối nguồn sáng thông thường hay nguồn sáng di động. Có kênh hút. Trường nhìn: 120 độ. Hướng nhìn: Nhìn thẳng. Độ sâu trường nhìn: 3-50mm. Đường kính đầu cuối ống soi: 11,7Fr (4,6mm). Đường kính phần thân ống soi: 16,5Fr (5,5mm). Đường kính kênh dụng cụ: 7,2Fr (2,4mm). Khoảng cách tối thiểu có thể nhìn từ đầu cuối ống soi: 5mm. Hướng cong lên: 210 độ. Hướng cong xuống: 120 độ. Chiều dài tổng cộng: 700mm.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
794	Ông soi niêu quan bản cứng	Scope (ông soi) 7 độ. Ông soi niêu quan bản cứng. Phần đầu ông soi thò ra ngoài, không sang chắn. Chất liệu thép không rỉ và độ bền cao. 2 kênh tưới rửa. Có thể sử dụng 2 dụng cụ cùng lúc. Hướng quan sát: 7 độ. Ông bản cứng. Gấp góc ở đầu kết nối camera. Đường kính chụp dưới ông soi: 6,4 Ft/8,6 Ft/7,5 Ft. Đường kính ngoài thân ông soi: 7,8 Ft/9,8 Ft/7,5 Ft. Kênh dụng cụ: 4,2 Ft/6,4 Ft hoặc 2 kênh gồm 2,4 Ft và 3,4 Ft. Chiều dài làm việc: 430mm. Có thể hấp tiệt trùng.	Cái	
795	Rò tẩn soi, chiều dài 1950mm, cho bộ học, đường kính cửa rò 30mm, tương thích với kênh dụng cụ	Rò tẩn soi, chiều dài làm việc 1950mm, dụng cụ cho bộ tẩn soi cơ học, đường kính cửa rò 30mm, tương thích với kênh dụng cụ 4,2mm, tương thích được với tay cầm cửa bộ tẩn soi cấp cứu, tương thích ông soi là trắng.	Cái	
796	Tay cầm cho bộ tẩn soi cơ học	Tay cầm cho bộ tẩn soi cơ học, dụng cụ với sự dụng nhiều lần, hoạt động theo cơ chế xoay rò khi tẩn, gây lực tác động mạnh hơn, tương thích ông soi là trắng.	Cái	
797	Tay cầm có cần điều khiển	Tay cầm cho dụng cụ hút tưới rửa, có cần điều khiển nước vào/ra.	Cái	
798	Tay cầm gắn Clip cầm màu nội soi tiêu hóa các cỡ, xoay được	Tay cầm cho clip, kẹp cầm màu nội soi tiêu hóa, có khả năng xoay, hấp khử trùng được, chiều dài làm việc 1950mm, tương thích với kênh dụng cụ 2,8mm, tương thích với ông soi dài dây, ông soi dài trắng.	Cái	
799	Tay cầm là xo, loại chu động, có nút khóa giữ/tháo ông soi an toàn. Dụng cụ có ngoài 26Ft. Có 2 đầu kết nối dây cắt đôi điện	Tay cầm là xo, loại chu động, có nút khóa giữ/tháo ông soi an toàn. Dụng cụ có ngoài 26Ft. Có 2 đầu kết nối dây cắt đôi điện tương cực. Có thể hấp tiệt trùng.	Cái	
800	Van hút tương thích cho ông soi	Van hút tương thích cho ông soi.	Cái	
801	Van khi nước tương thích cho ông soi dài dây	Van khi nước tương thích cho ông soi dài dây	Cái	
802	Van sinh thiết tương thích cho ông soi dài dây	Van sinh thiết tương thích cho ông soi dài dây	Cái	
803	Vỏ ngoài bộ cắt đôi tiên liệt tuyến lưỡng cực, loại 2 đường nước cho dòng chảy liên tục	Vỏ ngoài bộ cắt đôi tiên liệt tuyến lưỡng cực, loại 2 đường nước ra vào cho dòng chảy liên tục, tương thích tay cầm là xo. Có thể xoay được. Đường kính 26Ft. Có thể hấp tiệt trùng.	Cái	
804	Vỏ trong bộ cắt đôi tiên liệt tuyến lưỡng cực, bao gồm ống nông đầu thườn. Tương thích tay cầm là xo. Dụng cụ có ngoài 26Ft. Có thể hấp tiệt trùng.	Vỏ trong bộ cắt đôi tiên liệt tuyến lưỡng cực, bao gồm ống nông đầu thườn. Tương thích tay cầm là xo. Dụng cụ có ngoài 26Ft. Có thể hấp tiệt trùng.	Cái	

10.15 Vật tư y tế cho máy cắt đốt cao tần

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
805	Bàn đạp chân đơn cực	Bàn đạp chân đơn cực, dây dài 5m	Cái	
806	Bàn đạp chân lưỡng cực	Bàn đạp chân lưỡng cực, dây dài 5m	Cái	
807	Đầu điện cực hình cầu	Đầu điện cực hình cầu, đường kính 4 mm	Cái	
808	Đầu điện cực hình kiềm	Đầu điện cực hình kiềm	Cái	
809	Đầu điện cực hình kim	Đầu điện cực hình kim	Cái	
810	Dây điện cực trung tính	Dây điện cực trung tính	Cái	
811	Dây nối kẹp lưỡng cực	Dây nối kẹp lưỡng cực dài 3m	Cái	
812	Kẹp lưỡng cực	Kẹp lưỡng cực ngàm rộng 1,2mm, dài 20 cm	Cái	
813	Lưỡi dao hàn mạch mở mở	Lưỡi dao hàn mạch mở mở tiết trùng	Hộp/10 cái	
814	Lưỡi hàn mạch cho trục khoảng 20cm	Lưỡi hàn mạch cho trục dài khoảng 20 cm	Hộp/10 cái	
815	Lưỡi hàn mạch mở nội soi 37cm	Lưỡi hàn mạch mở nội soi dài 37cm	Hộp/10 cái	
816	Tấm điện cực trung tính	Tấm điện cực trung tính dùng 01 lần	Hộp/50 cái	
817	Tay dao đơn cực	Tay dao đơn cực có 2 nút bấm, đường kính 4mm, dây dài 4m	Cái	
818	Tay dao hàn mạch mở nội soi đầu cong Maryl dài 37cm, đường kính 5mm	Tay dao hàn mạch mở nội soi đầu cong Maryl dài 37cm, đường kính 5mm, đầu lưỡi dài 18mm	Cái	
819	Tay dao mở mở	Tay dao mở mở dài 18 cm, lưỡi cong, dài 17mm	Cái	
820	Trục dao hàn mạch mở mở đầu cong khoảng 20cm	Trục dao hàn mạch mở mở đầu cong, dài khoảng 20cm	Cái	
10.16 Vật tư y tế cho máy Cusa				

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
821	Bộ chống lây nhiễm (contamination guard)	Bộ chống lây nhiễm cho hệ thông dao mổ siêu âm CUSA, Cần thay thế mới 6 tháng hoặc sớm hơn nếu cần thiết	Bộ	
822	Bộ dây borm tiết trùng cho tay dao 23Khz	Bộ dây borm cho tay dao 23 KHz, Tiết trùng sẵn	Bộ	
823	Bộ tích hợp dao mổ điện cầm máu cho tay dao 23Khz	Bộ tích hợp dao mổ điện cầm máu cho tay dao 23KHz, Tiết trùng sẵn, Dùng 1 lần	Bộ	
824	Bầu mũi dao 23Khz cỡ lớn	Dầu dao 23KHz cỡ lớn, đường kính 2,64mm, dài 7,95cm.	Cái	
825	Bầu mũi dao 23Khz, cỡ chuẩn	Dầu dao 23KHz cỡ chuẩn, đường kính 1,98mm, dài 7,98cm. Tương thích với tay dao 23KHz	Cái	
826	Dầu mũi dao nội soi ổ bụng 23 KHz	Dầu dao nội soi ổ bụng 23KHz, dài 30,14cm, Đường kính đầu dao 1,98mm, Hộp/1 cái và 6 đầu phun dịch.	Cái	
10.17 Vật tư y tế khác				
827	Bộ xét nghiệm hơi thở Urea C13	*Bộ test hơi thở C13 bao gồm: - 01 Viên nén Urea C13 - 01 Gói bột Citrica - 02 Túi lấy mẫu thở - 01 Cốc dung nước - 01 Ống hút *Thông số bộ test hơi thở C13 – bao gồm: - Túi lấy mẫu thở có van 1 chiều - Túi lấy mẫu thở có thể giữ mẫu thở được 14 ngày - Thời gian thời giữa 2 túi khí mất 15 phút - Có thể làm test vì khuẩn HP cho bệnh nhân chỉ sau 1 giờ không ăn và uống - Có thể làm xét nghiệm cho trẻ em.	Bộ	
828	Giấy Siêu âm	Giấy dai, đường kẻ rõ nét, độ dày vừa phải, không quá trơn láng nhưng không quá nhám làm hao mòn kim, dùng kích cỡ, dòng gói kín riêng từng cuộn	Cuộn	
829	Vôi soda 4,5kg/can	Vôi soda cỡ hạt 2,5 -> 5,0mm, độ cứng > 75. Can 4,5kg	Can/4,5kg	

SIT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
830	Áo chì chắn tia X chất liệu chì nhẹ (dạng 1 mảnh) các cỡ.	Áo chắn tia X dạng 1 mảnh, trọng lượng từ 5.5kg - 6.8kg, chứa chì. Độ dày bảo vệ 0.5mm. Thiết kế đai lưng 6" có vai trò như nẹp lưng vừa khít và chuyển trọng lượng của áo, vốn thường treo trên vai sang hông. Mang lại sự thoải mái và bảo vệ toàn diện khỏi bức xạ tán xạ. Kích cỡ: S, M, L. Chất liệu: Chì nhẹ.	Cái	
831	Áo chì chắn tia X chất liệu chì siêu nhẹ (sử dụng kèm với váy chì chắn tia X).	Áo chì chắn tia X chất liệu chì siêu nhẹ, được thiết kế để bảo vệ ngực hoàn toàn, sử dụng kèm với váy chì chắn tia X. Độ dày bảo vệ 0.35mm.	Cái	
832	Áo chì chắn tia X hợp chất Antimony (dạng 1 mảnh) các cỡ.	Áo chắn tia X dạng 1 mảnh, trọng lượng nhẹ từ 5.2kg - 6.2kg, không chứa chì. Độ dày bảo vệ 0.5mm. Thiết kế đai lưng 6" có vai trò như nẹp lưng vừa khít và chuyển trọng lượng của áo, vốn thường treo trên vai sang hông. Mang lại sự thoải mái và bảo vệ toàn diện khỏi bức xạ tán xạ. Kích cỡ: S, M, L. Chất liệu: Hợp chất Antimon.	Cái	
833	Bàn chải rửa tay phòng mổ.	Bàn chải rửa tay phòng mổ cán bằng chất liệu Polypropylen, sợi nylon.	Cái	
834	Banh bảo vệ đường mổ loại có thể điều chỉnh chiều cao cỡ, 120 x 130 x 150mm.	- Đường kính vòng trên 120mm, đường kính vòng dưới 130mm, chiều cao 150mm, đường kính lòng banh 120mm, sử dụng cho đường rạch kích thước 5-10cm. - Chất liệu Vòng banh: PU (polyurethane), thân banh: PU (polyurethane) + silicon gel. - Banh được thiết kế tự giữ giúp bác sỹ rảnh tay trong quá trình phẫu thuật.	Cái	
835	Banh bảo vệ đường mổ loại có thể điều chỉnh chiều cao, cỡ 80 x 90 x 150mm.	- Đường kính vòng trên 80mm, đường kính vòng dưới 90mm, chiều cao 150mm, đường kính lòng banh 80mm, sử dụng cho đường rạch kích thước 2.5-6cm. - Chất liệu Vòng banh: PU (polyurethane), thân banh: PU (polyurethane) + silicon gel - Banh được thiết kế tự giữ giúp bác sỹ dễ dàng thao tác trong quá trình phẫu thuật.	Cái	
836	Bao cao su.	Chất liệu cao su thiên nhiên. Tiệt trùng	Cái	

STT	Tên hàng hóa một thấu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
837	Bảo chi dui loại dài dùng cho máy VenaFlow Elite-3045.	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo chi dui (74cm / 29") dùng cho máy cp hơi ngắt quãng VenaFlow Elite; - Bảo chi làm bằng vai không dẹt, không có chất cao su, nên nhẹ, mát và không kích ứng da, dễ mang, tạo sự thoải mái tối đa cho người bệnh. - Bảo chi được thiết kế đặc biệt có tấm lót hơi không đối xứng với ống nối hơi đơn (1 ống) quản từ mắt cá chân lên bắp chân và phần đùi; - Máy sử dụng bao chi cho phép tùy chọn 2 cơ chế nên hơi tạo áp lực: Nên tức thời (nén nhanh), hoặc Nên ngắt quãng tuần tự (nén chậm); tự nhận biết loại bao chi đang sử dụng. - Đặt áp lực nên trong thời gian dưới 0,5 giây. - Tạo áp lực định ban đầu là 73mmHg +/-15% (xa tim) và 63mmHg +/- 15% (gần tim). - Áp lực giữ là 45mmHg ±10%, thời gian giữ 6 giây. 	Đôi	
838	Bảo chi dui loại ngắn (Gót) dùng cho máy VenaFlow Elite -3045.	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo chi làm bằng vai không dẹt, không có chất cao su, nên nhẹ, mát và không kích ứng da, dễ mang, tạo sự thoải mái tối đa cho người bệnh. - Bảo chi được thiết kế đặc biệt có tấm lót hơi không đối xứng với ống nối hơi đơn (1 ống) quản từ mắt cá chân lên bắp chân dưới đầu gối; - Máy sử dụng bao chi cho phép tùy chọn 2 cơ chế nên hơi tạo áp lực: Nên tức thời (nén nhanh), hoặc Nên ngắt quãng tuần tự (nén chậm); tự nhận biết loại bao chi đang sử dụng. - Đặt áp lực nên trong thời gian dưới 0,5 giây. - Tạo áp lực định ban đầu là 73mmHg +/-15% (xa tim) và 63mmHg +/- 15% (gần tim). - Áp lực giữ là 45mmHg ±10%, thời gian giữ 6 giây. 	Đôi	
839	Bảo vai huyết áp	Bảo vai huyết áp	Cái	
840	Bảo vai máy monitor 1 với.	Bảo vai máy monitor 1 với phù hợp với máy Philip MX430, GE P40i đang sử dụng tại bệnh viện.	Cái	
841	Bảo vai máy monitor 2 với.	Bảo vai máy monitor 2 với phù hợp với máy Philip MX430, GE P40i đang sử dụng tại bệnh viện.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
842	Bát Inox đường kính 150 x 65mm .	Sản phẩm làm từ thép không gỉ 304, đúc, không dập mép. Kích thước miệng : 165mm, kích thước lòng : 150mm. Chiều cao: 65mm. Sản phẩm có khắc mã. Sai số kích thước: 5%.	Cái	
843	Bẫy nước của máy gây mê.	Chất liệu: Nhựa, không hấp tiệt trùng.	Cái	
844	Bình kèm tiếp liệu, sâu 170 x 50mm.	Sản phẩm làm từ thép không gỉ 304, ống đúc. Đường kính ống cắm kèm : 50mm. Đường kính chân đế : 100mm. Độ sâu ống cắm : 170mm. Chiều cao chân đế : 20mm. Sản phẩm có khắc mã. Sai số kích thước tổng thể: 5%.	Cái	
845	Bình làm âm oxy có nước vô trùng.	Bình nhựa chuẩn y tế chứa sẵn nước tiệt trùng, có thể sử dụng 30 ngày cho nhiều bệnh nhân trên cùng 1 bình, có nổi điều chỉnh lưu lượng khí mà không tạo bọt khí, có van xả áp suất , alarm báo động, dùng 1 lần.	Bình	
846	Bộ nhíp Bipolaire + dây	1. Đầu đốt chống dính ngăn cản hiện tượng quá nhiệt khi đốt. Đầu đốt thiết kế vi cấu trúc (micro-structure) cải thiện khả năng giữ chặt mô khi kẹp. Khớp nối có tính năng định hướng độ khép chính xác giữa hai đầu tip, hỗ trợ lực đàn hồi mạnh cho bóc tách mô. Kẹp đốt có thể hấp tiệt trùng. Cán cong bayonet giúp tay phẫu thuật viên và dây nối không cản trở vùng quan sát trong phẫu trường. 2. Dây nối: Chiều dài dây ≥ 4m, loại dẻo không bị hiệu ứng nhớ. Lõi dây kim loại được thiết kế bện xoắn chặt, mạ bạc. Vỏ dây bằng silicone không gây dị ứng. Dây nối có thể hấp tiệt trùng.	Bộ	
847	Bút đánh dấu vết mổ.	Bút đánh dấu vết mổ.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
848	Cam biến áp lực dùng cho máy niếu động học.	Áp lực cam biến dùng trong máy do niếu động học Đầu nối: 2 đầu male-female.	Cái	
849	Cam biến lưu lượng thờ ra dùng cho máy gây mê giúp thờ.	Cam biến lưu lượng thờ ra dùng cho máy gây mê giúp thờ Cam biến đo lưu lượng khí từ 0-200 L/phút. Có thể hấp thờ trùng ở 12°C hoặc ở 134°C.	Cái	
850	Cam biến Oxy (Sensor Oxymer) của máy Monitor.	Cam biến SpO2 tương thích với monitor MINDRAY - Hàng mới 100% sản xuất năm 2018 trở về sau - Cầu trục chính: Cầu trục chính bao gồm dây nối tương thích, dây cáp mở rộng, dây nối, và đầu cảm biến.	Cái	
851	Cây đặt nội khí quản khô người lớn	15Fr x 700mm.	Cái	
852	Cây dè lưỡi gỡ tiết trùng.	Cây dè lưỡi gỡ tiết trùng.	Cái	
853	Chân đèn hồng ngoại cao+bóng	Dây nối kẹp lưong cực loại dùng 1 lần E0509 hoặc tương đương.	Cái	
854	Chuong + bo điện tim	Chuong + bo điện tim	Bộ	
855	Đầu dò Argon vác bên, đường kính 2.3mm, dài 2.2mm	Dây dò Argon plasma dùng cho nội soi mềm, dây vác bên, dây dài 2.2m, đường kính 2.3mm, tích hợp đầu lọc, tiết trùng EO	Cái	
856	Đầu dò Argon vác thẳng, đường kính 2.3mm, dài 2.2mm	Dây dò Argon plasma dùng cho nội soi mềm, đầu vác thẳng, dây dài 2.2m, đường kính 2.3mm, tích hợp đầu lọc, tiết trùng EO	Cái	
857	Dây điện cực tạo nhịp tâm thời có bóng.	Dây điện cực tạo nhịp tâm thời có bóng, kích cỡ 5F, chiều dài 114 cm, kèm với bộ chọc tĩnh mạch 6F cảm màu tương thích với máy tạo nhịp tâm thời ST. Jude Medical.	Cái	
858	Dây đo điện tim của máy điện tim.	Dây cáp điện tim tương thích với monitor Mindray hiện có ở Bệnh viện - Hàng mới 100% sản xuất năm 2018 trở về sau - Cầu trục chính: Cầu trục chính bao gồm đầu kết nối tương thích, dây cáp nối, Dây cáp mở rộng, và dây cáp ECG.	Cái	

SIT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
859	Dây đo điện tim của máy Monitor.	Dây cáp điện tim tương thích với monitor Mindray hiện đang có ở Bệnh viện: - Hàng mới 100% sản xuất năm 2018 trở về sau - Cấu trúc chính: Cấu trúc chính bao gồm đầu kết nối tương thích, dây cáp nối, Dây cáp mở rộng, và dây cáp ECG.	Cái	
860	Dây đốt mềm APC hoặc tương đương.	Dây đốt mềm APC hoặc tương đương.	Cái	
861	Dây garo.	Chất liệu: Thun cotton màu xanh, băng dính 2 đầu, miếng gài bền chắc.	Sợi	
862	Dây nối dụng cụ nội soi mềm	Dây nối dụng cụ nội soi mềm	Cái	
863	Dây nối kẹp lưỡng cực loại dùng 1 lần E0509 hoặc tương đương.	Dây nối kẹp lưỡng cực loại dùng 1 lần E0509 hoặc tương đương.	Sợi	
864	Dụng cụ hỗ trợ khâu mũi túi	Dụng cụ hỗ trợ khâu mũi túi tái sử dụng.	Cái	
865	Dụng cụ làm ấm, làm ấm không khí cho ống mở khí quản.	Dụng cụ làm ấm làm ấm không khí cho ống mở khí quản, có một công riêng để hút đờm, có khoảng nhỏ ngăn đờm, có van oxy giúp cung cấp một lượng oxy khi cần thở oxy, có màng cellulose trao đổi độ ẩm và ấm.	Cái	
866	Dung dịch điều trị cho bệnh nhân viêm bàng quang mạn tính.	Đường dùng: 50ml dung dịch vô trùng pha sẵn, bơm nhỏ giọt vào bàng quang gồm: - Thành phần: Hyaluronic acid (dạng muối natri) 1,6%, Sodium chondroitin sulphate 2,0%, Calcium chloride dihydrate 0,87%, Nước tinh khiết vđ 100%. - Chỉ định cho bệnh nhân viêm bàng quang mạn tính do vi khuẩn, xạ trị, hóa trị, hội chứng đau bàng quang mạn/viêm bàng quang mô kẽ do tổn thương lân hiệu mô	Ổng 50ml	
867	Dung dịch ghép tạng Custodiol 1000ml hoặc tương đương	Dung dịch ghép tạng Custodiol 1000ml hoặc tương đương	Túi 1000ml	
868	Găng tay chỉ.	Găng tay chỉ mềm mại, bề mặt bên trong mịn màng làm giảm kích ứng da và cải thiện độ nhạy cảm giác. Độ dày găng tay 0.6mm. Lý tưởng cho X quang, Tim mạch, Phẫu thuật chỉnh hình, Tiết niệu, Nội soi, chẩn đoán,...	cái	
869	Gel bôi trơn 82g: Purified water, PEG, Glycerine' Sodium Hydroxide, 4 - Hydroxybenzoic acid esters (hoặc tương đương)	Gel bôi trơn 82g: Purified water, PEG, Glycerine' Sodium Hydroxide, 4 - Hydroxybenzoic acid esters (hoặc tương đương)	Tuyp 82g	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
870	Gel dặt âm đạo dùng để cân bằng pH âm đạo.	- Dùng dùng: Gel dặt âm đạo. - Thành phần: Nước, Acid lactic, Glycogen... - Chỉ định: bổ sung acid lactic, cân bằng pH âm đạo, hỗ trợ điều trị và dự phòng tái phát viêm âm đạo do tập khuẩn. - Hoặc tương đương.	Tuyp 5ml	
871	Gel dặt âm đạo làm giảm triệu chứng leo âm đạo, khô âm đạo.	- Dùng dùng: Gel dặt âm đạo. - Thành phần: Nước tinh khiết, polycarbophil, mineral oil, glycerol, dầu cò hydrogên hóa, carbomer, sorbic acid. - Chỉ định: làm giảm triệu chứng leo âm đạo, khô âm đạo, ngứa, kích ứng và khô chấy do trong và sau mãn kinh, hậu quả của việc sinh nở, uống thuốc ngừa thai, phẫu thuật cắt bỏ buồng trứng, hóa trị liệu, liệu pháp hấp hoocmon, xạ trị vùng chậu hay vào thời điểm căng thẳng. - Hoặc tương đương.	Tuyp 2.5g	
872	Gel dùng trong âm đạo phục hồi và dự phòng tiến triển sang thương cổ tử cung và âm đạo.	- Dùng dùng: Gel dùng trong âm đạo. - Thành phần: Hyaluronic acid, niosomes, β -glucan niosomes, Centella asiatica phyliosome (chiết xuất cây rau má), Cortisol Versicolor (chiết xuất nấm vằn chi), Chiết xuất cây Nاعم, alpha-oligoglucan, Aloevera (chiết xuất cây nha đam). - Chỉ định: Sử dụng cho phụ nữ trên 18 tuổi, được xác định nhiễm HPV có hoặc chưa có sang thương cổ tử cung do HPV gây ra. Giải pháp tăng đào thải HPV, phục hồi và dự phòng tiến triển sang thương cổ tử cung và âm đạo. + Điều trị các tình trạng gây khô niêm mạc cổ tử cung-âm đạo. + Tái cân bằng hệ vi khuẩn âm đạo, cải thiện sức khỏe âm đạo. - Hoặc tương đương.	Tuyp 5ml	
873	Gel siêu âm	Gel hòa tan không chứa muối, không dính nhầy, không gây dị ứng, đảm bảo độ đậm đặc đồng đều màu, dẫn truyền âm hiệu tốt. Sử dụng với tất cả các loại máy siêu âm	Can/5 lít	
874	Giáp cổ chân tia X.	Giáp cổ bao vệ tuyến giáp, độ dày 0.5mm. Thiết kế yếm rỗng tăng diện bao vệ tuyến giáp và cả vùng cổ. Khóa cài tiện lợi, bền. Chất liệu: Hộp chất Antimon.	Cái	
875	Giấy điện tim 12mm x 20m	Kích cỡ: 12mm x 20m, làm từ bột giấy, đường kẻ rõ nét, lõi tròn bằng nhựa cứng.	Cuộn	
876	Giấy điện tim 3 cân 50mm x 100mm x 300 tờ	Kích cỡ: 50mm x 100mm x 300 tờ, làm từ bột giấy, không chứa clo & cacbon, được xử lý phủ lớp đất sét đặc biệt và phủ lớp nhầy nhớt trên cùng. Lớp trên cùng này được in lưới, đường kẻ rõ nét	Xấp	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
877	Giấy điện tím 6 căn 110mm x 140mm x 142 tờ	Kích cỡ: 110mm x 140mm x 142 tờ, làm từ bột giấy, không chứa clo & cacbon, được xử lý phủ lớp đất sét đặc biệt và phủ lớp nhạy nhiệt trên cùng. Lớp trên cùng này được in lưới. Tất cả những vật liệu thô không chứa bất kỳ hóa chất nào gây ảnh hưởng đến sức khỏe người vận hành, đường kẻ rõ nét	Xấp	
878	Giấy điện tím 80mm x20m	Kích cỡ: 80mm x 20m, làm từ bột giấy, đường kẻ rõ nét, lõi tròn bằng nhựa cứng.	Cuộn	
879	Giấy in 2 lớp dùng cho máy Sterrad 100S hoặc tương đương.	Giấy in 2 lớp dùng cho máy Sterrad 100S	Cuộn	
880	Giấy in nhiệt 57mm x 30m	Giấy in nhiệt 57mm x 30m	Cuộn	
881	Huyết áp kế	Huyết áp kế gồm: bao vải (50cm x 14,5cm) + túi hơi, đồng hồ, quả bóp	Bộ	
882	Javel 4%	Javel 4%	Lít	
883	Kềm tiếp liệu, thẳng 240mm.	Sản phẩm làm từ thép không rỉ. Độ dài sản phẩm: 240mm, có khớp giữ. Sản phẩm có khắc mã. Sai số kích thước tổng thể: 5%.	Cái	
884	Kính chi chẩn tia X.	Kính trắng chi chẩn tia X. Độ dày chi 0.75mm. Trọng lượng nhẹ. Thích hợp cho người sử dụng có dùng kính cá nhân . Chất liệu: Mặt kính làm bằng nhựa Acrylic.	Cái	
885	Máy đo huyết áp điện tử.	-Phương pháp đo huyết áp không xâm lấn. -Hai chế độ đo: Dao động và thính chẩn - Khi phát hiện cử động của người dùng, máy sẽ ngừng bơm trong 5 giây. - Phát hiện được nhịp tim bất thường. *Cấu hình máy bao gồm: máy chính kèm pin sạc, vòng bút GS (size M và L), bộ đổi nguồn adapter AC.	Cái	
886	Máy phun khí dung cá nhân.	Máy phun khí dung cá nhân.	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thêm	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
887	Mô vít thủy tinh.	Cầu hình: - Phần đầu ống thủy tinh. - Phần chווိ kim loại. - Tính năng kỹ thuật: - Phụ kiện của máy Laser điều trị sa sinh dục.	Cái	
888	Nhiệt kế điện tử do trần	Kiểm tra nhiệt độ cơ thể vùng trán 120 được nhiệt độ môi trường, vật thể Bộ nhớ 30 lần kèm theo Tấm đo rộng từ 0-100 độ C Chuyên đoi giữa độ C - F Cho kết quả chính xác trong 1s	Cái	
889	Nhiệt kế thủy ngân kẹp nách (Đã kiểm định).	Nhiệt kế thủy ngân kẹp nách (Đã kiểm định).	Cái	
890	Nhiệt kế lu lạnh có kiểm định	Nhiệt kế lu lạnh có kiểm định	Cái	
891	Nón chi chẵn tia X.	Nón chi chẵn tia X, thiết kế để bảo vệ an toàn vùng đầu, có thể gia giảm khóa dần để định chốt nón vào đầu, trọng lượng nhẹ. Độ dày bảo vệ 0.25mm. Kích cỡ tùy chọn: S, M, L	Cái	
892	(ng nghe	Loại 1 dây dẫn, làm bằng chất hiệu cao su chống lão hóa, bộ phận khước đại âm thanh, làm bằng chất liệu Aluminium, màng khước đại có độ nhạy âm cao. Có 2 mắt nghe tim và phổi	Cái	
893	Qua bóp huyết áp kế	Qua bóp huyết áp kế	Cái	
894	Que bàn chải đánh răng bọt biển Sponge brush for oral care hoặc tương đương	Que bàn chải đánh răng bọt biển Sponge brush for oral care hoặc tương đương	Cái	
895	Que thử đường huyết + kim lấy máu (Nhà thầu chịu trách nhiệm thử đường huyết, số lượng máy tối đa 40 máy)	Que thử đường huyết + kim lấy máu (Nhà thầu chịu trách nhiệm đặt máy thử đường huyết, số lượng máy tối đa 40 máy)	Bộ (Que + kim)	
896	Tay dài Mask thành quần 2 nòng các cỡ.	Nguyên liệu: Thép không rỉ chuyên dùng cho Mask thành quần 2 nòng các cỡ.	Cái	
897	Thuốc do áp lực tĩnh mạch trung tâm.	Thuốc do áp lực tĩnh mạch trung tâm.	Cái	
898	Túi chườm lạnh	Túi chườm lạnh	Cái	
899	Túi chườm nóng	Túi chườm nóng	Cái	
900	Túi hơi huyết áp	Túi hơi huyết áp	Cái	
901	Van huyết áp kế	Van huyết áp kế	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
902	Van thở ra dùng trong máy giúp thở.	Van thở ra dùng trong máy giúp thở. Dễ dàng lắp ráp và tháo rời. Độ bền kéo tốt và chống ăn mòn cao, lò xo bằng thép không gỉ. Có thể hấp tiệt trùng ở 121°C hoặc ở 134°C.	Cái	
903	Váy chì chắn tia X chất liệu chì siêu nhẹ.	Váy chì chắn tia X chất liệu chì siêu nhẹ, thiết kế váy tiêu chuẩn chống lên một phần phía trước và gắn chặt với khóa dán và khóa nhà bên hông. Độ dày bảo vệ 0.35mm.	Cái	
904	Lọ nhựa đựng mẫu PS 20ml, có nắp, có nhãn.	* Lọ nhựa PS trắng trong, có nắp, có nhãn, dung tích 20ml. * Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong.	Lọ	
905	Lọ nhựa đựng mẫu PS 50ml, có nắp, có nhãn.	* Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp, dung tích 50ml. * Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong.	Lọ	
906	Lọ nhựa đựng mẫu PS tiệt trùng 50ml, có nắp, có nhãn.	* Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 50ml. * Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. * Tiệt trùng.	Lọ	
907	Ống đựng máu chuyên dụng cho karyotype Lithium Heparin	Vật liệu: Nhựa y tế, chống sốc, trong suốt, tránh va chạm gây nứt trong quá trình vận chuyển, lấy máu, bảo quản và xét nghiệm. Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Heparin lithium dạng phun khô Kích thước: 13 x 75 mm (đường kính ngoài 13mm; chiều dài ống 75mm) Có chia vạch định mức lấy mẫu Dung tích tiêu chuẩn: 2 ml Chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 đến 10 phút	Cái	
908	Ống nghiệm lấy máu kháng đông Citrat.	* Kích thước 12 x 75mm. Nắp nhựa. * Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8%. * Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml máu trên nhãn ống. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc ≥ 3.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút. * Dùng xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu.	Tube	

STT	Tên hàng hóa mới thêm	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chi chú
909	Ông nghiệm lấy máu kháng đông EDTA có nắp cao su.	* Kích thước 12 x 75mm. Nắp cao su bọc nhựa. * Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tới đa từ 6 - 8 giờ. * Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c.) Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vách lấy máu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc ≥ 3.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút.	Tube	
910	Ông nghiệm lấy máu kháng đông EDTA.	* Kích thước 12 x 75mm. Nắp nhựa. * Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tới đa từ 6 - 8 giờ. * Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c.) Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vách lấy máu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc ≥ 3.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút.	Tube	
911	Ông nghiệm lấy máu kháng đông Heparin.	Kích thước 12 x 75mm. Nắp nhựa. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparin lithium Chịu được lực quay ly tâm gia tốc ≥ 3.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút (có phiếu kèm nghiệm xác nhận của đơn vị kiểm chứng).	Tube	
912	Ông nghiệm nhựa PS lấy máu không nắp 5ml.	* Kích thước 12 x 75mm. Nhựa PS trắng trong không nắp. * Sử dụng nhựa tinh khiết trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong.	Ông	
913	Ông nghiệm Serum.	Kích thước 12 x 75mm. Nắp nhựa màu đỏ. Hóa chất bên trong là hạt nhựa Polystyrene hình khối. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc ≥ 3.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút.	Tube	
914	Bang vải cuộn 0,09mx2,5m	Bang vải cuộn 0,09mx2,5m	Cuộn	
915	Điện cực kẹp chi	Điện cực kẹp chi	Bộ	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
916	Mảnh ghép Polyvinylidene Fluoride, kích thước 9cmx4cm, điều trị sa bàng quang	Mảnh ghép PolyVinylidene Flouride, kích thước 9cm x 4cm, điều trị sa bàng quang : - Kích thước 9cm x 4cm - Vật liệu: 100% PVDF (Polyvinylidene Fluoride) - Lô hiệu quả: 68% - Phản ứng bề mặt: 1.9 m2/m2 - Độ bền tối ưu : 58 N/cm - Có thể khảo sát vị trí mảnh ghép qua chẩn đoán hình ảnh MRI sau phẫu thuật. - Ít biến dạng co rút theo thời gian - Ít gây nhiễm khuẩn mảnh ghép và lộ mảnh ghép.	Cái	
917	Ống tiêm chứa 50ml dung dịch vô trùng pha sẵn dùng bơm nhỏ giọt bàng quang	IALURIL Prefill được chỉ định bơm bàng quang trong các trường hợp: - Bệnh lý mạn tính và tái phát do tổn thương lớp biểu mô bàng quang, bao gồm viêm bàng quang do nhiều bệnh căn khác nhau gây ra thiếu hụt glycosaminoglycan (GAGs); - Viêm viêm bàng quang mạn tính do thành phần và tính toàn vẹn của lớp glycosaminoglycan bị mất hoặc bị biến đổi tùy trường hợp bệnh căn	Ống	
918	Hộp nhựa đựng ống kính nội soi	Hộp nhựa cho bảo quản và vệ sinh ống soi, nắp đậy đục lỗ, kích thước : 446 x 90 x 45 mm	Cái	
919	Dây đốt cao tần lưỡng cực	Dây đốt cao tần lưỡng cực, dài 300 cm	Cái	
920	Dụng cụ tháo/lắp clip dùng trong phẫu thuật nội soi	Dụng cụ tháo/lắp clip dùng trong phẫu thuật nội soi, dài 350mm, đường kính ngàm 12,50mm	Cái	
921	Kẹp tĩnh mạch không chấn thương, cong, ngàm có răng De Bakey	Kẹp tĩnh mạch không chấn thương, cong, ngàm có răng De Bakey, cán vàng, ngàm dài 45mm, lực đóng 2,94N	Cái	
922	Kẹp động mạch không chấn thương, cong, ngàm có răng De Bakey	Kẹp động mạch không chấn thương, cong, ngàm có răng De Bakey, ngàm dài 25mm, lực đóng 3,43N	Cái	
923	Kẹp tĩnh mạch không chấn thương, thẳng, ngàm có răng De Bakey	Kẹp tĩnh mạch không chấn thương, thẳng, ngàm có răng De Bakey, cán vàng, ngàm dài 45mm, lực đóng 2,94N	Cái	
924	Kẹp động mạch không chấn thương, thẳng, ngàm có răng De Bakey	Kẹp động mạch không chấn thương, thẳng, ngàm có răng De Bakey, ngàm dài 25mm, lực đóng 3,43N	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
925	Bát Inox đường kính 150x65mm	Sản phẩm làm từ thép không rỉ 304, đục, không dập mép. Kích thước miệng : 165mm, kích thước lòng : 150mm Chiều cao: 65mm Sân phẩm có khắc mã Sai số kích thước: 5%	Cái	
926	Mô vít cỡ trung	Sản phẩm làm từ thép không rỉ. Kích thước hoạt động sản phẩm: 95x30mm, có ốc cố định Sân phẩm có khắc mã Sai số kích thước tổng thể: 5%	Cái	
927	Banh mô vít cỡ nhỏ	Sản phẩm làm từ thép không rỉ, có khắc laser mã sản phẩm và kỹ hiệu chung theo yêu cầu của bệnh viện Kích thước hoạt động sản phẩm: 75x20mm, có ốc cố định Bề mặt trong không bóng, không xỉ mạ Bảo hành 12 tháng Có các chứng nhận : CE, ISO Sai số kích thước tổng thể: 3%	Cái	
928	Nhíp vi phẫu, gấp góc	Nhíp vi phẫu, mũi gấp góc, đầu 0.3mm, dài 110mm	Cái	
929	Nhíp vi phẫu, thẳng	Nhíp vi phẫu, Số 4, mũi 0.2mm, dài 110mm	Cái	
930	Cán dao mổ số 3	Cán dao mổ, số 3, dài 125mm	Cái	
931	Kẹp mạch máu, cong, dài 160mm	Kẹp mạch máu Rochester-Pean, cong, dài 160mm	Cái	
932	Kéo phẫu thuật Mayo	Kéo phẫu thuật Mayo-Stille, cong, lưỡi vát, mũi tù/tu, dài 165mm	Cái	
933	Seal niêm phong cho hộp đựng dụng cụ phẫu thuật	Seal niêm phong cho hộp đựng dụng cụ phẫu thuật, hộp 1000 chiếc	Hộp/1000 cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
934	Cây banh Malleable nhỏ	Cây vén, hai đầu, dễ uốn, dài 200mm, chiều rộng hai đầu 12mm, 13mm	Cái	
935	Cây banh Malleable vừa	Cây vén, hai đầu, dễ uốn, dài 200mm, chiều rộng hai đầu 17mm, 25 mm		
936	Kéo Durotip TC mảnh, thẳng, mũi nhọn/nhọn, cán vàng, dài 110mm	Kéo Durotip TC mảnh, thẳng, mũi nhọn/nhọn, cán vàng, dài 110mm	Cái	
937	Kéo phẫu tích Metzenbaum Durotip TC, mảnh, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài 180mm	Kéo phẫu tích Metzenbaum Durotip TC, mảnh, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài 180mm	Cái	
938	Kéo phẫu tích Toennis- Adson Durotip TC, mảnh, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài 175mm	Kéo phẫu tích Toennis-Adson Durotip TC, mảnh, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài 175mm	Cái	
939	Kéo phẫu tích Metzenbaum Durotip TC, mảnh, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài 230mm	Kéo phẫu tích Metzenbaum Durotip TC, mảnh, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài 230mm	Cái	
940	Kéo vi phẫu mạch máu Diethrich-Potts, gấp góc 25°, lưỡi cực mảnh, mũi nhọn/nhọn, dài 180mm	Kéo vi phẫu mạch máu Diethrich-Potts, gấp góc 25°, lưỡi cực mảnh, mũi nhọn/nhọn, dài 180mm	Cái	
941	Kéo phẫu thuật Mayo, cong, lưỡi vát, mũi tù/tù, dài 155mm	Kéo phẫu thuật Mayo, cong, lưỡi vát, mũi tù/tù, dài 155mm	Cái	
942	Kéo phẫu thuật Mayo, cong, lưỡi vát, mũi tù/tù, dài 170mm	Kéo phẫu thuật Mayo, cong, lưỡi vát, mũi tù/tù, dài 170mm	Cái	
943	Kéo phẫu tích Metzenbaum, cong, mũi tù/tù, dài 180mm	Kéo phẫu tích Metzenbaum, cong, mũi tù/tù, dài 180mm	Cái	

STT	Tên hàng hóa mới đầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Chi chú
944	Nhíp phẫu tích, loại chuẩn, hàng, ngâm cỏ khia, dài 160mm	Nhíp phẫu tích, loại chuẩn, hàng, ngâm cỏ khia, dài 160mm	Cái	
945	Kẹp mạch máu Birkett, mảnh, cong, dầu tũ, dài 185mm	Kẹp mạch máu Birkett, mảnh, cong, dầu tũ, dài 185mm	Cái	
946	Kẹp cầm máu Halsied (Mosquito), mảnh, cong, dài 200mm	Kẹp cầm máu Halsied (Mosquito), mảnh, cong, dài 200mm	Cái	
947	Kẹp mang kim Crile-Wood (Baby) Durogrip TC, hàng, bước răng 0,40mm, dùng cho chi 4/0-6/0, dài 150mm	Kẹp mang kim Crile-Wood (Baby) Durogrip TC, hàng, bước răng 0,40mm, dùng cho chi 4/0-6/0, dài 150mm	Cái	
948	Banh trực tràng Pratt dài 205mm, kích thước 80 x 25 mm	Banh trực tràng Pratt dài 205mm, kích thước 80 x 25 mm	Cái	
949	Nhíp không chân thương De Bakey hàng, ngâm cỏ răng De Bakey Atraumata, dài 150mm, ngâm rỗng 2mm	Nhíp không chân thương De Bakey hàng, ngâm cỏ răng De Bakey Atraumata, dài 150mm, ngâm rỗng 2mm	Cái	
950	Nhíp phẫu tích không chân thương De Bakey Atraumata, hàng, ngâm cỏ răng De Bakey, dài 200mm, ngâm rỗng 1,50mm	Nhíp phẫu tích không chân thương De Bakey Atraumata, hàng, ngâm cỏ răng De Bakey, dài 200mm, ngâm rỗng 1,50mm	Cái	
951	Nhíp phẫu tích không chân thương De Bakey Atraumata hàng, ngâm cỏ răng De Bakey, dài 240mm, ngâm rỗng 1,50mm	Nhíp phẫu tích không chân thương De Bakey Atraumata hàng, ngâm cỏ răng De Bakey, dài 240mm, ngâm rỗng 1,50mm	Cái	
952	Kéo vi phẫu Mueller, cong, màu xanh da trời, mũi nhọn/nhọn, dài 120mm	Kéo vi phẫu Mueller, cong, màu xanh da trời, mũi nhọn/nhọn, dài 120mm	Cái	
953	Kéo vi phẫu Mueller, hàng, màu xanh da trời, mũi nhọn/nhọn, cầm nhựa tròn, dài 120mm	Kéo vi phẫu Mueller, hàng, màu xanh da trời, mũi nhọn/nhọn, cầm nhựa tròn, dài 120mm	Cái	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
954	Kẹp mang kim vi phẫu Durogrip TC thẳng, cán tròn, màu vàng, có khóa cài, cán kiểu nhíp, bước răng 0,2mm, dài 180mm, dùng cho chỉ từ 6/0 - 10/0	Kẹp mang kim vi phẫu Durogrip TC thẳng, cán tròn, màu vàng, có khóa cài, cán kiểu nhíp, bước răng 0,2mm, dài 180mm, dùng cho chỉ từ 6/0 - 10/0	Cái	
955	Banh vết thương Farabeuf, loại nhỏ	Banh vết thương Farabeuf, loại nhỏ, hai đầu, dài 125mm, bộ 2 chiếc, kích thước 22 x 10mm, 25 x 10mm, 28 x 12mm, 32 x 12mm	BỘ	
956	Que thăm Nelaton	Que thăm Nelaton, cong, dài 160mm	Cái	
957	Que thăm lỗ rò (dài 165mm)	Que thăm lỗ rò Lockhart-Mummery, số 2, cong 45°, dài 165mm	Cái	
958	Ống hút mạch máu nhỏ	Ống tưới rửa Schmid, dễ uốn, dài 150mm, đường kính 4mm	Cái	
959	Ống hút mạch máu lớn	Ống tưới rửa Schmid, dễ uốn, dài 150mm, đường kính 5mm	Cái	
960	Vén mạch máu	Vén mạch máu và rẽ dây thần kinh Caspar, gấp góc 90°, mũi ngắn, đầu thăm, cán tròn, dài 245mm, mũi dài 5mm	Cái	
961	Dầu xịt dụng cụ trước khi tiệt trùng	Dầu xịt dụng cụ trước khi tiệt trùng, dung tích 300ml, không gây kích ứng da bệnh nhân, cho hơi nước thấm qua	Chai/300ml	
962	Kìm kẹp clip đơn nội soi Ligaclip chiều dài cán 35,56cm tương thích clip titan cỡ trung bình-lớn	Kìm kẹp clip titan nội soi chiều dài cán 35,56cm, dùng cho clip titan cỡ trung bình-lớn. Có độ mở clip $\geq 6,4$ mm Có thể xoay nhẹ nhàng, thao tác thuận lợi, không rơi clip trong quá trình sử dụng, không dính clip sau khi kẹp clip, dễ tái sử dụng.	Cái	

